

Văn nghệ Gia Lai

TẠP CHÍ CỦA HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT TỈNH GIA LAI

<https://vannghegialai.vn/>

TRONG SỐ NÀY



Số 09+10

Tháng 6+7.2026

Thời đàm

DƯƠNG HIẾU * Rộng mở tầm nhìn, đổi mới tư duy	3
NSƯT ĐẶNG CÔNG HƯNG - CHỦ TỊCH HỘI VHNT TỈNH GIA LAI "Phần đầu xây dựng Hội VHNT tỉnh Gia Lai trở thành một trong những trung tâm sáng tạo VHNT tiêu biểu của khu vực miền Trung - Tây Nguyên"	5
PV * Kỳ vọng từ những người giữ lửa VHNT Gia Lai	12
VŨ THỊ HUYỀN LY * Phát huy giá trị di sản trong bối cảnh phát triển mới	20
NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG * Trái ngọt từ những nỗ lực không ngừng	23
VÂN PHI * Từ hội tụ đến khởi sắc	26
LÊ TRỌNG NGHĨA * Mỹ thuật trên hành trình mới	29
MINH CẦN * Tiếp bước hành trình sáng tạo	32

Thơ

LÊ THU, TRẦN VIẾT DŨNG, VĂN CÔNG HÙNG, BÌNH NGUYỄN, TẠ VĂN SỸ, NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ, LÊ VI THỦY, LỮ HỒNG, ĐẶNG BÁ KHANH, NGUYỄN ĐẶNG THÙY TRANG, BÙI SỸ HOA, LÊ VĂN HIẾU, NGUYỄN THỊ DIỄM, NHIÊN ĐĂNG, NGUYỄN THỊ PHỤNG, ĐÀO ĐỨC TUẤN

Truyện ngắn

NGUYỄN ANH TUẤN * Hồn lúa Lạc Hồng	64
NGUYỄN THỊ BÍCH NHÀN * Người đàn bà trước bến Giá	73
VÕ ĐÌNH DUY * Lưng người ngược hướng mặt trời	79
THUẬN ÁNH * Bến đò bình yên	84

Nghiên cứu - Phê bình

PHAN TRƯỜNG NGHỊ * Vài sự kiện cần xác định rõ trong tường thuật của Cristoforo Borri	89
NGUYỄN NGỌC PHÚ * Tổ quốc không mất tên Anh...	96

- ★ Tổng Biên tập:
TRẦN QUANG KHANH
- ★ Tòa soạn:
103 Phan Bội Châu
Phường Quy Nhơn - Gia Lai
- ★ ĐT: (0256) 3822167
(0256) 3822187
- ★ Email:
vannghegialai@gmail.com
- ★ Tạp chí điện tử:
<https://vannghegialai.vn>
Email: vannghegialaientu@gmail.com

Gương mặt hội viên

VÂN PHI * Người góp phần định vị tọa độ văn học thiếu nhi 99

LÊ NHẬT KỲ * Dấu ấn văn hóa Phật giáo trong *Chuyện hoa, chuyện quả* của Phạm Hồ 100

Độc sách

DUYÊN AN * Từ trong con chữ nghe hồn rạo rớm... 106

Chân dung văn nghệ sĩ

TRẦN ĐĂNG * Kỳ nhân Lương Lu 109

Văn học trong nhà trường

TRƯƠNG THỊ THÚY * Nguyễn Khoa Điềm vẽ đất nước bằng thơ 113

Văn học nước ngoài

HERMAN MELVILLE (Mỹ) * Nghệ sĩ vĩ cầm * LÊ MINH KHA (dịch) 117

Văn trẻ

THANH TUYẾN * Chiếc ghế cuối hành lang 123

Văn học thiếu nhi

PHAN LINH CHÂU * Mùa hè rực rỡ 131

Thơ TRẦN VĂN LAN, CAO TIẾN KỲ 136

Đất và người Gia Lai

VÕ MINH HẢI * Địa danh Cầu Đôi trong thư tịch và tâm thức dân gian 138

Tản văn

NGUYỄN TRẦN THANH TRÚC * Trở lại dòng sông tuổi thơ 141

Âm nhạc - Mỹ thuật - Nhiếp ảnh

THẾ TUYẾN, TRƯƠNG ĐỨC HẢI, LÊ KHẮC HÙNG, TRẦN KIM VÂN, VŨ THÀNH, HỒ HOÀNG VINH - NGUYỄN VĂN CẦN, CHÂU THỊ ÁI VÂN, GIANG MINH HOÀNG, TRẦN TUẤN, LÊ DUY HỒNG, NGUYỄN VIẾT XUÂN, LÊ THỊ KIM THÚY, PHẠM THẾ BỘ, LÊ HÙNG, NGUYỄN HỮU VIÊN - ĐÀO TIẾN ĐẠT, NGUYỄN NGỌC SƠN, NGUYỄN NGỌC HÒA, TRẦN BẢO HÒA, NGUYỄN MINH QUANG, ĐẶNG VĂN HẢI, TRẦN HÙNG ĐẠO, TRƯƠNG ĐĂNG HUY, MINH CẦN, VĂN CẢNH, NGUYỄN PHAN ĐĂNG QUAN

Tranh bìa 1: Lê Duy Khanh

Bìa: Họa sĩ **Lê Duy Khanh**

Trình bày: **Kim Sơn**

Giấy phép hoạt động tạp chí in và tạp chí điện tử số 17/GP-BTTTT

của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 13.01.2023

In 800 quyển, khổ 16x24cm, 160 trang tại Công ty In Nhân Dân Bình Định,

339-341 Trần Hưng Đạo. ĐT: 02563822810

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8.2026

Giá bán: 30.000 đồng

Rộng mở tầm nhìn, đổi mới tư duy

DƯƠNG HIẾU

Một năm trôi qua là quãng thời gian vừa đủ để những điều mới mẻ, bở ngỡ trở nên quen thuộc, nhuần thấm. Một năm hoạt động của Hội VHNT Gia Lai sau hợp nhất cũng vừa vặn để Hội ổn định công tác tổ chức từ Thường trực, Ban chấp hành Hội đến các chi hội và tiến hành các hoạt động trên quy mô trải dài “từ đại ngàn đến biển xanh”; hội viên các chi hội cũng vừa kịp quen biết nhau và thích nghi trong môi trường sinh hoạt mới. Trong bối cảnh đó, Đại hội đại biểu Hội VHNT tỉnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2026 - 2031 được tổ chức. Có gì vui hơn khi các đại biểu hội viên đồng và tây tỉnh được hội ngộ trong một ngày hội lớn để được nghe sự ghi nhận những thành tựu mà chính mình và đồng nghiệp đã nỗ lực làm nên trong suốt nhiệm kỳ qua, để cùng nhau bàn bạc, hoạch định những chương trình hành động lớn của Hội trong 5 năm tiếp theo và bầu chọn ra những người tài đức đại diện cho tiếng nói của mình vào Ban Chấp hành Hội.

Đất nước đang bước vào kỷ nguyên mới với yêu cầu đặc biệt về xây dựng con người. Xuyên suốt tiến trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho việc phát huy tối đa nhân tố con người. Các chủ trương, chính sách không ngừng được hoàn thiện để giải phóng sức lao động, khơi dậy tiềm năng sáng tạo của toàn dân. Quan điểm này càng được khẳng định mạnh mẽ và sâu sắc trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng: “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam”.

Ngay từ tháng 7.1998, Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII ra nghị quyết chuyên đề “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đánh dấu một bước ngoặt mới mở đường cho sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, chấp cánh cho văn học, nghệ thuật. Mười năm sau, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW “Về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”, nêu rõ: “Tập trung mọi nguồn lực xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nhân cách

con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về chân, thiện, mỹ của các tầng lớp Nhân dân; phục vụ có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Năm 2014, Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) tiếp tục ra Nghị quyết số 33 xác định rõ mục tiêu “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”...

Mười năm sau, tại cuộc gặp mặt đại biểu văn nghệ sĩ toàn quốc diễn ra ngày 30.12.2024, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn nhủ: văn nghệ sĩ phải bám sát nhịp sống, hơi thở của Nhân dân, hòa mình cùng đất nước để kiến tạo nhân cách, văn hóa con người Việt Nam, tạo động lực đưa dân tộc bước vào “kỷ nguyên mới”.

Khi đặt lên vai văn nghệ sĩ nhiệm vụ “kiến tạo nhân cách, văn hóa con người Việt Nam”, rõ ràng đồng chí Tổng Bí thư đã coi đây là những người con ưu tú, tinh hoa, giữ vai trò nòng cốt để truyền bá văn hóa dân tộc. Cũng trong phát biểu của mình đồng chí Tổng Bí thư đặt kỳ vọng đội ngũ văn nghệ sĩ tiếp tục là lực lượng tiên phong, dùng ngòi bút và tác phẩm của mình để khơi dậy khát vọng xây dựng đất nước hùng cường.

Có thể nói, hơn bao giờ hết, Đảng và Nhà nước đã luôn đánh giá cao vai trò của đội ngũ văn nghệ sĩ và dành cho sự nghiệp phát triển văn hóa nói chung và văn học nghệ thuật nói riêng sự quan tâm và những kỳ vọng lớn lao.

Hội VHNT Gia Lai đang sở hữu một lực lượng sáng tác văn học hùng hậu tiếp nối các thế hệ nhà văn từng vang danh trên diễn đàn văn chương cả nước. Đội ngũ nghệ sĩ các chuyên ngành: Mỹ thuật, Âm nhạc, Nhiếp ảnh, Sân khấu, Múa... cũng đã lớn mạnh không ngừng cùng với lực lượng nghiên cứu văn hóa dân gian, văn hóa các dân tộc thiểu số đã làm nên một nền văn học nghệ thuật Gia lai khởi sắc hòa theo dòng chảy của văn học nghệ thuật cả nước. Mặc dù vậy, nhìn chung các tác phẩm phản ánh sinh động tâm vóc công cuộc đổi mới, có tác dụng tích cực đối với con người chưa nhiều; công tác nghiên cứu, lý luận, phê bình chưa ngang tầm với sự phát triển của sáng tác...

Đại hội đại biểu Hội VHNT Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2026 - 2031 chắc chắn sẽ bàn bạc các giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại để Hội bước vào nhiệm kỳ mới với tư thế mới - tư thế của những người sự chinh phục sáng tạo!

Sự nghiệp đổi mới của Đảng và của đất nước đang được đẩy tới tầm cao mới. Cả dân tộc đang đồng lòng bước vào kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình với ý chí quật cường, khát vọng phát triển...

Văn nghệ sĩ tỉnh Gia Lai hơn bao giờ hết, nhận thức rõ ràng trách nhiệm nặng nề và sứ mệnh vẻ vang của mình là đồng hành cùng dân tộc mình, cùng quê hương, đất nước mình, luôn xứng đáng là lực lượng tiên phong, dùng ngòi bút và tác phẩm của mình để khơi dậy khát vọng xây dựng đất nước hùng cường như đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm đang kỳ vọng!

D.H

NGHỆ SĨ ƯU TÚ ĐẶNG CÔNG HƯNG, CHỦ TỊCH HỘI VHNT GIA LAI

“Phấn đấu xây dựng Hội VHNT tỉnh Gia Lai trở thành một trong những trung tâm sáng tạo VHNT tiêu biểu của khu vực miền Trung - Tây Nguyên”



NSUT ĐẶNG CÔNG HƯNG
Chủ tịch Hội VHNT Gia Lai

PV: Thưa ông, tính đến cuối tháng 7 này Hội VHNT Gia Lai đã có được 13 tháng hoạt động sau hợp nhất, nếu nói một cách ngắn gọn về công tác sắp xếp bộ máy tổ chức, ông sẽ nói điều gì?

NSUT Đặng Công Hưng: Ngày 01.7.2025 khi hai tỉnh Gia Lai và Bình Định hợp nhất thành tỉnh Gia Lai mới cũng là cột mốc lịch sử, đánh dấu sự hợp nhất hai nền văn học nghệ thuật giàu truyền thống của Bình Định và Gia Lai cũ để hình thành một nền văn học nghệ thuật mang tầm vóc và diện mạo mới mẻ của tỉnh Gia Lai. Văn nghệ sĩ tỉnh nhà được mở ra một không gian sáng tạo mới với nền tảng văn hóa rộng lớn, đa dạng, đa tầng, hội tụ nhiều giá trị đặc sắc. Đó là không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên cùng kho tàng văn hóa dân gian phong phú của các dân tộc Bahnar, Jrai, H're và nhiều cộng đồng dân cư. Đó là nghệ thuật Bài chòi, hát Bội đặc sắc với danh nhân văn hóa Đào Tấn cùng di sản văn hóa Nhà Tây Sơn, hệ thống di sản văn hóa Chăm và các giá trị văn hóa biển đảo...

Việc hợp nhất hai Hội VHNT không chỉ đơn thuần là sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Hội mà còn là sự kết nối hai dòng chảy văn hóa với lực lượng văn nghệ sĩ có những đặc trưng sáng tạo riêng về chung một nhà. Công việc sắp xếp bộ máy tổ

chức mới ở Hội VHNT Gia Lai diễn ra khá suôn sẻ. Có 3 đồng chí lãnh đạo Hội xin nghỉ công tác, nghỉ thôi việc theo Nghị định 178 để tạo điều kiện cho việc sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy. Từ ngày 10.7.2025, Ban Chấp hành lâm thời có 22 đồng chí, Ban Thường vụ có 7 đồng chí, Ban Kiểm tra 8 đồng chí. Ban Chấp hành lâm thời đã tổ chức Hội nghị hiệp thương bầu NSUT Đặng Công Hưng làm Chủ tịch Hội. Đến tháng 9.2025, Thường trực Hội còn lại 2 đồng chí gồm Chủ tịch và Phó Chủ tịch. Các chi hội chuyên ngành, chi hội địa phương được hợp nhất, sắp xếp, củng cố phù hợp với thực tiễn hoạt động; các quy chế làm việc, hỗ trợ sáng tạo được ban hành, cơ chế phối hợp và phương thức quản lý từng bước được hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho hội viên tham gia sinh hoạt, sáng tạo và cống hiến. Ban Chấp hành Hội đã chỉ đạo tổ chức thành công đại hội các chi hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 vào tháng 12.2025. Qua đó củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả điều hành của Ban Chấp hành các chi hội.

PV: *Một không gian sáng tạo mới được mở ra với anh chị em văn nghệ sĩ trong tỉnh nói chung và với các hội viên của Hội VHNT tỉnh nhà, trong điều kiện một bộ máy tinh gọn như vậy, lực lượng hội viên lại đông đảo hơn và hoạt động trên một địa bàn rộng lớn như vậy, ông có thấy cán bộ, nhân viên của Hội phải làm việc vất vả hơn?*

NSUT Đặng Công Hưng: Tất nhiên rồi, sau sắp xếp tổ chức, Hội còn lại 10 cán bộ nhân viên, trong đó có 3 người trong diện hợp đồng, tập trung làm việc tại trụ sở ở phường Quy Nhơn. Ít người, đầu việc được tỉnh giao trong năm nhiều hơn, sự kiện được tổ chức trải dài trên địa bàn rộng lớn, có những cuộc giao lưu trong tỉnh, hội viên phải đi gần 230 cây số tính từ trụ sở Hội (như cuộc giao lưu với các chiến sĩ đồn biên phòng la O gần biên giới Campuchia). Mặt khác, hội viên giờ gần 600 người mà phần lớn là cao tuổi trong khi kinh phí hoạt động và hỗ trợ sáng tác còn hạn chế khiến việc tổ chức sự kiện, hội viên đi lại, họp hành, giao lưu gặp nhiều khó khăn. Chính lẽ đó mà cán bộ, nhân viên của Hội đã phải làm việc vô cùng vất vả, nhiều lúc anh em phải làm việc thông tâm, không có ngày nghỉ. Song chúng tôi cũng xác định là làm hết việc chứ không phải làm hết giờ. Mỗi một sự kiện được tổ chức thành công, được ghi nhận là nguồn cổ vũ lớn lao cho đội ngũ cán bộ ở Hội và anh chị em hội viên.

PV: *Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Hội VHNT địa phương là tập hợp, đoàn kết hội viên, động viên họ sáng tạo ra những tác phẩm có giá trị phục vụ Nhân dân. Hơn một năm qua, Hội VHNT Gia Lai đã làm gì để tăng cường sự đoàn kết trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và hội viên?*

NSUT Đặng Công Hưng: Ngay từ những năm trước đây, Hội VHNT Bình Định và Hội VHNT Gia Lai đã có mối quan hệ gần gũi, thân thiết; hội viên giữa hai Hội cũng khá hiểu biết về nhau nên khi được hợp nhất lại cả lãnh đạo cũng như hội viên đều rất phấn khởi. Cuộc sắp xếp bộ máy tổ chức của Hội diễn ra suôn sẻ và êm thấm là cơ sở tạo nên mái nhà chung ấm áp của hội viên. Hơn một năm qua,



Đại biểu thực hiện nghi thức cắt băng khai mạc triển lãm mỹ thuật “Về miền Đất Đỏ”.
Ảnh: Minh Cẩn

chúng tôi đã đặc biệt quan tâm công tác tư tưởng, xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong đội ngũ văn nghệ sĩ, hội viên. Ban Chấp hành Hội đã thường xuyên tổ chức các hoạt động gặp gỡ, giao lưu nghề nghiệp, trao đổi chuyên môn, tạo điều kiện để tăng cường hiểu biết, cùng chia sẻ kinh nghiệm sáng tác giữa hội viên ở phía đông và phía tây tỉnh; cùng tham gia đóng góp vào các hoạt động chung của Hội.

Tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, tôn trọng sự khác biệt và phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của vùng miền đã trở thành nền tảng quan trọng giúp Hội vượt qua những khó khăn trong giai đoạn đầu này khiến Hội VHNT tỉnh xứng đáng làm vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với văn nghệ sĩ để cùng nhau thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Đây cũng là nền tảng quan trọng để Hội tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, phát huy hiệu quả các nguồn lực, góp phần xây dựng nền văn học nghệ thuật tỉnh Gia Lai phát triển rực rỡ trong giai đoạn mới.

PV: Với cương vị Chủ tịch Hội VHNT tỉnh Gia Lai, một cách chung nhất, ông có thể đánh giá hoạt động của Hội xuyên suốt nhiệm kỳ qua, nhất là những hoạt động sau một năm hợp nhất?

NSƯT Đặng Công Hưng: Trên nguyên tắc tôn trọng, bảo đảm quyền tự do sáng tạo, phát huy tính độc lập, khơi dậy tiềm năng của văn nghệ sĩ, trong nhiệm kỳ qua, nhìn chung công tác Hội đã góp phần tạo nên một khối lượng lớn các công trình, tác phẩm VHNT, trong đó có nhiều tác phẩm chất lượng, đoạt giải cao ở trung ương, khu vực và địa phương. Hoạt động Hội cũng đã góp phần bồi dưỡng, chăm sóc các tài năng trẻ, tạo nên một đội ngũ sáng tác trẻ chất lượng, bảo đảm sự kế thừa lâu dài.

Nhìn chung, trong nhiệm kỳ qua, công tác Hội đã có nhiều nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và hội nhập quốc tế. Ngoài ra, các hoạt động của Hội nói chung còn góp phần quảng bá, giới thiệu hình ảnh đất nước, con người địa phương, góp phần đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Sau hợp nhất, Hội đã tiếp tục phát huy các hoạt động tích cực như tổ chức các cuộc thi, trại sáng tác, đi thực tế để lại những dấu ấn quan trọng sau hàng loạt các sự kiện như: tổng kết và trao giải Cuộc thi viết bút ký và sáng tác ca khúc về hình ảnh “Bộ đội cụ Hồ” (phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh); khánh thành cụm tác phẩm điêu khắc “Đất và Người Gia Lai” đặt 25 tác phẩm điêu khắc tại không gian nghệ thuật tại khu đô thị suối Hội Phú (kinh phí xã hội hóa); phối hợp với Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam tổ chức Trại sáng tác văn học nghệ thuật khu vực Nam miền Trung - Tây Nguyên ở Gia Lai tây; tổ chức và phối hợp tổ chức nhiều cuộc triển lãm ảnh, triển lãm mỹ thuật cả phía tây và đông tỉnh; tổ chức các chương trình nghệ thuật chào mừng Ngày Âm nhạc Việt Nam, Ngày Sân khấu Việt Nam; tổ chức đêm thơ Nguyên tiêu “Xuân Giao hòa” ở phường Quy Nhơn và phường Pleiku; tổ chức hàng loạt chuyến đi thực tế sáng tác, hỗ trợ mở trại sáng tác, tổ chức tọa đàm chuyên đề... cho các chi hội chuyên ngành; mở lớp bồi dưỡng sáng tác văn học cho các bạn học sinh THCS và THPT ở Gia Lai Tây; đăng cai tổ chức Triển lãm Mỹ thuật khu vực...



*Đại biểu, văn nghệ sĩ và công chúng yêu mỹ thuật thường lãm tác phẩm
tạ triển lãm mỹ thuật do Hội VHNT tổ chức. Ảnh: Minh Cần*



Khai mạc triển lãm mỹ thuật “Giao hòa 2”. Ảnh: N.M



Chi hội VHNT các DTTS đi thực tế sáng tác tại các xã phía Tây tỉnh. Ảnh: V.P

Tất cả tạo nên một khí thế mới, khơi nguồn cảm hứng cho hội viên nỗ lực sáng tạo nên nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật tốt phục vụ đời sống, phục vụ nhân sinh.

PV: Tháng 6 năm 2025, Tạp chí Văn nghệ Bình Định sau gần 13 năm ra mắt bộ mới đã ngừng hoạt động theo chủ trương hợp nhất tỉnh, trong lúc tạp chí Văn nghệ Gia Lai của Hội VHNT Gia Lai cũ đã ngừng hoạt động từ năm 2021. Tuy nhiên đến ngày 15.10.2025, sau khi hai Hội hợp nhất chừng 3 tháng, tạp chí Văn nghệ Gia Lai đã ra mắt với hai ấn phẩm là tạp chí in ra hằng tháng và tạp chí Văn nghệ Gia Lai điện tử cập nhật mỗi ngày. Đây thật sự là niềm vui lớn của văn nghệ sĩ và bạn đọc yêu văn chương, nghệ thuật trong tỉnh, xin ông cho biết Hội đã có những

nỗ lực như thế nào tạp chí được tiếp tục khẳng định vị trí trong làng báo tỉnh nhà và với tư cách là cơ quan chủ quản của tạp chí, xin ông cho biết định hướng hoạt động của tạp chí trong thời gian tới đây?

NSƯT Đặng Công Hưng: Ngay sau hợp nhất, khi công việc sắp xếp, kiện toàn công tác tổ chức ở Hội vừa xong, tập thể lãnh đạo Hội đã nghĩ ngay đến việc sớm ra mắt Tạp chí Văn nghệ Gia Lai. Được sự quan tâm của Thường trực Tỉnh ủy, sự giúp đỡ tận tình của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Hội đã nỗ lực hoàn thiện các thủ tục đổi tên Tạp chí Văn nghệ Bình Định thành Tạp chí Văn nghệ Gia Lai, chính thức hoạt động từ ngày 01.10.2025. Trên cơ sở kế thừa và phát huy những kết quả đạt được, Tạp chí đã chủ động đổi mới nội dung, mở thêm các chuyên trang, chuyên mục mới, tập trung giới thiệu những thành tựu văn học nghệ thuật, các giá trị văn hóa tiêu biểu của vùng đất Gia Lai mới; góp phần quảng bá hình ảnh quê hương, con người và bản sắc văn hóa đặc sắc của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Công tác chuyển đổi số được quan tâm triển khai. Tạp chí điện tử hoạt động ổn định, từng bước mở rộng phạm vi tuyên truyền, nâng cao hiệu quả

quảng bá tác phẩm và kết nối đội ngũ văn nghệ sĩ trên môi trường số. Tính đến tháng 7 năm 2026, Tạp chí đã xuất bản 10 số tạp chí in với tổng số 5.000 bản, phục vụ hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền và nhu cầu thưởng thức văn học nghệ thuật của bạn đọc trong và ngoài tỉnh. Thời gian tới tạp chí Văn nghệ Gia Lai sẽ tiếp tục hoàn thiện công tác tổ chức, đổi mới mạnh mẽ hơn bằng các công cụ hỗ trợ số hóa và phát triển các nền tảng truyền thông đa phương tiện nhằm quảng bá rộng rãi các tác phẩm văn học nghệ thuật cũng như những hình ảnh tốt đẹp của tỉnh nhà đến với công chúng trong tỉnh, trong nước và trên toàn cầu.

PV: *Xin ông cho biết trong quá trình chuẩn bị các văn kiện cho Đại hội đại biểu Hội VHNT tỉnh Gia Lai lần thứ I, Ban chấp hành đã đề xuất phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ mới như thế nào?*

NSƯT Đặng Công Hưng: Phương hướng hoạt động của Hội VHNT Gia Lai trong nhiệm kỳ mới được xây dựng căn cứ vào các định hướng, quan điểm, nhiệm vụ về VHNT nêu trong các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng về văn hóa, VHNT, nhất là tại các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ I; căn cứ vào định hướng phát triển VHNT của Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam trong giai đoạn mới và thực tiễn hoạt động của Hội. Trên cơ sở đó, BCH đã thống nhất xác định phương hướng chung của Hội trong nhiệm kỳ mới là: Tích cực đổi mới phương thức hoạt động; phát huy vai trò tập hợp, đoàn kết đội ngũ văn nghệ sĩ, xây dựng Hội VHNT Gia Lai vững mạnh về tổ chức; tôn trọng, bảo đảm quyền tự do sáng tạo, phát huy tài năng, khơi dậy tiềm năng, tâm huyết của văn nghệ sĩ để họ sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật, góp phần xứng đáng xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị



Hội thơ Nguyễn tiêu Bình Ngọ 2026 với chủ đề “Xuân giao hòa” do Hội VHNT tổ chức. Ảnh: P.N

văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới, đưa đời sống VHNT tỉnh nhà lên một tầm cao mới; gắn kết hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại, xây dựng môi trường đạo đức trong sáng, lành mạnh góp phần xứng đáng vào nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc, vào sự phát triển nền kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; phấn đấu xây dựng Hội VHNT tỉnh Gia Lai trở thành một trong những trung tâm sáng tạo văn học nghệ thuật tiêu biểu của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, là cầu nối giữa không gian văn hóa Tây Nguyên, văn hóa biển đảo và văn hóa Tây Sơn và các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của các dân tộc trong tỉnh.

PV: *Vậy những giải pháp nào được đưa ra tại Đại hội đại biểu lần thứ I Hội VHNT Gia Lai, nhiệm kỳ 2026 - 2031 nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà văn kiện của Ban chấp hành Hội đề ra?*

NSƯT Đặng Công Hưng: Tại Đại hội, các đại biểu sẽ bàn bạc thảo luận nhóm 6 giải pháp quan trọng để Hội tích cực thực hiện, bảo đảm cho thắng lợi trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội. Nhóm 6 giải pháp đó là: 1. *Tiếp tục xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.* Hội cần nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, Ban Chấp hành các chi hội, giữ vững khối đoàn kết nội bộ; quan tâm phát triển hội viên mới; xây dựng lực lượng kế cận có trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và trách nhiệm xã hội... 2. *Nâng cao chất lượng sáng tác văn học nghệ thuật.* Tiếp tục phát huy thế mạnh của từng chuyên ngành; quan tâm đầu tư cho các tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật; xây dựng các công trình văn học nghệ thuật lớn về vùng đất và con người Gia Lai. 3. *Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, lý luận phê bình.* Tăng cường hoạt động nghiên cứu văn hóa, văn học nghệ thuật; tổ chức các hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên đề nhằm khẳng định những vấn đề còn nhiều ý kiến trái chiều; nâng cao chất lượng hoạt động sáng tác. 4. *Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống* bằng các hình thức đẩy mạnh công tác sưu tầm, nghiên cứu, bảo tồn và quảng bá di sản văn hóa vật thể, phi vật thể; chú trọng các giá trị văn hóa đặc sắc của đồng bào Bahnar, Jrai, H're, Chăm và các dân tộc khác trên địa bàn tỉnh. 5. *Đổi mới công tác quảng bá tác phẩm và chuyển đổi số* bằng việc xây dựng hệ sinh thái truyền thông số phục vụ quảng bá văn học nghệ thuật. 6. *Mở rộng giao lưu, hợp tác và hội nhập.* Tăng cường phối hợp với Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, các hội chuyên ngành Trung ương, các tỉnh, thành trong khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước để tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi nghiệp vụ, quảng bá tác phẩm...

PV: *Xin cảm ơn ông, chúc Đại hội đại biểu Hội VHNT Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2031 thành công tốt đẹp!*

DƯƠNG HIẾU (thực hiện)

Kỳ vọng từ những người giữ lửa văn học nghệ thuật Gia Lai

LTS: Sau một năm hợp nhất, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Gia Lai đang bước vào dấu mốc quan trọng với Đại hội đại biểu lần thứ I. Trước thềm Đại hội, những văn nghệ sĩ tiêu biểu ở nhiều lĩnh vực đã chia sẻ góc nhìn về chặng đường đã qua, những cơ hội từ sự giao thoa giữa đại ngàn và biển cả, đồng thời gửi gắm kỳ vọng vào một nhiệm kỳ mới đoàn kết, đổi mới và giàu sức sáng tạo. Mỗi tiếng nói mang một sắc thái riêng, nhưng đều chung niềm tin xây dựng Hội trở thành mái nhà chung, khơi dậy và lan tỏa những giá trị văn học nghệ thuật của Gia Lai trong giai đoạn phát triển mới.

NHÀ THƠ MAI THÌN - NGUYÊN CHỦ TỊCH HỘI VHNT BÌNH ĐỊNH



**Sau một năm sáp nhập,
ta có nhiều điều đáng mừng...**

Việc hợp nhất hai Hội đã mở ra một không gian sáng tạo rộng lớn hơn. Gia Lai mới hội tụ cả đại ngàn Tây Nguyên và dải duyên hải Nam Trung Bộ, là nơi gặp gỡ của nhiều cộng đồng dân tộc, nhiều lớp trầm tích lịch sử và văn hóa.

Nếu đối tượng sáng tạo quen thuộc của văn nghệ sĩ (VNS) phía Đông tỉnh trước đây chỉ có các loại hình văn hóa miền xuôi: Hát bội, Bài chòi, bả trạo, võ, và văn hóa Chăm Pa, văn hóa Tây Sơn... thì bây giờ có thêm không gian văn hóa công chiêng, di tích khảo cổ Rộc Tung - Gò Đá, di tích Tây Sơn Thượng Đạo, cùng nhiều nét văn hóa, lễ hội đậm bản sắc đại ngàn. Tất cả những cái đó bổ sung cho nhau, VNS ở phía Đông có thể cảm nhận sâu hơn nhịp sống của đại ngàn; người ở phía Tây lại có thêm điều kiện tiếp cận không gian văn hóa biển. Sự giao thoa ấy giúp mở rộng tầm nhìn, tăng cường giao lưu, học hỏi lẫn nhau, góp phần làm phong phú hơn tiếng nói nghệ thuật và tạo nên những tác phẩm mang hơi thở của một Gia Lai mới. Đó là một lợi thế rất quý đối với người làm văn học nghệ thuật.

Quả thật, đã hơn một năm trôi qua, giờ nhớ lại thời điểm chuẩn bị cho việc sáp nhập hai Hội, tôi vẫn còn rất nhiều xúc cảm. Ngay sau khi nhận được chỉ đạo về việc sáp nhập hai tỉnh, hai Hội, chúng tôi đã có nhiều cuộc họp bàn triển khai. Sau chuyến thăm và làm việc với thường trực Hội VHNT Gia Lai cũ, ngày 06.6.2025, Hội VHNT Bình Định đã tổ chức hội nghị bàn công tác sáp nhập với sự tham gia của đầy đủ các thành viên Ban chấp hành hai Hội. Hội nghị đã thống nhất rất cao về nhân sự của Hội VHNT Gia Lai mới và dự thảo đề án sáp nhập hai Hội, trong đó giữ nguyên mô hình tổ chức khi sáp nhập các chi hội trực thuộc.

Hội VHNT Bình Định lúc đó có Tạp chí Văn nghệ in, Tạp chí Văn nghệ điện tử, 08 Chi hội chuyên ngành, 01 Chi hội địa phương, 01 CLB VHNT và 01 Ban sáng tác trẻ. Còn Hội VHNT Gia Lai cũ có 07 Chi hội chuyên ngành, 01 Chi hội địa phương, không có Tạp chí Văn nghệ, không có Chi hội VHNT Dân tộc thiểu số. Trong đó, số lượng hội viên, rồi truyền thống, và môi trường hoạt động của hai Hội cũng có sự khác biệt.

Vì thế, lúc đó điều chúng tôi lo lắng và trăn trở nhất là liệu Tạp chí Văn nghệ có được tiếp tục hoạt động? BCH các chi hội, BCH hội, có tiếng nói chung sau khi sáp nhập? Anh chị em văn nghệ sĩ phía Đông và phía Tây có hòa nhập? Rồi các chính sách phát triển VHNT có được đồng bộ, duy trì, hay sẽ bị tình giảm? Rất nhiều những trăn trở trong các buổi gặp mặt, đặc biệt là với những người có trách nhiệm. May sao, đến nay, tất cả đã được giải đáp, chứng minh bằng nhiều hoạt động sôi nổi và hiệu quả của VNS cả tỉnh.

Vừa rồi, BCH Hội VHNT Gia Lai đã làm rất tốt các quy trình nhân sự đại hội. Trước đó các Chi hội cũng đã tổ chức thành công Đại hội cơ sở với sự thống nhất rất cao. Đây là tín hiệu của tinh thần đoàn kết và rất trách nhiệm của VNS sau một năm hoạt động. Và điều đáng mừng nữa là sau một năm, khoảng cách về địa lý không còn là rào cản. Những cuộc gặp gỡ, các chuyến đi thực tế, những hoạt động chuyên môn chung đã tạo điều kiện để văn nghệ sĩ hai vùng hiểu nhau hơn, chia sẻ với nhau nhiều hơn.

Chỉ cần theo dõi Tạp chí Văn nghệ Gia Lai, cũng thấy ngày càng có nhiều tác giả quan tâm khám phá những không gian văn hóa vốn trước đây còn ít dịp tiếp cận. Nổi bật là lĩnh vực mỹ thuật, rồi âm nhạc, nhiếp ảnh, văn học...

Đầu tháng 7 vừa rồi, tôi tham gia lớp Bồi dưỡng sáng tác văn học trẻ ở Pleiku và tháp tùng với đoàn khảo sát các nghệ nhân ở phía Tây tỉnh nhằm vận động, kết nạp hội viên Chi hội VHNT các Dân tộc thiểu số mới biết thêm nhiều tài năng, tình cảm của các nghệ sĩ, nghệ nhân. Có rất nhiều người là NNƯT giành nhiều huy chương, thành tích trong nước và thế giới, nhưng chưa được vào Hội. Nhiều cháu học sinh yêu thích sáng tác văn học, cần góp ý, vun dưỡng đam mê...

Những câu chuyện của miền biển và đại ngàn đang được nhìn bằng nhiều góc độ mới, giàu tính nghệ thuật hơn. Điều đó cho thấy sự hợp nhất không chỉ

diễn ra về mặt tổ chức mà đang từng bước trở thành sự hòa quyện trong đời sống sáng tạo của văn nghệ sĩ.

Đến thời điểm này, chúng ta có thể khẳng định, thế mạnh lớn nhất của Hội VHNT Gia Lai chính là sự đa dạng về không gian văn hóa và “sở hữu” một lực lượng VNS tài năng, nổi trội so với khu vực và cả nước. Nhiều nơi có điều kiện để kết nối biển với núi rừng, nhưng sự kết nối văn hóa Tây Sơn với không gian công chiêm, văn hóa Chăm với bản sắc của các dân tộc Tây Nguyên trong cùng một địa bàn như Gia Lai hôm nay thì rất hiếm. Nếu biết khai thác, chúng ta sẽ hình thành được một bản sắc riêng rất giàu sức hấp dẫn.

Bên cạnh đó là sự đoàn kết của đội ngũ VNS, sự quan tâm của lãnh đạo các cấp, thể hiện bằng Nghị quyết 16 của HĐND tỉnh, quy định một số chính sách hỗ trợ xuất bản, phổ biến, tặng thưởng các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật của văn nghệ sĩ sáng tác và đạt giải thưởng. Đây là một chính sách lớn, kế thừa từ các chủ trương của hai tỉnh trước khi sáp nhập.

Mặc dù đã nghỉ hưu, nhưng sau một năm “kể vai sát cánh” với các hoạt động của Hội, tôi kỳ vọng Ban Chấp hành khóa I sẽ xây dựng được môi trường đoàn kết, dân chủ và tôn trọng sự khác biệt trong sáng tạo. Bên cạnh đó là quan tâm bồi dưỡng lực lượng trẻ, tạo điều kiện cho văn nghệ sĩ đi thực tế, tăng cường giao lưu giữa các chuyên ngành, đồng thời tiếp tục nâng cao chất lượng các ấn phẩm, giải thưởng và hoạt động quảng bá tác phẩm, trong đó có Tạp chí Văn nghệ của Hội.

Tôi tin rằng với truyền thống của hai Hội trước đây và tinh thần đổi mới của nhiệm kỳ đầu tiên, Hội VHNT Gia Lai sẽ từng bước khẳng định vị thế của mình trong đời sống văn học nghệ thuật khu vực và cả nước.

M.T

NNƯT, NHÀ NGHIÊN CỨU YANG DANH - CHI HỘI TRƯỞNG CHI HỘI VHNT CÁC DTTS



**Gắn kết hội viên để cùng gìn giữ
và lan tỏa giá trị văn hóa các dân tộc**

Đại hội đại biểu Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Gia Lai lần thứ I là sự kiện mà tôi và anh chị em trong Chi hội Văn học nghệ thuật các Dân tộc thiểu số đều rất mong chờ. Sau khi tỉnh được hợp nhất, không gian hoạt động của Hội rộng hơn, lực lượng hội viên đông hơn, đồng thời cũng đặt ra nhiều yêu cầu mới trong việc kết nối, tập hợp và phát huy sức sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ.

Điều khiến tôi nhớ nhất trong thời gian qua là chuyến công tác cùng Thường trực Hội về các xã phía Tây của tỉnh vào tháng 7 vừa rồi. Chuyến đi đã tạo sự kết nối, giúp chúng tôi gặp gỡ hội viên, nắm bắt đời sống sáng tác đồng thời còn lắng nghe rất nhiều tâm tư, nguyện vọng của anh chị em nghệ nhân ở cơ sở. Qua mỗi cuộc gặp, tôi càng cảm nhận rõ rằng dù khoảng cách địa lý còn xa, điều kiện đi lại còn nhiều khó khăn, nhưng tình yêu văn hóa, nghệ thuật và tinh thần gắn bó với Hội của anh chị em vẫn rất bền chặt. Chính sự gần gũi, sẻ chia ấy đã giúp khoảng cách giữa Hội với hội viên được rút ngắn hơn rất nhiều.

Tôi mong rằng sau đại hội, Hội sẽ tiếp tục xây dựng được môi trường đoàn kết, thân tình, để mỗi Chi hội thực sự trở thành “mái nhà chung” của hội viên. Khi mọi người coi Hội là ngôi nhà chung, cùng chia sẻ, động viên và hỗ trợ nhau trong nghiên cứu, sáng tạo thì chắc chắn đời sống văn học nghệ thuật sẽ ngày càng phát triển. Một nhiệm vụ quan trọng nữa là tiếp tục phát triển hội viên, đặc biệt là ở khu vực phía Tây Gia Lai - nơi có đông đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống và sở hữu kho tàng văn hóa vô cùng phong phú. Hiện nay vẫn còn nhiều người tâm huyết với văn hóa dân gian, biết kể sử thi, sưu tầm dân ca, am hiểu phong tục, lễ hội... nhưng chưa có điều kiện tham gia hoạt động Hội. Nếu phát hiện, bồi dưỡng và kết nối được lực lượng này, chúng ta sẽ có thêm nhiều hạt nhân góp phần gìn giữ những giá trị văn hóa truyền thống.

Tôi cũng kỳ vọng Hội sẽ tổ chức nhiều hơn các chương trình giao lưu, gặp gỡ, đi thực tế sáng tác giữa hội viên ở các vùng miền khác nhau. Những chuyến đi như vậy sẽ giúp văn nghệ sĩ, nghệ nhân có thêm chất liệu sáng tác, thêm những công trình biên khảo, sưu tầm đồng thời tạo cơ hội để các chi hội hiểu nhau hơn, gắn bó hơn. Với những người làm công tác nghiên cứu văn hóa dân gian như chúng tôi, thực tế luôn là “kho tư liệu sống” quý giá nhất.

Bên cạnh đó, tôi mong Hội quan tâm hơn đến việc hỗ trợ kinh phí cho các công trình nghiên cứu về văn hóa các dân tộc thiểu số. Công việc sưu tầm, khảo cứu đòi hỏi nhiều thời gian, công sức và phải đi đến tận buôn làng, gặp gỡ các nghệ nhân, người cao tuổi để ghi chép, lưu giữ những giá trị đang đứng trước nguy cơ mai một. Nếu có sự đồng hành của Hội thông qua các đề tài, dự án hay nguồn kinh phí hỗ trợ phù hợp, chúng tôi sẽ có thêm điều kiện để thực hiện những công trình có giá trị lâu dài, góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Tôi tin rằng Đại hội lần thứ I sẽ mở ra một giai đoạn phát triển mới cho Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Gia Lai. Với tinh thần đoàn kết, đổi mới và trách nhiệm, Hội sẽ tiếp tục là mái nhà chung của văn nghệ sĩ, là nơi kết nối sức sáng tạo của các dân tộc anh em, để những giá trị văn hóa đặc sắc của vùng đất Gia Lai được gìn giữ, nghiên cứu và lan tỏa ngày càng sâu rộng.

Y.D

NHẠC SĨ NGUYỄN NGỌC ÁNH - CHI HỘI TRƯỞNG CHI HỘI ÂM NHẠC



Để âm nhạc cộng hưởng sức mạnh đại ngàn và biển cả

Gần một năm qua đúng là một hành trình nhiều cảm xúc. Anh em nhạc sĩ của đại ngàn, đất đỏ bazan, dĩa quỳ vàng đã về ngồi chung với anh em nhạc sĩ của đồng bằng, biển cả. Ban đầu ai cũng có chút bỡ ngỡ, nhưng càng làm việc càng hiểu, càng quý mến nhau.

Với chúng tôi, Đại hội lần thứ I của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Gia Lai là một dấu mốc rất quan trọng. Đại hội khẳng định chúng tôi đã thực sự “về chung một nhà”. Đây cũng là dịp để anh em mạnh dạn đề xuất những mong muốn của mình, như làm sao có thêm sân chơi cho lực lượng sáng tác trẻ, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa của từng vùng, vừa làm mới những giá trị ấy để phù hợp với đời sống hôm nay; đồng thời có thêm nguồn lực để tổ chức các hoạt động âm nhạc gắn với chuỗi sự kiện văn hóa của không gian “Tây Nguyên - Duyên hải”.

Theo tôi, lợi thế lớn nhất sau khi hợp nhất chính là sự cộng hưởng giữa “sức mạnh đại ngàn” và “hào khí biển cả, đất võ”. Tuy nhiên, để sự giao thoa ấy thực sự bước ra đời sống và chạm đến đông đảo công chúng, chúng ta cần có những giải pháp cụ thể. Trước hết, cần phát triển dòng nhạc mang âm hưởng sử thi bằng cách kết hợp tiếng trống trận của Nhạc võ Tây Sơn với nhịp điệu công chiêng và ngôn ngữ hòa âm hiện đại. Sự kết hợp này sẽ tạo nên những tác phẩm không lời giàu tính điện ảnh, phù hợp với nhạc phim, các chương trình nghệ thuật quy mô lớn và có khả năng lan tỏa rộng vì không bị rào cản ngôn ngữ. Cùng với đó, nên xây dựng các sản phẩm “âm nhạc hành trình” gắn với định hướng phát triển du lịch “Đại ngàn chạm biển xanh”. Những album, MV chất lượng cao phát hành trên các nền tảng số, kết hợp âm nhạc với hình ảnh đồi chè, núi lửa, đồng bằng và biển xanh sẽ góp phần quảng bá hiệu quả vùng đất mới, đồng thời đưa âm nhạc địa phương đến gần công chúng hơn.

Tôi cũng kỳ vọng Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh sẽ có những đổi mới mạnh mẽ trong cơ chế hoạt động để các tác phẩm không còn nằm trong “ngăn kéo” sau mỗi cuộc vận động sáng tác. Theo đó, cần chuyển từ hỗ trợ sáng tác sang hỗ trợ sản phẩm hoàn chỉnh, ưu tiên kinh phí cho hòa âm,

phối khí, thu âm và sản xuất MV. Một tác phẩm chỉ thực sự sống khi trở thành sản phẩm âm thanh hoàn chỉnh và được công chúng đón nhận. Bên cạnh đó, Hội cần chủ động mở rộng không gian biểu diễn và phát hành, tăng cường liên kết với các cơ quan truyền thông và nền tảng số để xây dựng các kênh giới thiệu âm nhạc địa phương. Thay vì chỉ biểu diễn trong hội trường, nên tổ chức nhiều chương trình ngoài trời, nghệ thuật đường phố tại các không gian công cộng để âm nhạc đến gần người dân một cách tự nhiên hơn.

N.N.A

BIÊN ĐẠO KIM TIẾN - CHI HỘI TRƯỞNG CHI HỘI NGHỆ SĨ MÚA



**Nghệ thuật Múa
đang đứng trước
nhiều cơ hội phát triển**

Đại hội đại biểu lần thứ I của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Gia Lai là một bước ngoặt, khơi dậy khát vọng sáng tạo mạnh mẽ trong đội ngũ nghệ sĩ. Tôi kỳ vọng Hội sẽ trở thành bệ phóng vững chắc để chuyên ngành Múa có sự bứt phá toàn diện, không chỉ nâng cao chất lượng các tác phẩm mang đậm dấu ấn bản địa mà còn tạo điều kiện để nghệ sĩ mạnh dạn thử nghiệm những ngôn ngữ múa đương đại, đưa nghệ thuật múa đến gần hơn với công chúng.

Việc hợp nhất hai địa phương đã mở ra một không gian sáng tạo rất đặc biệt. Sự gặp gỡ giữa văn hóa Tây Nguyên đại ngàn với văn hóa biển và đồng bằng đã tạo nên một “mỏ vàng” chất liệu cho nghệ thuật múa. Gia Lai hôm nay là sự giao thoa của lịch sử, con người và thiên nhiên, với kho tàng di sản văn hóa phi vật thể vô cùng phong phú như sử thi, không gian văn hóa cồng chiêng, nghệ thuật Bài chòi, võ thuật truyền thống cùng nhiều truyền thuyết dân gian đặc sắc. Đây là nguồn cảm hứng quý giá để các biên đạo sáng tạo nên những tác phẩm vừa mang hơi thở thời đại, vừa đậm đà bản sắc. Theo tôi, người làm múa hoàn toàn có thể sử dụng hình tượng, ngôn ngữ hình thể và chuyển động để khắc họa sự hùng vĩ, mạnh mẽ của núi rừng Tây Nguyên, đồng thời thể hiện vẻ mềm mại, khoáng đạt của miền biển. Chính sự đối lập nhưng hài hòa ấy sẽ tạo nên bản sắc riêng cho nghệ thuật múa của Gia Lai sau sáp nhập.

Để chuyên ngành múa phát triển hơn nữa, tôi mong muốn Hội cần quan tâm đồng bộ ba vấn đề cốt lõi. Trước hết là đào tạo lực lượng kế cận thông qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn và tạo điều kiện để nghệ sĩ trẻ được cọ xát với thực tiễn sáng tạo.

Tiếp đó là tăng cường đầu tư cho công tác dàn dựng, hỗ trợ kinh phí, tổ chức các trại sáng tác để nghệ sĩ có điều kiện hiện thực hóa ý tưởng. Quan trọng không kém là xây dựng những không gian biểu diễn thường xuyên, giúp tác phẩm đến với công chúng và để nghệ sĩ có thể sống được bằng nghề.

Tôi cũng mong Chi hội Múa sẽ chuyển từ cách hoạt động đơn lẻ sang xây dựng một hệ sinh thái sáng tạo gắn kết. Chi hội phải thực sự trở thành ngôi nhà chung kết nối các thế hệ nghệ sĩ, là nơi thường xuyên tổ chức tọa đàm chuyên môn, giới thiệu tác phẩm mới, phát hiện và bồi dưỡng những tài năng trẻ. Đặc biệt, cần khuyến khích các biên đạo trẻ mạnh dạn khai thác những đề tài mang hơi thở cuộc sống đương đại để nghệ thuật múa luôn vận động cùng thời đại.

K.T

NHÀ VĂN NGUYỄN THỊ THANH THÚY

**Điểm tựa của người viết trẻ
là một môi trường sáng tạo
giàu kết nối**



Với tôi, môi trường sáng tác trước và sau sáp nhập không có quá nhiều khác biệt, thậm chí còn sôi động hơn. Sau khi hợp nhất hai tỉnh và hai Hội Văn học Nghệ thuật, các hoạt động văn học nghệ thuật vẫn được duy trì đều đặn ở cả Pleiku và Quy Nhơn, từ triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh, điêu khắc, ra mắt sách đến các chương trình nghệ thuật, trại sáng tác hay lớp bồi dưỡng văn học trẻ. Điều đó cho thấy dòng chảy văn học nghệ thuật không hề gián đoạn mà còn được tiếp thêm động lực từ sự cộng hưởng nguồn lực của hai địa phương. Chẳng hạn như trước đây Gia Lai không có Tạp chí VHNT. Nhưng sau khi sáp nhập, chúng ta đã có một tờ Tạp chí chung. Đây là tiền đề, là nguồn động lực để nhiều người viết trẻ hăng say sáng tác, đăng tải, quảng bá tác phẩm của mình. Điều mà suốt vài năm trở lại đây, văn nghệ sĩ ở tỉnh Gia Lai cũ vẫn đang trông ngóng.

Chính vì lẽ đó, tôi không cảm nhận được có chuyện khác nhau giữa môi trường sáng tác trước và sau khi sáp nhập. Có chăng chỉ là một vài bất tiện khi mà trụ sở chính của Văn phòng Hội VHNT ở xa, sự kết nối giữa văn nghệ sĩ giữa các xã, phường còn thưa thớt, việc đi lại khó khăn gây bất lợi cho việc tham gia thêm nhiều hoạt động, công tác hội. Chỉ vậy mà thôi.

Mặt khác, với riêng tôi, nếu không có Hội VHNT, không có những người lãnh đạo Hội tâm huyết mà tôi rất may mắn được gặp gỡ, tiếp xúc ngay khi mới vừa bắt đầu con đường văn của mình, và nhất là không có các bạn viết, các hội viên cùng sinh hoạt trong Chi hội Văn học, có lẽ tôi đã không viết, không là tôi của bây giờ. Tôi - một người viết trẻ, chỉ mới đặt bút viết văn hơn 3 năm, nhưng thực ra đã mất gần chục năm trước đó chỉ để loay hoay với chính bản thân mình. Tôi không tìm được lối ra của mình, không biết mình phải bắt đầu như thế nào, cho đến khi tôi gặp gỡ và làm việc với các anh chị, cô chú trong Hội VHNT và các bạn trẻ trong Chi hội Văn học. Nếu ai từng theo dõi sẽ thấy, con đường văn chương của tôi gắn liền với tập thể Chi hội Văn học nói chung và nhóm Viết văn trẻ Gia Lai nói riêng. Chúng tôi cùng đi với nhau, cùng động viên nhau, sửa bài cho nhau, tự tạo áp lực và động viên nhau trong từng câu chữ. Chính môi trường sáng tác văn chương rất trong sáng và sôi động đó đã đưa chúng tôi đi xa hơn trên con đường sáng tác của mình.

Đại hội đại biểu lần thứ I sắp diễn ra là sự kiện mà tôi rất mong chờ và đặt nhiều kỳ vọng. Tôi tin Đại hội sẽ mở ra một giai đoạn phát triển mới với những đổi mới trong tổ chức và hoạt động, đồng thời trở thành điểm tựa vững chắc cho lực lượng sáng tác trẻ. Bên cạnh việc phát huy những giá trị đã được xây dựng, tôi mong Hội sẽ mạnh dạn đổi mới phương thức hoạt động, tạo thêm nhiều không gian sáng tác, đối thoại, giao lưu giữa các thế hệ cầm bút và đến gần hơn với người trẻ. Mặt khác, bên cạnh việc bồi dưỡng chuyên môn, tôi hy vọng Hội sẽ tiếp tục mở rộng các hoạt động hỗ trợ, quảng bá tác phẩm, tăng cường giao lưu với các địa phương và các nhà văn trong cả nước, tổ chức thêm nhiều cuộc thi để người viết trẻ học hỏi, va chạm và khẳng định mình. Đồng thời, tôi cũng mong muốn Hội cũng sẽ luôn là nơi bảo vệ quyền lợi của hội viên, để mỗi người viết có thể yên tâm theo đuổi con đường văn chương của mình.

T.T
PHÓNG VIÊN (ghi)

Phát huy giá trị di sản trong bối cảnh phát triển mới

ThS. VŨ THỊ HUYỀN LY

Trong dòng chảy của nền văn hóa Việt Nam, văn nghệ dân gian luôn giữ vai trò là nền tảng tinh thần, lưu giữ ký ức cộng đồng và bản sắc văn hóa của mỗi vùng đất. Đối với Gia Lai - vùng đất hội tụ nhiều giá trị văn hóa đặc sắc của các tộc người Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ - việc nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy di sản văn nghệ dân gian càng có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh hội nhập và phát triển. Tinh thần đó cũng hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam, trong đó khẳng định văn hóa là nền tảng, nguồn lực nội sinh và động lực quan trọng cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

Mặc dù nhiệm kỳ 2020 - 2025 chịu nhiều tác động bởi đại dịch COVID-19 và những biến động trong công tác tổ chức, nhưng từ năm 2023 đến nay, Chi hội đã phục hồi mạnh mẽ và đạt được nhiều kết quả nổi bật trên cả lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, truyền dạy và hoạt động chuyên môn.

Trong công tác nghiên cứu và công bố tác phẩm, Chi hội tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những lực lượng nghiên cứu văn hóa dân gian có nhiều đóng góp cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Điểm nhấn của nhiệm kỳ là việc xuất bản công trình tập thể *Văn hóa dân gian Bình Định 2011 - 2020, sưu tầm và nghiên cứu*, quy tụ 29 tác giả với 39 bài nghiên cứu chuyên sâu trên nhiều lĩnh vực của văn hóa dân gian. Bên cạnh đó, nhiều hội viên đã xuất bản những công trình có giá trị học thuật và thực tiễn như *Văn hóa dân gian của người Bahnar Kriem* của Yang Danh; *Vở cổ truyền Bình Định* của Nguyễn An Pha; loạt công trình nghiên cứu Hán Nôm và văn hóa Bình Định của Võ Minh Hải; *Nghề dệt truyền thống Bình Định* của Hoàng Bình; *Địa chí An Khê* do Vũ Thị Huyền Ly chủ biên; cùng nhiều tác phẩm có giá trị khác.

Những công trình này không chỉ góp phần làm phong phú kho tàng tri thức về văn hóa dân gian mà còn tạo nguồn tư liệu quan trọng phục vụ nghiên cứu, giáo dục và phát triển du lịch văn hóa.

Song song với hoạt động xuất bản, các hội viên của Chi hội còn tích cực tham gia các đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp bộ và cấp quốc gia. Nhiều đề tài nghiên cứu về di sản Hán Nôm, nghệ thuật tuồng truyền thống, địa danh văn hóa, lễ hội dân gian hay trang phục các dân tộc Bahnar, Jrai đã được triển khai, góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa địa phương. Đây cũng là minh chứng cho năng lực chuyên môn ngày càng được khẳng định của đội ngũ hội viên, đồng thời cho thấy vai trò của Chi hội trong việc tư vấn, phản biện và tham gia xây dựng chính sách văn hóa của địa phương.

Một điểm sáng khác của Chi hội là công tác truyền dạy và lan tỏa giá trị văn hóa dân gian trong cộng đồng. Lớp tập huấn văn hóa văn nghệ dân gian tổ chức tại Trường Đại học Quy Nhơn năm 2024 với sự tham gia của 183 học viên và nhiều nhà khoa học đầu ngành đã tạo diễn đàn trao đổi học thuật, cập nhật phương pháp nghiên cứu và kết nối đội ngũ nghiên cứu trẻ. Bên cạnh đó, nhiều hội viên vẫn miệt mài truyền dạy di sản ngay tại cộng đồng, tiêu biểu như nghệ nhân ưu tú, nhà nghiên cứu Yang Danh với các hoạt động truyền dạy cồng chiêng, đàn Trưng và múa truyền thống của người Bahnar Kriem; hay việc phục dựng Lễ hội Mừng chiến thắng của người Bahnar tại huyện Kbang của hội viên Y Phương. Các buổi tọa đàm khoa học về Lễ hội Chùa Bà, Quy Nhơn xưa và nay, nhà lá mái Bình Định...



Thường trực Hội VHNT tỉnh tặng hoa chúc mừng Ban chấp hành Chi hội Văn dân gian nhiệm kỳ 2025 - 2030 ra mắt nhận nhiệm vụ. Ảnh: H.B.T

cũng đã góp phần nâng cao nhận thức xã hội về giá trị của di sản văn hóa.

Những đóng góp bền bỉ của các hội viên đã được ghi nhận bằng nhiều giải thưởng uy tín. Nhiều tác phẩm đạt giải của Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Giải thưởng Đào Tấn - Xuân Diệu và các giải thưởng chuyên ngành khác đã khẳng định chất lượng chuyên môn của đội ngũ nghiên cứu, đồng thời tạo động lực để Chi hội tiếp tục phát huy vai trò trong đời sống văn hóa của tỉnh.

Bước sang giai đoạn phát triển mới, cùng với việc mở rộng địa giới hành chính và không gian văn hóa của tỉnh Gia Lai, Chi hội Văn nghệ dân gian đứng trước nhiều cơ hội cũng như không ít thách thức. Không gian văn hóa của tỉnh hiện nay trải dài từ miền núi Tây Nguyên đến vùng duyên hải Nam Trung Bộ, hội tụ nhiều lớp văn hóa của các cộng đồng Bahnar, Jrai, Chăm H'roi, H're cùng văn hóa biển, văn hóa đồng bằng và văn hóa núi rừng. Đây là nguồn tài nguyên văn hóa đặc biệt quý giá, mở ra những hướng nghiên cứu liên ngành và liên vùng với nhiều tiềm năng phát triển.

Trong thời gian tới, Chi hội xác định một số định hướng trọng tâm. Trước hết là tăng cường nghiên cứu liên vùng giữa Tây Nguyên và Nam Trung Bộ nhằm nhận diện đầy đủ hơn các giá trị văn hóa trong quá trình giao lưu, tiếp biến; ưu tiên khảo sát những loại hình văn hóa và các cộng đồng dân tộc còn ít được nghiên cứu. Cùng với đó là gắn bảo tồn với phát triển, xem di sản văn hóa dân gian là nguồn tài nguyên nhân văn quan trọng để xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa, sản phẩm sáng tạo và thương hiệu đặc trưng của địa phương. Muốn thực hiện được mục tiêu này, Chi hội rất cần sự quan tâm, hỗ trợ của các cấp ủy, chính quyền và các cơ quan quản lý văn hóa trong việc tạo điều kiện để hội viên tham gia các chương trình, đề tài khoa học và dự án bảo tồn di sản.

Với truyền thống đoàn kết, tâm huyết và trách nhiệm của đội ngũ hội viên, cùng sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và Hội Văn học Nghệ thuật Gia Lai, Chi hội Văn nghệ dân gian Gia Lai sẽ tiếp tục phát huy vai trò là lực lượng nòng cốt trong nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân gian. Những thành tựu đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua là nền tảng quan trọng để Chi hội bước vào giai đoạn phát triển mới với khát vọng đưa di sản văn hóa trở thành nguồn lực nội sinh, góp phần xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và thúc đẩy sự phát triển bền vững của tỉnh Gia Lai trong những năm tới.

V.T.H.L

Trái ngọt từ những nỗ lực không ngừng

NGUYỄN THỊ THÚY HƯỜNG

Chi hội Sân khấu tỉnh Gia Lai hội tụ nhiều gương mặt sáng giá trong “làng” sân khấu cả nước, luôn đoàn kết và có tinh thần sáng tạo nghệ thuật không ngừng. Hội viên Chi hội phần lớn là nghệ nhân, nghệ sĩ chủ chốt, vững chuyên môn, đã và đang công tác tại Nhà hát Nghệ thuật truyền thống tỉnh và các Đoàn nghệ thuật, Câu lạc bộ bán chuyên nghiệp của tỉnh với nhiệm vụ biểu diễn phục vụ chính trị và Nhân dân.

Đội ngũ Ban chấp hành của Chi hội là những người bề dày kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, nhiệt huyết “truyền lửa” cho thế hệ nghệ sĩ tiếp nối, cộng với sự hăng say, nghiêm túc sáng tạo của từng hội viên đã góp phần tạo nên những thành quả nghệ thuật đáng tự hào, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, hội viên Chi hội Sân khấu đã nỗ lực tập luyện, trui rèn chuyên môn nghề nghiệp cộng với sự tận tình, tâm huyết chỉ dạy của các NSND, NSUT, NNND, NNUT... ngày càng trưởng thành trong hoạt động nghề nghiệp. Các nghệ sĩ đã tích cực tham gia các Cuộc thi, Liên hoan nghệ thuật sân khấu chuyên nghiệp và không chuyên toàn quốc, hội thi tuyên truyền lưu động... đạt thành tích cao, xứng đáng là “cái nôi” của loại hình nghệ thuật truyền thống Tuồng, Bài chòi của cả nước.

Một số vở diễn của tập thể và tác phẩm của cá nhân tham gia xét giải thưởng hàng năm của Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam đạt thành tích cao. Vở diễn *Cô Thần* đạt giải A, vở diễn *Vua thánh triều Lê* đạt giải B và nhiều giải B, C cho cá nhân. Giải thưởng Đào Tấn - Xuân Diệu (05 năm/lần) dành cho VHNT của tỉnh Bình Định đã trao tặng 02 Giải A tập thể với các vở diễn: *Nước non của Phật* (Tuồng), *Chối rạng sơn hà* (Ca kịch Bài chòi) và 03 giải A, 01 giải B cá nhân tác giả kịch bản sân khấu.



Trích đoạn Tuồng “Trung Trắc đề cờ”
do nghệ sĩ là hội viên Chi hội Sân khấu biểu diễn. Ảnh: NHNTTT



Tiết mục hò hát Bài chòi dân gian
do hội viên Chi hội Sân khấu biểu diễn. Ảnh: NHNTTT

do các cơ quan, đơn vị, ngành, địa phương tổ chức, hoặc phối hợp tổ chức. Một số hội viên cao tuổi, có chuyên môn tốt được mời vào các Hội đồng xét tặng danh hiệu NSND, NSUT, NNND, NNUT; Ban Giám khảo các cuộc thi, liên hoan, hội đồng xét hỗ trợ chính sách đối với nghệ sĩ, hỗ trợ phát triển văn học nghệ thuật của tỉnh; tham gia truyền dạy tại các đợt tập huấn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và tỉnh tổ chức...; Nhiều nghệ sĩ đã tích cực tham gia các chương trình quảng bá, giới thiệu nghệ thuật truyền thống trên các Báo và Phát thanh, Truyền hình của Trung ương và địa phương; trực tiếp giới thiệu cái hay, cái đẹp của nghệ thuật truyền thống trong “Chương trình học tập, giáo dục nghệ thuật sân khấu truyền thống trong nhà trường”, “Ngày Sân khấu Việt Nam”, “Đêm thơ Nguyên tiêu”, “Ngày Âm nhạc Việt Nam”. Ngoài ra, các nghệ sĩ còn tham gia các Trại sáng tác do Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức. Các kịch bản tham dự Trại được đánh giá cao về chất lượng chuyên môn và nhiều kịch bản được lựa chọn dàn dựng tại các đơn vị tuồng trên cả nước...

Có thể nói, trong nhiệm kỳ, Chi hội Sân khấu đã phát huy những giá trị

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, Chi hội Sân khấu có 02 NSND, 06 NSUT, 01 NNND và 06 NNUT được Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý; 03 hội viên của Chi hội được tôn vinh “Văn nghệ sĩ tiêu biểu của nghệ thuật sân khấu Việt Nam giai đoạn 1975 - 2025”; 02 hội viên được Hội Nghệ sĩ Sân khấu vinh danh “Đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp phát triển nghệ thuật sân khấu Việt Nam”. Đó là niềm tự hào của Chi hội có nhiều hội viên là NSND, NSUT, NNND, NNUT, khẳng định được thế mạnh của vùng đất giàu truyền thống về nghệ thuật.

Hằng năm, hội viên Chi hội còn tích cực tham gia các hoạt động nghệ thuật

Năm 2020, tại “Cuộc thi Tài năng trẻ nghệ thuật Tuổi và Dân ca kịch toàn quốc” (Bình Định) đạt 02 HCV, 06 HCB, 01 Giấy khen; Cuộc thi Độc tấu và Hòa tấu nhạc cụ dân tộc (Đắk Lắk) đạt 02 Giải Nhì tập thể và 01 giải Nhì cá nhân. Năm 2022, tại Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc (Nghệ An) đạt 01 HCV tập thể (vở ca kịch Bài chòi *Cô Thần*), 05 HCV, 05 HCB và 03 HCD cá nhân; 01 giải Tác giả xuất sắc, 01 giải Đạo diễn xuất sắc và 01 giải Biên đạo múa xuất sắc. Năm 2023, tại Cuộc thi Tài năng sân khấu Tuổi và Dân ca kịch chuyên nghiệp toàn quốc (Thanh Hóa) đạt 01 Giải Nhất, 02 Giải Nhì, 01 giải “Giọng hát triển vọng”; Liên hoan các trích đoạn hay toàn quốc (Hà Nam) đạt 02 HCV, 04 HCB; Cuộc thi Độc tấu và hòa tấu nhạc cụ dân tộc toàn quốc (Khánh Hòa) đạt 01 giải Nhì tập thể; 02 giải Ba cá nhân, 01 Bằng khen. Năm 2024, tại Liên hoan sân khấu Tuổi không chuyên và các Câu lạc bộ Bài chòi toàn tỉnh đạt 01 giải Nhất tập thể và 02 giải Nhất cá nhân. Năm 2025, tại Liên hoan sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc về Hình tượng người chiến sĩ Công an Nhân dân lần thứ V (Hà Nội) với vở *Trò chơi của quỷ* đạt 01 HCD tập thể, 02 HCV, 02 HCB và 02 HCD cá nhân; Liên hoan Tuổi và Dân ca kịch toàn quốc (Hà Nội) đạt 01 HCB (vở tuồng *Nhìn lại một vương triều*), cá nhân đạt 03 Huy chương Vàng, 05 Huy chương Bạc, 01 giải Biên đạo múa xuất sắc và 01 giải giọng hát Dân ca hay nhất.

tốt đẹp của nghệ thuật truyền thống thông qua việc “gặt hái” thêm nhiều thành quả nghệ thuật “ngọt ngào”, góp phần viết tiếp bảng vàng thành tích vốn đã có tên tuổi của các thế hệ tiền nhân, xứng đáng là Chi hội vững mạnh dưới mái nhà chung - Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh.

NSUT Huỳnh Thị Kim Châu - Chi hội trưởng Chi hội Sân khấu tỉnh Gia Lai chia sẻ: “Sau đại hội Chi hội Sân khấu Nhiệm kỳ I, Ban Chấp hành Chi hội đã những định hướng phù hợp với bối cảnh của tỉnh Gia Lai sau sáp nhập như thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn của Chi hội; góp phần đưa hai loại hình nghệ thuật tiêu biểu của tỉnh như Tuổi và Bài chòi được bảo tồn và phát triển trong giai đoạn hiện nay. Đặc biệt là công tác đào tạo thế hệ nghệ nhân, nghệ sĩ kế cận, đưa nghệ thuật truyền thống đến gần hơn với Nhân dân và du khách thông qua nhiều hình thức: thưởng thức, trải nghiệm thực tế...; cùng với việc nỗ lực đạt thành tích cao tại các Cuộc thi, Liên hoan nghệ thuật chuyên nghiệp và không chuyên toàn quốc. Chúng tôi tin tưởng rằng, Chi hội Sân khấu sẽ làm “tròn vai” trong nhiệm kỳ mới và giữ vững được “thương hiệu” mà các bậc tiền nhân đã dày công vun bồi và xây đắp trong nhiều thập kỷ trước đó”.

N.T.T.H

Từ hội tụ đến khởi sắc

VÂN PHI

Sau khi Bình Định và Gia Lai hợp nhất thành tỉnh Gia Lai mới, nhiều người từng băn khoăn, rằng liệu hai dòng chảy văn học với những đặc điểm riêng có thể hòa nhập hay không? Liệu khoảng cách địa lý từ biển đến đại ngàn có trở thành khoảng cách trong hoạt động nghề nghiệp? Và liệu sự hợp nhất ấy có chỉ dừng lại ở sự cộng gộp về tổ chức? Nhưng đến hôm nay, sau gần một năm nhìn lại, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin rằng văn học Gia Lai đã có một khởi đầu thuận lợi.

1. Sau sáp nhập, Chi hội Văn học hiện có hơn 150 hội viên, trở thành lực lượng đông nhất trong các chi hội chuyên ngành. Lực lượng sáng tác của Chi hội hiện nay khá đầy đủ về cơ cấu thể loại, đã tạo nên một hệ sinh thái sáng tạo tương đối đa dạng và hoàn chỉnh. Đặc biệt, trong đội ngũ hơn 150 hội viên hiện tại, chúng ta có 23 hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Đây là một kết quả rất đáng ghi nhận, không phải tỉnh thành nào cũng có được. Một tín hiệu khác cũng rất đáng chú ý là chỉ trong thời gian ngắn sau khi hợp nhất, hội viên Chi hội đã xuất bản hàng chục đầu sách thuộc nhiều thể loại khác nhau. Chỉ riêng cuối năm 2025, đã ghi nhận hơn 20 đầu sách mới ra mắt, phản ánh một đời sống sáng tác rất sôi động.

Nếu phải chỉ ra chuyển động đáng chú ý nhất của văn học Gia Lai sau sáp nhập, theo tôi, đó là sự cân bằng hơn trong cơ cấu thể loại. Bình Định vốn giàu truyền thống thi ca với nhiều tên tuổi lớn của văn học Việt Nam. Gia Lai lại mang đậm cảm hứng sử thi và chất thơ của không gian Tây Nguyên. Vì vậy, trong nhiều nhiệm kỳ, thơ luôn chiếm tỷ lệ lớn trong các đầu sách xuất bản và hoạt động sáng tác của hội viên. Điều đó góp phần tạo nên bản sắc của văn học địa phương, nhưng cũng khiến cơ cấu thể loại chưa thật sự cân đối. Tôi nghĩ rằng, một nền văn học phát triển cần có sự đa dạng về thể loại. Mỗi thể loại đều đảm nhận một chức năng riêng trong việc phản ánh hiện thực và mở rộng biên độ sáng tạo. Nhìn từ góc độ ấy, sự phát triển của văn xuôi trong những năm gần đây là tín hiệu rất đáng mừng.

Điều này thể hiện rất rõ qua thống kê các đầu sách xuất bản sau khi hai chi hội hợp nhất. Riêng cuối năm 2025, bên cạnh nhiều tập thơ, hội viên Chi hội đã liên tục công bố các tập truyện ngắn, bút ký, tản văn, tiểu luận phê bình. Điều đáng mừng hơn cả là tiểu thuyết đang dần trở thành một điểm sáng của văn học Gia Lai. Nhìn vào danh mục xuất bản của Chi hội trong năm 2025 đến nay, chúng ta có quyền lạc quan khi liên tiếp nhiều tiểu thuyết ra đời: *Những đường thẳng song song* của Lê Vi Thủy, *Khói thiên di* của Nguyễn Thanh Thủy, *Xoáy thời gian* của Lê Thị Kim Sơn, *Đáy sâu* của Li Phan, *Thung Ca vẫn chưa mưa* của Võ Đình Duy, *Sương tan mỏm Đơk* của Nguyễn Tiến Lập, *Giữa hai phía cõi đời* của Phạm Đức Long, *Đi qua miền nhớ* của Lê Thu... Điều đáng nói là những tác phẩm ấy không lặp lại nhau, khai thác nhiều chủ đề khác nhau. Chính sự đa dạng ấy cho thấy tiểu thuyết Gia Lai đang hình thành nhiều hướng tìm tòi, thay vì chỉ đi trên một lối mòn quen thuộc.

2. Bất cứ nền văn học nào cũng phải đối diện với quy luật kế thừa. Và một trong những điều quyết định sức sống lâu dài của một nền văn học là liệu đã chuẩn bị được lớp người tiếp nối hay chưa. Ở phương diện này, văn học Gia Lai đang có những tín hiệu rất đáng mừng.

Ngay trước hợp nhất, Bình Định và Gia Lai đều là những địa phương có phong trào sáng tác trẻ khá sôi nổi. Tháng 6.2022, Hội nghị những người viết văn trẻ lần thứ X do Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức tại Đà Nẵng quy tụ 138 đại biểu trên toàn quốc. Bình Định có 5 đại biểu: Trương Công Tường, Vân Phi, Nhiên Đăng (Trần Quốc Toàn), Nguyễn Đặng Thùy Trang, Nguyễn Anh Nhật. Gia Lai (cũ) cũng góp 5 gương mặt: Ksor H'Yuên, Trương Thị Chung, Lê Thị Kim Sơn, Tạ Ngọc Điệp, Nguyễn Lữ Thu Hồng. Con số ấy khiến nhiều người bất ngờ bởi hai địa phương này chỉ ít hơn Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, vượt trội so với hầu hết các tỉnh, thành khác.



Chương trình ra mắt tiểu thuyết của tác giả Lê Thu do Chi hội Văn học và Chi hội Nhà văn Việt Nam tỉnh Gia Lai phối hợp thực hiện. Ảnh: V.P

Sau sáp nhập, hai nguồn lực ấy tạo nên một đội ngũ người viết trẻ đông đảo hơn, đa dạng hơn về vùng miền, trải nghiệm và phong cách sáng tác. Theo thống kê của Chi hội, lực lượng sáng tác trẻ hiện đã lên đến khoảng 30 cây bút, hoạt động khá đều trên nhiều thể loại. Đây là một lợi thế rất lớn mà không phải địa phương nào cũng có được. Điều đáng quý là lớp người viết trẻ hôm nay đang bước ra những sân chơi lớn. Nhiều tác giả liên tục đoạt giải tại các cuộc thi văn học uy tín do Hội Nhà văn Việt Nam, Báo Văn nghệ, Tạp chí Văn nghệ Quân đội, Tạp chí Sông Hương và nhiều đơn vị khác tổ chức. Không ít tác phẩm được giới chuyên môn đánh giá cao, được giới thiệu trên các tạp chí văn chương trung ương, tạo nên dấu ấn vượt ra ngoài phạm vi địa phương.

Đặc biệt, điều khiến tôi ấn tượng là nhiều cây bút trẻ hôm nay không còn bằng lòng với những thành công ban đầu. Họ chủ động xây dựng những dự án sáng tác dài hơi, mạnh dạn bước vào tiểu thuyết, nghiên cứu, phê bình, bút ký - những thể loại vốn đòi hỏi sự tích lũy lâu dài và sức lao động can trường. Một sự kiện khác rất đáng nhắc đến là chương trình ra mắt sách tập thể của các tác giả trẻ tại TP. Hồ Chí Minh, nơi 5 cây bút trẻ Gia Lai gồm Nguyễn Thị Thanh Thúy, Lê Vi Thủy, Lê Thị Kim Sơn, Li Phan và Võ Đình Duy. Họ đã cùng giới thiệu tác phẩm trước đông đảo bạn đọc và giới chuyên môn. Có lẽ chưa bao giờ người viết trẻ của địa phương lại xuất hiện đồng thời với khí thế mạnh mẽ như vậy. Đó là một dấu ấn, một hình ảnh đẹp về một thế hệ đang tự tin bước vào đời sống văn học đương đại.

Sáng tạo là tự thân của mỗi cá nhân. Nhưng nếu nhìn kỹ hơn, chúng ta sẽ thấy phía sau những thành công ấy là cả một quá trình chuẩn bị, của mỗi cá thể và cả sự cộng hưởng từ phía Hội VHNT. Trong nhiều năm qua, Chi hội Văn học và Hội VHNT đã kiên trì tổ chức các trại sáng tác văn học trẻ, các lớp bồi dưỡng sáng tác, các cuộc giao lưu văn học trong nhà trường, tọa đàm chuyên môn và giới thiệu tác giả - tác phẩm.v.v... Chính từ những hoạt động tưởng như rất bình dị ấy, nhiều cây bút trẻ đã được phát hiện, được tạo cảm hứng, được đui dặt và từng bước trưởng thành.

Không phải ngẫu nhiên mà trong nhiệm kỳ vừa qua, Chi hội đã kết nạp thêm gần 20 hội viên mới từ hai cánh Đông và Tây, trong đó phần lớn là những cây bút trẻ hoặc đang ở độ tuổi sung sức nhất của sáng tác. Đồng thời, nhiều hội viên được kết nạp vào Hội Nhà văn Việt Nam cũng ở độ tuổi khá trẻ, minh chứng cho thấy quá trình kế cận không còn là mong muốn, mà đã trở thành hiện thực.

Tôi tin rằng, với truyền thống văn chương của hai vùng đất, với sự đồng hành của Hội VHNT và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ người cầm bút, Chi hội Văn học sẽ tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, lực lượng người viết trẻ tiếp tục phát huy được năng lực, sở trường, góp phần xây dựng nền văn học Gia Lai giàu bản sắc, hiện đại và ngày càng có vị trí xứng đáng trong đời sống văn học cả nước.

V.P

Mỹ thuật trên hành trình mới

LÊ TRỌNG NGHĨA

Một năm chưa phải quãng thời gian đủ dài để nói đến những đổi thay lớn của mỹ thuật. Một tác phẩm có thể vẫn còn dang dở trong xưởng vẽ, một ý tưởng có khi mới chỉ dừng ở vài nét phác đầu tiên. Nhưng một năm cũng đủ để nhận ra những chuyển động đầu tiên của một cộng đồng sáng tạo khi cùng bước vào một hành trình mới.

Gia Lai hôm nay là nơi hai dòng chảy văn hóa gặp nhau. Một bên là đại ngàn với đất đỏ bazan, tượng gỗ dân gian và không gian sử thi Tây Nguyên; một bên là miền biển Bình Định với di sản Champa, nghệ thuật Tuồng và truyền thống mỹ thuật lâu đời. Sự gặp gỡ ấy mở ra nhiều cơ hội để người nghệ sĩ nhìn vùng đất mình đang sống bằng một góc nhìn rộng hơn.

Một năm qua, đời sống mỹ thuật Gia Lai được nối tiếp bằng nhiều hoạt động chuyên môn. Mỗi hoạt động mang một sắc thái riêng, nhưng khi đặt cạnh nhau đều góp phần phác họa diện mạo của mỹ thuật tỉnh nhà trong năm đầu tiên sau hợp nhất.

Triển lãm “Về miền đất đỏ” để lại nhiều ấn tượng về sự trưởng thành của lực lượng họa sĩ nữ. Cuộc hội ngộ của các họa sĩ đến từ ba miền Bắc - Trung - Nam tạo nên một không gian đa dạng về ngôn ngữ tạo hình. Trong không gian ấy, các họa sĩ nữ Gia Lai không còn xuất hiện như những gương mặt riêng lẻ. Mỗi người theo đuổi một con đường sáng tác khác nhau, từ sơn mài đến hội họa giá vẽ, nhưng đều cho thấy sự nghiêm túc và bản lĩnh trong lựa chọn của mình. Chính sự khác biệt ấy làm nên sức sống của triển lãm.

Nếu “Về miền đất đỏ” ghi nhận sự trưởng thành từ bên trong của đội ngũ sáng tác thì “Hoa xuân gió biển” lại gợi lên một chuyển động khác: sự trở về của những người đi xa với quê hương. Bốn họa sĩ quê Bình Định, sau nhiều năm học tập, sinh sống và sáng tác tại TP. Hồ Chí Minh, đã mang tác phẩm trở về triển lãm trên chính mảnh đất mình lớn lên. Điều đáng trân trọng không chỉ là những tác phẩm được giới thiệu, mà còn là lựa chọn trở về. Quê hương không giữ người nghệ sĩ ở lại, nhưng luôn là nơi họ muốn mang những thành



Lớp Bồi dưỡng kỹ thuật và sáng tác sơn mài do Chi hội Mỹ thuật Gia Lai tổ chức với sự hướng dẫn của họa sĩ Trần Lăng. Ảnh: CTV

quả lao động của mình trở về chia sẻ. Mỗi lần trở về như thế, mỹ thuật địa phương lại có thêm một cuộc đối thoại giữa trải nghiệm của người đi xa với ký ức của vùng đất đã làm nên họ.

“Giao hòa 2” - Cuộc trưng bày ngoài trời tại Quy Nhơn với sự tham gia của các nghệ sĩ Gia Lai và Hội Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh không chỉ mang đến một không gian nghệ thuật giàu sức sống, mà còn tạo cơ hội để những người làm nghề trao đổi trực tiếp về chất liệu, tư duy tạo hình và những tìm tòi mới. Sau mỗi cuộc gặp, điều mang về nhiều khi không phải là một câu trả lời, mà là một cách nhìn khác về chính con đường sáng tác của mình.

Nếu “Giao hòa 2” mở rộng những cuộc đối thoại ấy thì “Khoảng trời riêng” lại thể hiện một bước đi chủ động của các nghệ sĩ Gia Lai. Bảy họa sĩ, trong đó có bốn họa sĩ nữ, mang tác phẩm đến triển lãm tại TP. Hồ Chí Minh. Điều đáng ghi nhận không nằm ở địa điểm tổ chức mà ở tâm thế của người sáng tác. Họ chủ động đưa tác phẩm bước vào một môi trường nghệ thuật rộng mở hơn để đối thoại và tự thử thách mình. Dù cùng đứng trong một không gian trưng bày, mỗi người vẫn giữ được tiếng nói tạo hình riêng. Đó cũng là điều làm nên giá trị của một triển lãm nhóm.

Bên cạnh các hoạt động triển lãm, việc hoàn thành giai đoạn II cụm tác phẩm điêu khắc “Đất và Người Gia Lai” tại suối Hội Phú cũng mang nhiều ý nghĩa. Điêu khắc công cộng có một đời sống khác với tác phẩm trong phòng triển lãm. Một tác phẩm đặt giữa công viên sẽ gặp người dân mỗi ngày, trở thành một phần của không gian sống và ký ức đô thị. Điều đáng quý là nhiều nhà điêu khắc của Chi hội đã cùng góp sức cho công trình này, mỗi người một ngôn ngữ tạo hình nhưng cùng chung mong muốn làm giàu thêm diện mạo văn hóa của Gia Lai.

Điều khiến tôi tin tưởng nhất sau một năm qua là sự tiếp nối giữa các thế hệ nghệ sĩ. Lớp họa sĩ trẻ, đặc biệt là thế hệ 8x, ngày càng xuất hiện nhiều trong các hoạt động chuyên môn. Họ được đào tạo bài bản, không ngại thử nghiệm và mang đến những nguồn năng lượng mới. Cùng với đó là sự trưởng thành của lực lượng họa sĩ nữ, những người đang từng bước khẳng định mình bằng lao động sáng tạo bền bỉ và tiếng nói nghệ thuật ngày càng rõ nét.

Trong dòng chảy ấy, họa sĩ Hồ Thị Xuân Thu có một đóng góp đáng trân trọng. Nhiều năm gắn bó với sơn mài, chị không chỉ bền bỉ sáng tác mà còn mở xưởng của mình để đồng nghiệp cùng làm việc, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ lớp họa sĩ trẻ tiếp cận với chất liệu truyền thống. Có những ảnh hưởng không đến từ những bài giảng, mà đến từ chính cách một người sống với nghề.

Một hoạt động chuyên môn đáng nhớ khác là Trại Bồi dưỡng kỹ thuật và sáng tác sơn mài năm 2026. Gần hai mươi họa sĩ cùng làm việc dưới sự hướng dẫn của họa sĩ Trần Lăng, trong không gian sáng tác do họa sĩ Hồ Thị Xuân Thu hỗ trợ. Mười ngày không dài nhưng đủ để những người làm nghề cùng nhìn lại một chất liệu truyền thống bằng những cách tiếp cận mới. Điều còn lại sau trại không chỉ là những tác phẩm mới, mà còn là những kinh nghiệm được chia sẻ và niềm tin rằng sơn mài vẫn còn nhiều khả năng phát triển trong đời sống mỹ thuật hôm nay.

Năm qua cũng ghi nhận một dấu mốc đáng nhớ khi Gia Lai được chọn đăng cai Triển lãm Mỹ thuật Nam miền Trung và Tây Nguyên lần thứ 30. Riêng Chi hội Mỹ thuật Gia Lai có 61 tác giả gửi 97 tác phẩm tham gia xét chọn; 72 tác phẩm của 57 tác giả được Hội đồng Nghệ thuật lựa chọn trưng bày, nhiều nhất trong các địa phương tham dự. Những con số ấy phản ánh sự sôi nổi của phong trào sáng tác, nhưng điều có ý nghĩa hơn là ngày càng nhiều nghệ sĩ chủ động bước vào một sân chơi khu vực bằng những sáng tác mới, sẵn sàng đối thoại và khẳng định tiếng nói nghệ thuật của mình.

Một năm chưa đủ để nói đến những thành tựu lớn. Nhưng đủ để chúng tôi có thêm những đồng nghiệp mới, thêm những cuộc gặp gỡ và thêm niềm tin vào con đường đang đi. Rồi sẽ còn nhiều triển lãm, nhiều trại sáng tác và nhiều cuộc hội ngộ khác. Nhưng sau tất cả, điều còn ở lại vẫn luôn là tác phẩm. Chính tác phẩm sẽ lưu giữ tinh thần của một thời đại, ký ức của một vùng đất và những khát vọng mà người nghệ sĩ gửi gắm. Đó cũng là lý do để tôi tin rằng, hành trình của mỹ thuật Gia Lai sau hợp nhất mới chỉ bắt đầu.

L.T.N

Tiếp bước hành trình sáng tạo

MINH CẦN

Từ ngày 01.7.2025, hai vùng đất giàu bản sắc - cao nguyên Gia Lai hùng vĩ và duyên hải Bình Định nên thơ - về chung một mái nhà hành chính, kéo theo cuộc hội ngộ chưa từng có của hai đội ngũ cầm máy. Từ hai chi hội với hai lối đi riêng, Chi hội Nhiếp ảnh tỉnh Gia Lai mới đã tổ chức thành công Đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, khép lại một nhiệm kỳ nhiều dấu ấn để mở ra chặng đường sáng tạo mới, nơi bản sắc hai miền cùng hòa quyện trong từng khung hình.

Hai dòng chảy trước ngày hợp nhất

Tại khu vực phía Đông, Chi hội Nhiếp ảnh Bình Định ghi dấu bằng chuỗi hoạt động sôi nổi: các kỳ triển lãm ảnh xuân “Đất và người Bình Định” tại quảng trường Nguyễn Tất Thành (2020 - 2024), triển lãm ảnh hữu nghị Việt - Lào, triển lãm phục vụ Liên hoan quốc tế Võ cổ truyền Việt Nam lần thứ VIII; Các cuộc thi và triển lãm ảnh: “An Nhơn xưa và nay”, “Phụ nữ Bình Định tôn vinh áo dài Việt”, “Lăng kính xanh”, “Nét đẹp nông nghiệp, nông dân, nông thôn Bình Định”, “Bình Định những sắc màu”... Nhiều hội viên có tác phẩm được chọn triển lãm ảnh cấp khu vực, VN21, VN23 và các cuộc thi ảnh do bộ ngành Trung ương tổ chức. Năm 2022, Trần Bảo Hòa đoạt giải Nhiếp ảnh xuất sắc với bộ ảnh: *Mẹ con cá voi săn mồi trên biển Đê Gi*. Năm 2023, Đặng Văn Hải đoạt huy chương Vàng Festival Nhiếp ảnh trẻ ở thể loại ảnh hiện thực. Năm 2024, bộ ảnh *Nơi tâm bão lửa* của Trần Hưng Đạo đoạt huy chương Bạc Liên hoan ảnh nghệ thuật Nam Trung bộ và Tây Nguyên... Giai đoạn 2020 - 2025 có nhiều cuộc triển lãm ảnh các nhân của các tác giả: Nguyễn Thị Quyên, Nguyễn Tùng Độ, Trần Đình Hùng, Võ Chí Hà, Nguyễn Ngọc Tuấn...

Chi hội Nhiếp ảnh Gia Lai (cũ) chọn lối đi gắn với đề tài biên giới, vùng cao và các địa bàn có ý nghĩa an ninh - quốc phòng. Trong nhiệm kỳ, Chi hội kết

nạp thêm 12 hội viên mới, nâng tổng số lên 34 người, trong đó 3 người được kết nạp vào Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh (NSNA) Việt Nam, đưa số hội viên Trung ương lên 15 người. Hội viên tích cực tham gia các chuyến thực tế sáng tác do Hội VHNT tỉnh, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật và Hội NSNA Việt Nam tổ chức; đồng thời góp mặt tại nhiều cuộc triển lãm chuyên đề về đời sống, du lịch, di sản văn hóa. Nổi bật nhất là ba lần đoạt giải đồng đội xuất sắc tại Liên hoan ảnh nghệ thuật khu vực Nam Trung bộ - Tây Nguyên. Riêng năm 2024, Chi hội đạt trọn bộ huy chương chung cuộc - kỷ tích hiếm có ở cấp khu vực toàn quốc, in đậm dấu ấn của các gương mặt như NSNA Trần Phong, Phạm Dục, Nguyễn Ngọc Sơn, Ngô Huy Tịnh, Phạm Văn Hạnh, Nguyễn Ngọc Hòa, Nguyễn Linh Vinh Quốc...

Về chung một mái nhà, thành tích nhân đôi

Sau hợp nhất, Chi hội Nhiếp ảnh Gia Lai quy tụ 86 hội viên, trong đó 31 hội viên là hội viên Hội NSNA Việt Nam. Đáng tự hào, Chi hội có 3 nghệ sĩ được phong tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhiếp ảnh đặc biệt xuất sắc: NSNA Trần Phong, NSNA Đào Tiến Đạt, NSNA Phạm Dục; 7 hội viên được kết nạp vào Liên đoàn Nhiếp ảnh nghệ thuật Quốc tế, trong đó Trần Phong và Đào Tiến Đạt đạt tước hiệu cấp độ Kim Cương, Nguyễn Ngọc Sơn đạt tước hiệu cấp hạng Vàng.

Ngay trong năm đầu tiên sau sáp nhập, hai cuộc triển lãm lớn đã khẳng định sức sống của chi hội: Ngày hội Di sản Văn hóa các dân tộc tỉnh Gia Lai năm 2025; Triển lãm ảnh “Đất và người Gia Lai” mừng Xuân Bính Ngọ 2026. Tại cuộc Triển lãm ảnh “Sắc màu các dân tộc Việt Nam” do Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam tổ chức, Chi hội có 8 tác giả có tác phẩm được chọn triển lãm.



Đại hội Chi hội Nhiếp ảnh Gia Lai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Ảnh: P.N

Chi hội cũng đã tổ chức một chuyến sáng tác thực tế trong tỉnh, tạo điều kiện để hội viên hai vùng Đông - Tây cùng đồng hành, ghi lại những khoảnh khắc đặc sắc của lễ hội. Đặc biệt, chuyên mục “Ảnh đẹp cuối tuần” trên tạp chí Văn nghệ Gia Lai đều đặn có sự đóng góp của hội viên, mang đến một góc nhìn tổng quan đầy màu sắc về thiên nhiên, con người và văn hóa của mảnh đất Gia Lai giàu truyền thống.

Trong năm 2025, nhiều hội viên tiếp tục ghi tên mình tại các sân chơi trong nước: Trần Minh Quang giành giải Nhì cuộc thi ảnh cấp quốc gia “Tổ quốc bên bờ sông” lần thứ III; các tác giả trẻ như Trần Hưng Đạo, Phan Minh Thọ gây ấn tượng với tư duy nhiếp ảnh đương đại qua các giải thưởng của Hội Nhiếp ảnh TP. Hồ Chí Minh. Ở đấu trường quốc tế, các tác giả Đào Tiến Đạt, Nguyễn Xuân Tuyến, Nguyễn Ngọc Sơn tiếp tục khẳng định tên tuổi qua nhiều giải thưởng danh giá, minh chứng cho tay nghề vững vàng của đội ngũ hội viên sau ngày hợp nhất. Ngoài ra năm 2026, hội viên Đặng Thanh Phương cũng đã tổ chức một triển lãm cá nhân mang dấu ấn riêng trong nhiếp ảnh, để lại nhiều ấn tượng trong lòng khán giả.

Định hướng cho chặng đường mới

Bên cạnh những thế mạnh, hoạt động của Chi hội cũng gặp không ít khó khăn. Khoảng cách địa lý khiến việc tổ chức sinh hoạt định kỳ, trại sáng tác tập trung tốn kém thời gian, chi phí hơn trước. Kể đến là sự khác biệt về phong cách sáng tác, đòi hỏi Ban Chấp hành khéo léo điều phối để vừa đồng bộ, vừa giữ được bản sắc riêng của từng vùng. Ngoài ra, phần lớn hội viên đến với nhiếp ảnh bằng niềm đam mê tự học, nên nhu cầu được đào tạo bài bản về nghiệp vụ, kỹ thuật hậu kỳ và xu hướng nhiếp ảnh đương đại đang trở nên cấp thiết, trong khi kinh phí cho hoạt động quy mô cấp tỉnh sau sáp nhập vẫn còn hạn chế.

Xác định nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ 2025 - 2030 là ổn định tổ chức sau sáp nhập và từng bước nâng cao chất lượng hoạt động, Chi hội Nhiếp ảnh Gia Lai đã đề ra nhiều giải pháp cụ thể: tổ chức workshop, lớp tập huấn chuyên sâu về kỹ năng sáng tác và xu hướng nhiếp ảnh đương đại; tăng cường các chuyến đi thực tế sáng tác để hội viên giao lưu, học hỏi lẫn nhau; hỗ trợ hội viên công bố tác phẩm qua triển lãm cá nhân, nhóm và xuất bản sách ảnh; xây dựng ngân hàng tư liệu ảnh nghệ thuật về thiên nhiên và bản sắc văn hóa con người Gia Lai. Chi hội cũng kiến nghị Hội VHNT tỉnh thường xuyên tổ chức các chuyến thực tế sáng tác, trại sáng tác; xem xét cấp thẻ Sáng tác Nhiếp ảnh nghệ thuật, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hội viên tác nghiệp.

Bằng tinh thần đoàn kết và niềm đam mê sáng tạo không ngừng nghỉ, Chi hội Nhiếp ảnh Gia Lai sẽ tiếp tục ghi lại, gìn giữ và lan tỏa vẻ đẹp quê hương trong một giai đoạn phát triển mới, giàu bản sắc và đầy khát vọng.

M.C

LỆ THU

Với cõi vô cùng

Quá khứ nhọc nhằn bỏ lại phía sau
Những sầu tủi vu vơ, những lụy phiền, ngang trái...
Căn phòng tối tự mình khép lại...
Thấp sáng khung trời an nhiên

Không hấn tâm linh
Không hấn cửa thiền
Chỉ lan tỏa mùi hương quyện vào ánh sáng
Những kết nối đất trời không giới hạn
Phút giao hòa bình minh

Tạ ân ai một tấm chân tình
Ấm áp - bao dung - dịu dàng - thấu hiểu...
Trí tuệ vô hình
Tâm linh huyền diệu...
Chợt thành tri kỷ tri âm...
Trái tim bé nhỏ thì thầm - nghiêng về
phía tình yêu bất tận.

Câu thơ cũ mơn mơn sự sống
Lặng im ký ức một thời
Xin cất vào kỷ niệm buồn thôi!

Có cái gì tinh khôi
Vừa chạm vào cõi nhớ
Ngôi sao sáng giữa bầu trời ngự vào trái tim ta...
từng nhịp thở.

Định mệnh biết điều

Anh đến với em khi những vết xước đã thành trầm
Bụi thời gian trên áo em anh dịu dàng phủi sạch
Từng giọt lệ anh xâu thành chuỗi ngọc...
Rọi tia sáng vào... khởi sắc lung linh

Tĩnh tại, an nhiên... trở lại là mình
Nhẹ nhõm, bình yên... ngập tràn hạnh phúc
Như hoa dại ẩn mình nơi góc khuất
Dành hương nồng cho một trái tim yêu.

Anh đến với em khi vũ trụ xoay chiều
Bóng tối ngoài kia sắp ủa về bao phủ
Anh hiển hiện bình minh trên từng con chữ
Dạ lan ngát ngào hương tỏa giữa hoàng hôn

Anh đến với em tinh sạch một linh hồn
Lặng lẽ, bao dung, nồng nàn, minh triết...
Không thân phận, không hình hài, tuổi tác...
Mà choáng ngợp hồn em như vạn kiếp mong chờ
Anh đến với em từ những vần thơ
Hiếu em hơn chính mình đã hiểu...

Và anh bảo:
“Một tình yêu kỳ diệu
giữa nhân gian
như “định mệnh biết điều”.

L.T

Đêm ở biển với người

TRẦN VIẾT DŨNG

Ơi em, trời trở lạnh rồi
Đem mơ mộng đến đây ngồi cùng anh
Ơi em, đêm sẽ qua nhanh
Hương môi thơm cứ để dành làm chi
Ơi em, biển tối thăm thì
Xô trăm tay sóng ôm ghì bờ thân
Ơi em, hạt cát dưới chân
Sẽ làm bằng chứng những lần rong chơi
Ơi em, sương mỏng từ trời
Cũng về đây để gọi mời lá ngoan

Lỡ mai chim có xa ngàn
Cây thương nhớ đứng xếp hàng mà mong
Lỡ mai biển có xa sông
Bao con suối cạn giữa dòng trầm tư
Lỡ mai người có xa người
Buồn vui ở giữa khóc cười nào hay.

VĂN CÔNG HÙNG

Luận đề chữ

Những con chữ xếp hàng chạy trốn
gã tiểu phu ngơ ngác cửa rừng
chân trời muộn quả sim già chát
ô trời nào xanh mắt đa đoan

Ta gom chữ vào màn hình trắng
chỉ thấy a công thắng thốt enter
chiều rợn nắng núi thành mây trắng
chim cô đơn bạc cánh lưng đeo

Những ngón lướt chữ lạnh lòng đứng
khói ngoằn ngoèo nổi nhớ dựng lên
em vô tận ngoài vùng sóng với
nhịp tim nào nghe như song đôi

Những con chữ rạc rời đen giữa trắng
chợt nhận ra hơi thở của chính mình
ngón tay gõ miền bão giông ủa tối
chữ từng bùng hoan ca trong mưa

Những con chữ khiến mình không thể khác
suốt cuộc đời sắp giữa giữa lơ ngơ
qua nước mắt bàn tay còn biết khóc
ôm chặt vào xa xót của mình ơi...

Tháng Sáu muộn

Cuối tháng rồi, nắng vẫn rất đang thừa
em đi bộ qua một miền rất vắng
chả can cố gì đâu, chả việc gì im lặng
cánh đồng rung chuông chiều sẽ nhạt nhòa

Tháng Sáu những câu chuyện vẫn buồn
cành phượng cũ rất là tươi vết chặt
áo trắng gác ngơ sân trường úp mặt
tay thiên thần bấm phím nhấn enter

Tháng Sáu về theo từng vết chân mưa
sung sững những trái cây chờ rụng
bao nỗi niềm lấp vào cò súng
vết đạn bay sắp ngửa chân trời

Tháng Sáu ơi tháng Sáu bọn bề
tháng Sáu dở hơi tháng Sáu về trễ hẹn
vật cỏ thẫm bước chân vừa kịp đến
vụt bên trời một ngơ gác tôi ơi...

V.C.H

BÌNH NGUYỄN

Ngọn gió

Hoa xoan tím ngõ làng em lại đến Trường Sơn
Gió anh vỗ về em trên từng sợi tóc
Gió anh đậu xuống vai em đã nhiều nặng nhọc
Gió anh thổi đời em lại khóc...

Bầu vào khói vào nhang
Bầu vào năm vào tháng
Bầu vào cả những ngày em hờn dỗi...

Gió anh về lau cho em từng giọt mồ hôi
Nhưng áo em không thể nào hết mặn
Gió anh thoa lên bàn tay em như cánh đồng
rạn nứt chân chim
Như thoa lên những ngày em lam lũ
Gió anh hôn lên vầng trán em
Như hôn lên những ngày em bão tố.

Trường Sơn..
Gió anh mọc lên từ nắm cỏ
Cuốn em vào lòng...
Như buổi đầu hai đứa hẹn trầu cau
Như buổi đầu hai đứa tiễn đưa nhau

Ngọn gió...
Thổi suốt đời em xanh
Thổi suốt đời em chín
Thổi suốt đời giấc ngủ gọi tên anh...

Gửi con từ đảo

Bắc qua biển về là cây cầu đến nỗi nhớ con
Cây cầu từ trái tim không bao giờ nghiêng trong gió bão
Khi chập chững biết đi
Mẹ sẽ dắt con bước lên cây cầu ra đảo

Lớn lên
Con sẽ hiểu vì sao trời xanh trong mắt bão
Con sẽ hiểu vì sao bỏ lại xa nhà
Sinh ra từ dải đất như vành trăng khuyết
Mẹ đắp cho con giấc mơ tròn
Mỗi ngày qua đi là mỗi ngày con bớt hồn nhiên
Để nhận biết từng đợt sóng ngoài kia mỗi sớm chiều ập đến

Khi một mình thức với đêm
Con sẽ biết trong đêm cái gì không thể nhìn thấy được
Rồi những mầm cây dạy con biết làm cỏ thụ
Những ngọn đèn dạy con biết sáng
Những cánh chim dạy con biết mở con đường

Chiếc nôi ở cánh đồng có hạt gạo nuôi con
Ru giấc ngủ đầy trong mơ con biết làm Thánh Gióng
Con sẽ hiểu vì sao những hạt mầm mẹ thường gieo thẳng
Cây lớn rồi không ngã gió ven sông.

B.N

Phố núi mưa thu

TẠ VĂN SỸ

Mùa thu rồi, phố núi trời mưa
Anh chợt nhớ vô cùng em yêu dấu
Cây đứng buồn chim không về đậu
Anh đứng buồn nhớ lại dáng tình xưa

Mùa thu rồi, phố núi trời mưa
Ôi, nhớ thuở trời mưa chưa ướt áo
Em áo trắng sân trường xưa một dạo
Bài thơ buồn anh viết có mưa bay

Tình yêu đầu khờ vụng quá, đâu hay
Anh để mất từ khi thu vừa tới
Ánh mắt cứ ngóng tìm nhau vời vời
Em xa vời, để lại nỗi chia ly

Anh khởi đầu cho những chuyến ra đi
Âm vọng mãi lời ca buồn hư ảo
Mà tiếng hát còn vương mùi thạch thảo
Nghe băng khuâng sương khói thuở xa người

Anh bây giờ chìm lạc giữa mưa đời
Hồn rét mướt nép hiên người gió tạt
Ôi, nhớ thuở trời mưa chưa dứt hạt
Để mưa trời giăng mãi suốt chiều nay

Mùa thu rồi, phố núi có mưa bay...

Kẻ chẵn trắng

(Là chuyện thuộc về một trăm năm trước)

NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ

Biển đã không mơ đêm nay
Sau cú nhá máy vào lúc nửa đêm
Những con số được chép lại trong cặp mắt của bầy hải ly
xếp từng lớp vào nhau

Đêm
Bung từng cánh sóng vào vùng Đá Nhảy
Có thể một trăm năm trước
Biển tắm gội với loài mây hoang thai
Chẳng lệch khắc giờ nào cả
Nên bây giờ có một gã thi sĩ muốn về quê đi chẵn trắng
Phơi trái tim lạnh trên ngọn cây thập giá gần bờ biển
Gã thi sĩ giảng đôi mắt từ Lệ Thủy đến phía Tây
sông Kiến Giang

Những đứa trẻ bây giờ đã ngủ yên
trong những ngôi nhà lúp xúp ở thị trấn nhỏ
Có đứa vừa chép miệng tiếc nuôi đám mây hồng
vừa bay khỏi thành Cổ Lũy
Sợi dây cũng vừa thoát ra khỏi những đốt tay kẹp chặt
Buồn vừa rụng theo
Năm bảy lóng
Gã thi sỹ đã không còn giảng được thêm
Ngược về phía bên kia thành Cổ Lũy

Gã bắt đầu dùng miệng mà bút trắng
Tùng sợi
Tùng sợi
Gã bút ra từ trái tim rất lạnh trên kia
Trái tim nằm cuộn tròn từng sợi len gió
Lạnh quá
Thì sỹ cuộn tròn trong thơ
Siết chặt
Trắng vỡ chìm mây mất

Trong một đêm như đêm nay
Không có trăng
Tôi nghe người chị kể lại
Hôm ấy có hai mươi tám mảnh trăng
vừa bay đến biển Quy Hòa.

N.H.A.T

Trong đêm

(Viết cho những ngày ba đau)

LÊ VITHỦY

Sau tiếng thở dài
là đêm trôi thườn thượt theo từng tiếng tắc lười
của tắc kè
tiếng ti vi bật mở lăm bầm suốt đêm
đôi mắt ráo
lặng nghe
những âm thanh không đầu không cuối

Người đàn ông ngồi trong bóng tối
nhìn bóng mình chảy qua khung cửa
những khoảnh khắc cuộc đời như mộng du
tuổi nào ngày xanh mây tóc

Sau những cơn đau
người đàn ông trở nên bé nhỏ
nghe hư không vọng lên từ lòng đất
hình như những khuôn miệng méo mó
bay lên và mất hút
chỉ còn lại tiếng côn trùng kêu đêm
và tiếng khóc của người đàn ông -
 đứa trẻ nếm đau cuộc đời
đôi mắt hoắm khô
kết đầy hạt cườm trắng...

Những giấc mơ về một thời trai trẻ
tan nhanh
như bọt bóng

Đêm nay
trước màn hình ti vi
người đàn ông ôm lấy bóng mình
vỗ về sau cơn mê...

L.V.T

Từ những chuyến mưa đầu

LỮ HỒNG

Đã lặn tới bãi bờ
chuyến mưa đầu
trên cơn chiều nồng nực
xua những phố hè vào cái lạnh mê man
trước khi mùa đông choàng sấm

Sáu tháng mưa
bùng lên
như khói cháy
như sương ru
xé từng khoảnh khắc
con đường ngùn lại
thần thơ trước những vội vàng

Sáu tháng mưa
xối vào đợi chờ
người mãi thác ghềnh riêng
ô cửa trượt vào khoảng vắng

Ta đứng nhìn từng kỉ niệm trôi xanh
xanh đến... không bao giờ trở lại

Sáu tháng mưa
phong kín đầu ngày
những đỉnh trời mây khép
mình đã sống chật hết thời gian
mà già đi không phải bởi thời gian

Như có giọng người từ nứt nẩy ban sơ
ta tự soi trong ta mầm hạt cũ
có lên xanh từ phía chợ vơ

Sáu tháng bãi bờ
ta với cơn mưa

L.H

Mắt rừng

ĐẶNG BÁ KHANH

Bao năm biên biệt xa rừng
Ngày trở lại chợt rừng rừng bóng hình
Vạn ngàn điệp lục rung rinh
Ngỡ như mắt bạn gọi mình chiều xưa

Cái ngày chia nhúm cơm trưa
Tăng chưa kịp buộc cơn mưa lại ào
Bỗng đâu chớp rạch bom gào
Trên trên mắt bạn thiếp vào cỏ cây

Bây giờ mắt tựa sương mây
Như ngôi sao nhỏ xum vầy đêm qua
Mi trắng mỏng cuối trời xa
Mắt nhang ấm chỗ bạn ta vẫn nằm

Ngút ngàn xóm ấy xa xăm
Có đàn đom đóm hàng năm tụ về

Còn bao đôi mắt, ơi quê!
Tròng khô héo úa, cơn mê đọa đây
Eo thon một dáng liễu gầy
Thoắt thôi lưng đổ, tóc mây phủ chiều

Những trái tim chưa kịp yêu
Thì thôi đã chở cánh diều về xa
Cho non tươi cánh rừng già
Hóa thân vào những bao la mắt rừng.

Đ.B.K

Đơn độc

NGUYỄN ĐẶNG THÙY TRANG

Đôi lúc cũng có chút lạnh lẽo
Giữa nồng nàn
Sự đối trá của chính chúng ta mang lại
Sẽ sưởi ấm trái tim đầy nghi thức

Thật sự ai đã lựa chọn con đường đơn độc
Trong thăm sâu
Đáy mơ hồ
Một nụ xuân chớm nở trong mắt con mèo đen
Khói phủ giắc ngày
Ai cũng có thể đi tiếp được
Còn chúng ta thì không

Cửa đã đóng
Có một đơn côi như vầng trăng
Có một rừng rợn như cành gãy
Chẳng khi mong cầu ánh sáng dưới những ngọn đèn vàng

Em sẽ lạc vào lòng ai
Ngàn cánh chim đang vút bay giữa đêm mê
Tôi ở thờ bóng tối
Chúng ta cố quyền chỗi từ những nở rộ
Để đi vào miên man

Thật tiếc
Chẳng còn gì cũ
Khi ngày chẳng lạc bước vào nhau
Giấc ngủ giữa mê lộ
Em nhấn mình vào xoáy nước
Những cánh hoa muốn khóc thét nhưng chúng chỉ mỉm cười
Chúng cũng chìm vào vòng xoáy
Của nỗi buồn thiên thanh.

N.Đ.T.T

Thăm nghe

BÙI SỸ HOA

Chỗ tôi hai phần ba số người một thời lính tráng
Mỗi năm một lần ngồi lại bên nhau
Lính tăng lính phà lính đường dây lính pháo
Năm tháng trẻ trai quân phục phai màu

Tôi cũng là lính trở về
Thú thực nhiều khi không nhớ mình từng lính
Cũng thú thực có khi ớn lạnh
Tan khuất say chợt nhớ: bạn không về

Bạn cùng tuổi tôi như quả ra cùng lứa
Như chim ra ràng bay khỏi tổ rơm
Bữa đó cây vườn gió ngưng lá sững
Trái rụng bất ngờ giật thót đất êm

Bữa đó tôi về khó ăn khó nói
Bao nhiêu niềm vui không khuấy được nổi lòng
Rồi lấy vợ sinh con thu hẹp mình sau cửa
Tên bạn mờ khuất bia đá hoàng hôn

Và tôi bỗng thăm nghe trong lặng lẽ
- Bạn vội quên tôi hay tự quên mình
Và tôi cứ thăm nghe mờ mắt mẹ
- Giá con sống thêm phút bạc giây vàng

Những người lính như tôi không làm lính nữa
Mỗi năm một lần ngồi tựa vai nhau
Lại như lửa vừa nhen bập bùng trong máu
Trong lửa ai về ấm lạnh sau vai.

B.S.H

Giấc mơ người thổi sáo

LÊ VĂN HIẾU

Không thể hát thơ
Khi anh luôn áp môi vào lồng trúc
Và thổi hơi thổi điệu đà nung ruột gan em

Từ em đã rung lên
Hay từ hồn anh thổi
Bởi sự hòa quyện của hai chúng ta chẳng?

Người thổi sáo và ống sáo
Bài tình ca cứ thể vang vang

Khúc Trương Chi ngày xưa đã về
Khúc cô đơn khát giữa khuya vừa vọng
Một chàng trai xấu xí như anh
Được áp môi vào em đã là hạnh phúc

Trúc ơi! Anh không nỡ nhìn em đứng một mình
Dấu em xinh

Trúc ơi! Anh không nỡ cắt em ra thành nhiều đoạn
Để giữ cái lông nhỏ óng ánh cho riêng mình
Dầu nâng niu em như nâng niu tiếng sáo

Anh sợ đau lòng em?
Trên sông - Thuyền chúng ta cứ lững thững trôi
Như ý nghĩ của anh
lững thững trộn vào những hạt sương bụi bụi
Mơ mình hóa thành một Trương Chi rất khác

Một Trương Chi cả đời
Thúy chung với Trúc...!

Những khu rừng đi qua nhau

"Mỗi một người đều có một khu rừng thuộc về bản thân..."
(Murakami Haruki)

NGUYỄN THỊ DIỄM

"Mỗi người đều có một khu rừng..."
có thể là một chiều thơ ấu
tiếng mẹ đồng xa
hay một chuyện tình phôi phai màu dĩ vãng

Murakami nói khu rừng vẫn luôn ở đó
dù ta chưa từng đi qua
dù giữa chúng ta là nghìn trùng ngôn ngữ
và nỗi cô đơn đâu thể gọi cùng.

Không hẳn thế đâu!
có lúc số phận bắt ta
từ núi đồi bước ra
từ cỏ cây lớn lên
từ nỗi buồn ở lại.

Hắn rồi miền xanh
kìa ô cửa trước thời gian phân mảnh
kìa khu rừng trời lên từ nỗi cô đơn
hay bấy sâu cầm một triền sông buốt gió.

Đã bao lần những khu rừng đi qua nhau
mỗi vết xước trên da hay niềm đau cất giấu
từ tiếng đế biệt ly mùa hạ
ta nhớ khói bếp vương áo mẹ
và tiếng cha vọng khuất sau đồi.

Bây giờ một chiều nghiêng trôi
Murakami, ông ta nói đúng hay ta chớm hiểu
những gạch gió phổ vào ta rồi rạc
cho mệnh mang ký ức gọi về.

N.T.D

Hạt ánh sáng

NHIÊN ĐĂNG

Đêm nghe rạ rơm kể chuyện
những cơn gió trở trời
chim trích lội ruộng đi tìm bầy con lạc
sấm búa
chớp giạt
bù nhìn ngã ngập nước bùn
cánh đồng nơi che chở giấc mơ tuổi thơ
những ký ức đẹp để nuôi nấng tâm hồn chúng tôi
trong giấc mơ cánh cò bà hát ru những mùa mưa cũ

Đồng rạ mùa hè cơn gió nồm thổi
đã làm khô từng hạt lúa trên sân
chú sẻ nâu đậu trên mái ngói nâu sẫm
từ biên bãi tiếng chuông chùa làm rung rinh chiếc lá
trên cành
máy gặt đập liên hợp ra đồng tuốt những hạt lúa
để lại menh mông những gốc rạ sau cơn mưa
tắm mát ếch nhái kêu rền...

Từ những ký ức năm tháng nhọc nhằn
từ những mất mát những đêm trăn trở
mẹ canh ngày tính tháng,
ngó chân trời để biết hạn hán hay mưa
cha gầy hơn sau mỗi cơn bão đi qua
bấm bụng lo cho ngày mai nôi cơm đủ ấm
cho chúng tôi đến trường đầy đủ sách vở...

Khi khói bếp giăng lên trời một màu lam
người làng đã bắt đầu mang lúa ngâm giống,
chúng tôi nghe đất đang kể chuyện
về căn lao nghìn năm người Việt bước ra từ cánh đồng,
và họ đã gieo những hạt ánh sáng,
trong ngôn ngữ rạ rơm...

N.Đ

Nổi đôi bờ sông Côn

NGUYỄN THỊ PHỤNG

Từ dòng Côn khơi mạch nguồn thượng đạo
như khởi sinh ta lén hôn nhau từ trăm năm
không đợi tuổi
để bây giờ nhắc lại còn thơm

Để bây giờ ta lại yêu hơn
như thuở tóc em sợi dài sợi ngắn
sợi nào xanh chia phần lúng túng
sợi ban đầu, nhớ quá áo xưa...

Mạch nguồn bây giờ gom đủ nắng mưa
ai thả nhớ xuôi về Thị Nại
nhịp cồn dâng bờ xanh thì con gái
gửi trên vai hương núi hương rừng
đượm vị mặn nồng biển cả mệnh mông

Như cánh cửa ban mai mở ra thấy núi thấy sông
khởi nguồn bên gan
hạt nắng gieo xuống dấu quê ương đồng dáng mẹ

Đâu đợi tuổi là sông
đâu mắt sóng lặng mong
dòng Côn thương quá gương trong nhịp cầu...

Một mai

ĐÀO ĐỨC TUẤN

Một mai sương gió dậm trường
bậu gom quần áo ra đường đón xe
còn ta gánh một ơ hồ
ngồi dòm mây trắng mà thờ từ đây

Biết ngày vừa mới hao gầy
ta gieo tiếng khổ để rầy lòng nhau
ngỡ mình dẹt gấm nên màu
ngờ đâu chỉ có nỗi đau bậu ờ

Tình lơ thơ nghĩa lơ mơ
thì thâu thâu thớ đâu bờ cút côi
ta thương ta nhớ bậu cười
một vành trăng sáng khơi khơi giữa mùa.

Hồn lúa Lạc Hồng

Truyện ngắn NGUYỄN ANH TUẤN

Năm 221 trước Công nguyên, nhà Tần thống nhất sáu nước dưới lá cờ của một đế chế hùng mạnh chưa từng có. Trên đài cao, Tần Thủy Hoàng phóng tầm mắt về phương Nam xa xôi bằng tất cả tham vọng của mình. Không lâu sau đó, năm mươi vạn hùng binh của hoàng đế ồ ạt vượt Trường Giang để chinh phục đất đai của người Bách Việt. Sau ba năm hành quân vất vả, những chiến binh nhà Tần đầu tiên đã đến được dải đất Lĩnh Nam. Thế nhưng, thứ đón chào đội quân viễn chinh đến từ phương Bắc không phải là gươm giáo, cung tên, mà là những cánh đồng lúa hiền hòa đang vào mùa trở bông...

1.

Những cột khói đen kịt bốc lên dữ dội từ dưới chân núi Lạc.

Mùi của lửa.

Mùi của máu.

Hòa quyện. Nồng nặc. Khen khét.

Lại thêm một ngôi làng bị quân Tần tấn công. Đàn ông gục xuống, chìm trong huyết đỏ. Đàn bà gục xuống, chìm trong tủi nhục. Đám trẻ con bị ngấu nghiến trong ngọn lửa hung ác. Có đứa còn chưa cai sữa. Tiếng gào khóc thảm thiết rạch nát cả bầu trời u ám.

Gần đó, cánh đồng lúa đã vàng ươm màu nắng, trĩu hạt và đợi chờ. Hương lúa thơm ngào ngạt hứa hẹn một vụ mùa bội thu. Hứa hẹn những ấm no. Hứa hẹn những thanh bình. Hứa hẹn những lúa đôi trong ngày gặt hái trước khi cơn giông ập đến. Chàng và nàng e ấp nhìn nhau. Bàn tay chai sạn lóng ngóng chạm lên da thịt ngọc ngà, trắng ngần như hạt gạo. Những bông lúa cao, vàng óng khẽ tinh ý che đi những ngón tay đang mãi miết đan cài.

Nhưng lần này, cơn giông của đất

trời không đến như mọi khi. Nó mang theo hàng hàng, lớp lớp kẻ lạ mặt, nói thứ ngôn ngữ xa lạ, ồn ào và the thé. Người của chúng mặc đầy áo giáp, tay chúng lăm lăm những ngọn giáo dài, những thanh kiếm được rèn bằng sắt, bền bỉ và sắc bén hơn những nông cụ làm bằng đồng của cư dân bản địa.

Cướp sạch! Giết sạch! Đốt sạch!

Những bông lúa chỉ biết lặng thinh và cảm hờn. Hai bên bờ ruộng, xác người la liệt. Những ngón tay vẫn nắm chặt bông lúa chín. Vài hạt ngọc trời bị bứt khỏi bông, rơi xuống lòng đất mẹ.

2.

Tư Đồ Vương Đán tỏ ra bình thản khi nghe đám tướng sĩ khua môi múa mép. Cuộc tấn công thuận lợi hơn những gì chúng nghĩ. Không hề có sự phản kháng. Trong làng khi ấy chỉ toàn đàn bà, người già và trẻ con. Trai tráng không hề xuất hiện. Vương Đán chợt dừng lại trước chi tiết ấy. Có thể họ đã đi sẵn khi quân Tần kéo đến. Theo ước tính, ngôi làng có khoảng tám mươi nóc nhà quây quần dưới chân ngọn núi. Viên Đô úy nhẩm tính, tráng đinh của làng cũng ngót nghét trăm người. Đội quân tiên phong của hắn có đến một vạn, thừa sức nghiền nát mọi cuộc tấn công trả thù. Nhưng nếu đối phương không đánh trực diện mà lợi dụng rừng núi hiểm trở để tập kích lẻ tẻ, đánh tiêu hao dai dẳng thì cũng đau đầu chứ chẳng chơi.

- Bẩm Đô úy! Ngài có đề cao bọn man di quá không?

- Binh kiêu tất bại!

Wương Đán lừ mắt đáp, bắt giắc đưa tay lên má nhàn nhó. Vết sẹo lại

đỏ ửng khiến hắn buốt tấy vô cùng. Nhớ năm ấy, hai mươi vạn quân Tần dưới sự chỉ huy của đại tướng quân Lý Tín và Mông Điềm hùng hổ tiến vào nước Sở. Quân Tần thế như chẻ tre, các tiền đồn kháng cự bị đập bằng nhanh chóng. Vương Đán khi ấy cũng hăm hở xông lên giết địch lập công. Nhưng vì Lý Tín khinh địch nên vội vã cho quân tiến sâu vào đất Sở mà không thăm dò trước, kết cục toàn quân thảm bại. Vương Đán may mắn chạy về được đất Tần, nhưng má phải của hắn đã bị khắc lên một vết sẹo dài cho đến tận bây giờ.

Đã hơn năm năm kể từ khi nước Sở bị diệt, Vương Đán từ một Ngũ trưởng vô danh đã leo lên được chức Đô úy, tham gia đại quân chinh phạt của nhà Tần tiến xuống phương Nam. Địa thế của nước Sở khi ấy cũng khá tương đồng với vùng đất Lĩnh Nam bây giờ, cũng đồi núi trập trùng, cây cối rậm rạp, sông ngòi chằng chịt, mưa nắng quanh năm. Thế nên, Vương Đán mỗi khi hành động đều sờ tay lên má nhắc nhở mình không được kiêu ngạo, khinh suất, dù cho kẻ địch mà hắn phải đương đầu có là ai.

Bỗng, có tiếng la hét ầm ĩ kéo viên Đô úy dứt khỏi mạch hồi tưởng xa xăm. Hắn nhòe dậy, ra ngoài xem xét. Đám quân Tần đang vây quanh một cô gái người Việt mà chúng bắt được. Cô gái tóc tai rối bời, y phục bị xé rách nhem nhở, người lão đảo như sắp ngã đến nơi. Đôi tay yếu ớt cố nắm chặt thanh kiếm nặng nề. Cạnh đó, một tên lính Tần béo ú, phanh ngực lông lá đang nằm sõng soài dưới đất, tỏ vẻ khoái trá. Miệng hắn sặc đầy mùi rượu. Xung

quanh, những tên lính khác cũng đang cười nham nhở.

- Lão đại, nhanh lên nào!

Tên lính béo ú uể oải đứng dậy. Lưỡi kiếm vụt qua nhưng hắn dễ dàng tránh được. Những ngón tay cứng như sắt siết chặt lấy cổ tay cô gái. Thanh kiếm rơi xuống đất. Bỗng, mắt cô gái đỏ ngầu như máu. Cô chồm tới nhe răng cắn phập vào tai tên cầm thú. Hắn rú lên đau đớn, đập mạnh vào bụng khiến người thiếu nữ văng ra. Đến khi hoàn hồn, cái tai của hắn đã bị cắn đứt một nửa.

Tên lính điên tiết, vớ lấy thanh kiếm dưới đất. Chỉ còn vài bước. Cô gái đau đớn ôm bụng và chấp nhận phó mặc. Đúng lúc ấy, một đường kiếm vụt qua trong nháy mắt. Cổ họng tên lính bị đứt toác. Máu nóng phun xối xả. Thân hình nặng nề đổ ập xuống trong sự kinh hoàng của đồng bọn.

Tiếng Vương Đán thét lên như sấm:

- Ai cho các người uống rượu trong doanh?

Bọn binh tốt mặt cắt không còn giọt máu, vội vã quỳ mọp xuống rồi rít xin tha mạng. Vương Đán lại gần cô gái đã lịm đi từ bao giờ. Khi ánh đuốc soi rõ khuôn mặt, viên Đô úy không dám tin vào mắt mình. Cô gái man di ấy có gương mặt giống hệt người vợ từ thuở hàn vi đã mất của hắn.

3.

Lạc Sơn không thể đợi thêm được nữa.

Lòng chàng như lửa đốt.

Để chuẩn bị bước vào mùa gặt, trai tráng trong làng hẹn nhau lên rừng săn bắn, hòng tìm lễ vật tạ ơn trời đất

cho vụ mùa bội thu. Chuyển đi săn ấy rất quan trọng với Lạc Sơn. Chàng quyết tâm săn được nhiều thú rừng để mang về làm sinh lễ hỏi cưới My Khuê, đóa hoa đẹp nhất của làng. Thế nhưng, khi đám trai hào hứng trở về, ngôi làng bình yên của họ đã chìm trong biển máu. Giữa khói lửa mịt mù, tiếng gào khóc ai oán vọng xa đến từng vách núi Lạc.

Lạc Sơn đã tìm kiếm khắp làng nhưng không thấy xác của My Khuê. Chàng tin rằng nàng vẫn còn sống và bị bọn người phương Bắc bắt về doanh trại dưới núi. Nàng xinh đẹp như thế, sợ rằng chúng sẽ chẳng buông tha. Chậm một ngày là thêm một ngày nàng bị dày vò. Lạc Sơn đứng bật dậy, nắm lấy cây cung với ngọn giáo toan xuống núi. Đám trai làng thấy vậy cũng lần lượt làm theo. Lửa hận bốc lên thiêu đốt mọi lý trí. Thế nhưng, lão tộc trưởng liền vội ngăn lại, lạnh lùng tát thẳng vào mặt đám thanh niên.

- Lúc chôn xác vợ con, nước mắt ta còn nhiều hơn nước sông nước suối. Các con nghĩ ta không muốn báo thù hay sao? Nhưng làm gì cũng phải vất óc mà nghĩ. Chúng ta chỉ có ít người, còn chúng đông như kiến như ong, nếu cứ thế mà đi thì chỉ có nộp mạng vô ích.

Đám trai làng chết lặng, phần uất đứng chôn chân một chỗ. Lão tộc trưởng cố sức trấn tĩnh những cái đầu nóng đang bị hận thù che mắt. Lão biết, bây giờ mà để đám trai tráng xuống núi thì chỉ có một đi không về. Hai mùa trăng trước, trong hội nghị liên minh các thủ lĩnh Bách Việt, lão đã nghe tin về bọn người phương

Bắc đang tràn xuống khắp Điền Việt, Âu Việt, U Việt, Mân Việt và Đông Việt. Không ngờ chúng lại đặt chân đến đất của Lạc Việt nhanh như thế.

- Việc báo thù cho dân làng nhất định phải làm, nhưng bảo tồn huyết mạch của tộc Lạc Việt còn hệ trọng hơn. Ta quyết không để các con liễu mạng xuống núi lúc này.

- Tôi không cần biết! - Lạc Sơn giận dữ nói - Mỵ Khuê đang bị giày vò trong tay chúng. Nàng là máu của tôi. Là thịt của tôi. Dù có chết, tôi cũng phải cứu nàng trở về! Lão đừng cản tôi nữa!

Dứt lời, Lạc Sơn vùng vằng quay đi. Một cú đánh mạnh từ phía sau khiến chàng choáng váng. Bóng tối ập đến ngay sau đó. Trước khi chìm vào mớ



Minh họa: Lê Duy Khanh

hồn độn và miên man, chàng vẫn kịp ước rằng, tất cả chỉ là một giấc mơ.

4.

Mặt trời uể oải hắt xuống thung lũng những vệt nắng nhạt nhòa và yếu ớt. Trời cũng đã dịu hơn một chút sau một ngày oi bức. Trên con đường độc đạo xuyên qua những vách núi dựng đứng, một toán quân Tần đang ịch đưa hai chục cỗ xe ngựa chở lương thảo chuẩn bị đổ đèo. Từ xa, thẳm mả phi ngựa về báo, phía trước có một tảng đá lớn chắn ngang không thể đi qua. Nghe vậy, viên Hiệu úy chỉ huy đoàn quân lương lập tức ra lệnh cho lính áp tải tìm cách đẩy tảng đá mở đường. Thế nhưng, cả chục tên lính lực lưỡng gồng mình xoay sở hết sức mà vẫn không nhúc nhích được.

Tên Hiệu úy sốt ruột bèn thúc ngựa đến nơi xem xét. Quả nhiên tảng đá trước mặt không dễ dàng dời đi. Còn bọn lính mở đường thì tên nào cũng mồ hôi nhễ nhại, tay chân phồng rộp, trầy xước hết cả mình mẩy. Bất giác, viên tướng đảo mắt một vòng quan sát địa thế, chợt thấy có điểm chẳng lành. Cả đoàn quân lương đang bị kẹt cứng giữa một lối đi nhỏ hẹp, hai bên là vách núi cheo leo, cây cối um tùm, khuất lấp tầm nhìn, phía trước lại có đá lớn chặn đường. Nếu bị tấn công lúc này, đám quân Tần không khác nào những con cá nằm chờ chết trong rọ.

Nhưng mọi thứ đã quá muộn. Từ trên cao, tộc trưởng vùng riu chém đứt sợi dây thừng. Chiếc bẫy đá lập tức được kích hoạt. Hàng trăm hòn đá lớn nhỏ từ trên núi ầm ầm rơi xuống. Cả chục tên giặc không kịp phản ứng bị

đá đè chết tươi, có tên vỡ cả óc. Những con ngựa kinh hãi lồng lên rồi quay đầu bỏ chạy, hất văng cả xe hàng vào vách đá. Lương thảo, khí giới văng ra khắp nơi. Từ hai bên sườn núi, những chiến binh Việt bất ngờ xuất hiện, trút mưa tên xối xả xuống đầu kẻ thù. Bọn quân Tần bị trúng tên, gục chết lớp này đến lớp khác. Trong nháy mắt, đoàn quân lương bị đánh cho tan tác, chỉ còn tên Hiệu úy liều chết xông ra được hẻm núi. Thế nhưng, một bóng người cao lớn đã chờ hẩn từ lâu.

Trong thế cùng lực kiệt, tên tướng giặc chỉ còn biết vùng kiếm thúc ngựa mở đường máu. Lạc Sơn vẫn không hề nao núng. Với chàng, cuộc tập kích hôm nay cũng chỉ như một cuộc đi săn. Nhưng không phải săn thú như mọi khi mà là săn người. Những kẻ đội lốt người còn ác hơn cầm thú đến từ phương Bắc. Dù là người hay thú, chàng quyết không để con mồi nào có thể trốn thoát. Lạc Sơn trừng mắt, siết chặt những bắp cơ cuộn cuộn. Ngọn giáo cắm phập vào ức con ngựa khiến nó đau đớn hất văng tên giặc xuống đất. Khi hẩn còn chưa kịp hoàn hồn, một nhát chém cực mạnh đã vụt đứt cổ.

Đã gần một trăm năm, người Lạc Việt sống trong thanh bình. Đã gần một trăm năm, giáo mác, cung tên của người Lạc Việt mới vấy đỏ máu con người.

- Cảm giác lần đầu giết người như thế nào?

Lão tộc trưởng hỏi.

Nhìn chiếc đầu của tên tướng giặc đang còn rỉ máu, Lạc Sơn trào lên một cảm xúc khó tả. Tộc trưởng nói

đúng. Đây là lần đầu tiên chàng giết người. Ánh mắt của kẻ ngoại tộc khi lưỡi gươm vụt qua chứa đầy nỗi kinh hoàng. Hệt như ánh mắt của những con thú rừng trước khi chàng vung tay kết liễu. Nhưng thực tâm, Lạc Sơn chưa bao giờ muốn ngọn giáo hay lưỡi gươm của mình vấy máu của con người. Chưa bao giờ.

- Tôi không giết người! - Chàng lạnh lùng đáp - Tôi chỉ giết giặc!

- Thứ lỗi cho lão vì hôm trước đã mạnh tay!

- Lão không cần áy náy. Tôi hiểu!

Lạc Sơn lăm lăm quay lưng. Trận đánh hôm nay đã cho chàng hiểu thêm về những kẻ ngoại tộc phương Bắc. Chúng đồng hơn, kiêu của chúng cứng hơn, giáo của chúng dài hơn, cung nỏ của chúng bắn xa hơn. Muốn đánh được chúng phải dùng cả trí chứ không thể chỉ dựa vào sức. Nếu hôm đó, chàng liêu lĩnh xuống núi, có lẽ chưa tìm được My Khuê thì đã bỏ mạng mất rồi. Nếu muốn tìm được nàng, muốn cứu được nàng, chàng biết mình phải sống trước đã.

5.

Một ánh chớp rạch ngang bầu trời kéo theo tiếng sét khô khốc khiến My Khuê giật mình tỉnh dậy. Vương Đán vẫn lặng lẽ ngồi bên, chăm chú nhìn cô gái. Trong y phục của người Tần, nàng lại càng giống người vợ năm xưa hắn đã bỏ lại ở quê nhà trước khi ra trận.

Nhà hắn vốn là thế tộc đã nhiều đời sa sút, đến đời hắn chẳng còn có nổi mảnh đất cắm dùi. Như bao tráng đinh nước Tần, hắn chọn tòng quân để tìm kiếm công danh, mong đổi đời

đổi vận. Ngày hấn ra đi, vợ hấn chỉ biết buồn bã trông theo. Nắm thức ăn mà thị gói cho hấn còn ẩm cả tay nải. Sau cả chục năm chinh chiến, hấn đã trở thành Đô úy quyền cao chức trọng. Nhưng hồi ôi, ngày áo gấm về làng, vợ hấn chỉ còn là nắm mớ chưa xanh cỏ.

Bọn lính hầu lật đặt dọn cơm nước lên. My Khuê vùng lấy ném thẳng vào gã đàn ông trước mặt. Vương Đán ngồi yên không né tránh. Chén bát vỡ tung tóe. Cơm canh vương vãi khắp người. Lính hầu toan xông tới nhưng Vương Đán đã thét lui ra. Hấn vẫn lặng thình nhìn cô gái man di đang găm gờ cầm hận. Ánh mắt ấy thật giống vợ hấn nuường nào, nhất là lúc thị biết chồng vừa trộm tiền đi uống rượu. Hấn cười chua chát. Sao số phận lại trêu người hấn đến thế?

- Ta không làm hại nàng đâu!

Wương Đán cất lời trấn an. Cô gái kinh ngạc khi kẻ ngoại tộc biết nói tiếng của người Lạc Việt:

- Sao ông biết nói tiếng của tộc chúng tôi?

- Muốn thu phục man di, ta phải học tiếng của man di!

- Thu phục? Người phương Bắc đến đây để giết người, đốt làng, cướp bóc thì có. Cái lòng dạ của người phương Bắc thâm độc hơn rắn rết trên núi, tàn ác hơn cả thú rừng luồn dưới sông!

My Khuê giận dữ đáp, nhưng nàng nói nhanh quá khiến Vương Đán câu được câu mất. Dẫu vậy, hấn vẫn hiểu được phần nào ý tứ của nàng. Nếu là nữ nhân man di khác, chắc nàng đã bị hấn giày vò cho đến chết. Nhưng điều gì đó khiến hấn không nở ra tay.

Nàng càng tức giận, lại càng giống

vợ hẳn biết bao. Không những thế, sự cứng cỏi, bất khuất pha chút hoang dại của nàng lại khiến hẳn thích thú.

- Đàn bà Bách Việt đúng là ương ngạnh!

Viên Đô úy chép miệng rồi bỏ ra ngoài, mặc cho nàng cứ nhe hàm răng đen chửi rủa. Để nàng không thể bỏ trốn, bọn lính hầu hè nhau trói chặt cô gái vào một góc. Chúng không hề biết rằng, ngón chân nàng đã lén kẹp một mảnh võ sắc cạnh để giấu đi.

Trong soái tướng, Vương Đán nhận được những tin tức không mấy tốt đẹp. Binh lính không hợp khí hậu phương Nam nên đổ bệnh ngày càng nhiều, lây lan ra mười trại. Nghiêm trọng nhất là đoàn quân lương vừa bị phục kích, khiến lương thực trong doanh thiếu hụt trầm trọng.

- Toàn bộ quân áp tải đã bị giết sạch, lương thảo, vũ khí bị lấy đi hết. Chúng còn bêu đầu của Hiệu úy tải lương trên cây cao gần doanh trại để khiêu khích.

- Quân man di ngày trốn vào rừng, đêm mò ra đánh úp, đánh xong lại rút vào rừng, cứ như vậy thoát ần, thoát hiện không thể nào biết chúng ở đâu.

- Các sông suối gần doanh trại đều bị bỏ độc khiến cho nguồn nước không thể dùng được. Mấy toán quân của ta cử đi do thám, cắt cỏ, lấy nước đều bị chúng mai phục, đi mười người về chỉ còn hai, ba.

- Bọn man di này không ngờ cũng biết đánh trận như chúng ta!

Wương Đán cười phá lên:

- Man di? Các người hãy nhìn những gì mà quân ta thu được từ những ngôi

làng đi qua. Những chiếc trống đồng được chạm khắc hoa văn tinh xảo, những lưỡi cày, dao găm, mũi tên được chế tác bằng đồng điêu luyện, rồi những cánh đồng lúa được canh tác rộng lớn, phì nhiêu. Các người vẫn nghĩ chúng chỉ là đám man di thật ư? Nếu như chúng biết tìm ra quặng sắt để thay cho đồng, nếu như chúng biết đoàn kết, liên minh lại với nhau thay vì sống riêng rẽ từng bộ lạc, thì công cuộc chinh phạt của Đại Tần ta sẽ khó khăn bội phần.

Tướng sĩ nghe vậy, chỉ còn biết im bật nhìn nhau. Chúng dần nhận ra rằng mình đang đối đầu với một đội quân có tổ chức, biết đánh trận bài bản và có chiến thuật rõ ràng, chứ không phải là một đám ô hợp, man di chỉ biết cầm đầu liều mạng. Việc quân lương vẫn đang là cấp bách. Vương Đán nhìn xuống mặt chiếc trống đồng chạm khắc hình người đang cầm chày giã gạo, bỗng lóe lên một ý.

- Thứ mà đám người Việt canh tác là lúa nước, trồng trên những vùng đất ngập nước, ẩm ướt, khác với lúa mạch của chúng ta vốn trồng nơi đất khô, khí lạnh. Thứ lúa này khi gặt về, giã ra sẽ thu được hạt gọi là "gạo", nấu lên thành "cơm", ăn rất no bụng. Đây là lương thực chủ yếu của người phương Nam. Gần doanh trại quân ta có một cánh đồng lúa rất lớn, đã vào mùa thu hoạch. Nếu cho quân sĩ gặt về, tuốt ra lấy gạo, tạm thời sẽ có thêm quân lương trong lúc chờ hậu cần tiếp tế.

Nghe vậy, chúng tướng sĩ như chết đuối vớ được cọc, phấn chấn vô cùng. Ngay trong đêm, quân lính được lệnh tháo các lưỡi cày, lưỡi mác khỏi cán dài

để làm thành những chiếc liềm gặt lúa. Nhiều xe chở hàng cũng được tập kết để vận chuyển. Nhìn lên bầu trời sấm chớp đùng đùng, Vương Đán nhắm rằng sẽ có mưa giông, bèn ra lệnh cho tướng sĩ trong ngày mai phải gặt xong toàn bộ lúa trên đồng. Bất giác, vết sẹo trên má hằn lại tấy đỏ nhức buốt.

Một điểm báo chẳng? Không thể nào! Một nhóm người man di nhỏ bé sẽ làm được gì đây? Vương Đán cau mày. Với cả đại quân trong tay, dẫu trời có sập xuống, hắn vẫn tin mình thừa sức chống đỡ.

6.

Cái nắng của phương Nam không hề dễ chịu đối với những kẻ viễn chinh đến từ phương Bắc. Đám quân Tần mồ hôi nhễ nhại, vừa hì hục gặt lúa, vừa ra sức tranh nhau chút nước uống ít ỏi. Có vài tên bị say nắng ngã lăn ra đất, những tên khác phải lục tục chạy tới kéo ra chỗ bóng mát. Dù cũng xuất thân từ nhà nông, nhưng chưa khi nào chúng phải gặt lúa dưới bầu trời đỏ lửa đến thế. Từ vách núi Lạc nhìn xuống, bọn quân Tần như những con kiến đen đang gặm nhấm chiếc thảm lúa vàng ươm từ mọi hướng.

Bầu trời trong vắt không một gợn mây, cũng chẳng có lấy một cơn gió. Những ngọn nắng đầu mùa thi nhau hành hạ mọi sinh vật bên dưới. Sau hàng lau trắng rậm rạp, Lạc Sơn và đám trai tráng đã phục sẵn và chờ lệnh. Lão tộc trưởng vẫn chăm chú theo dõi. Bỗng, mặt lão xám nhợt lại, toàn thân run rẩy như người bị động kinh, hai mắt lão cứ đờ đẫn, miệng cứ lẩm bẩm liên hồi thứ tiếng

Việt cổ xưa:

"Hỡi thần lúa! Thần của ấm no!

Hỡi thần rừng! Thần của sinh sôi!

Xin hãy phù trợ cho người Lạc Việt!

Hỡi thần lúa! Hãy bùng lên!

Hỡi thần rừng! Hãy gầm lên!

Đuổi loài lang sói phương Bắc ra khỏi đất này!"

Lời khẩn cầu vừa dứt, ngọn cờ trên tay lão đang rủ xuống bỗng khê khàng lay động rồi phấp phới liên tục. Những cơn gió từ hướng bìa rừng bắt đầu thổi ào ạt về phía cánh đồng đối diện, mang theo lớp khói bụi mịt mù, bỗng rất làm tối tầm mắt mũi.

- Hồn thiêng sông núi đã hiển linh rồi!

Lão tộc trưởng gào lớn như muốn khản cả cổ. Tiếng tù và hiệu lệnh ngân lên một hồi dài. Lập tức, những mũi tên mang lửa được bắn tới tấp xuống cánh đồng. Ngọn lửa bùng lên như một tấm màn khổng lồ rồi trùm xuống đám quân Tần đang còn ngơ ngác. Lũ giặc không kịp trở tay, chỉ còn biết quần quai trong biển lửa. Ngay khi ấy, Lạc Sơn cùng trai tráng phóng ngựa phi tới. Cung nỏ trên tay thi nhau xạ tiễn. Bọn quân Tần gục xuống như rạ, thân chất ngổn ngang không sao đếm xuể.

- Lũ giặc ác phương Bắc! Hôm nay, các ngươi phải đền tội!

Lạc Sơn hét vang, thúc ngựa bằng băng qua biển lửa. Ngọn giáo vung lên, quật xuống không biết bao nhiêu mà kể. Bọn giặc khiếp đảm bỏ hết thóc lúa mà tháo chạy về phía doanh trại.

- Không được hỗn loạn! Giữ vững đội hình!

Wương Đán vẫn điềm tĩnh chỉ huy

quân sĩ. Hắn đã cho quân phòng bị từ trước nếu lỡ bị đánh úp. Thế nhưng, từ phía cánh rừng, tộc trưởng đã cho đốt lửa. Những cột lửa đã bắt đầu bốc cao kéo theo những âm thanh long trời lở đất. Vương Đán và đám tướng sĩ nhà Tần kinh hoàng trước một cảnh tượng chưa từng thấy trong đời. Hàng ngàn con thú rừng, nào voi, nào lợn, nào trâu, nào hổ, nào tê giác đang điên cuồng lao về phía doanh trại. Theo sau là hàng trăm chiến binh của bộ lạc Âu Việt cùng đến giúp sức. Giặc không thể ngờ rằng, người Việt đã đốt lửa trong rừng và dùng chiêng trống xua đuổi muôn thú chạy về nơi chúng đóng quân. Trong nháy mắt, cả doanh trại giặc đã bị bầy thú rừng càn quét từ bốn hướng, đám quân Tần bị cắn xé, bị húc văng, bị giẫm đạp cho đến chết. Mặc cho Vương Đán gào thét ra lệnh, quân lính của hắn chỉ còn biết vứt bỏ vũ khí, cuống cuống tìm đường thoát thân trong tuyệt vọng.

Những chiến binh Lạc Việt và Âu Việt đã áp sát doanh trại quân giặc. Lạc Sơn nhảy xuống ngựa, lưng sục hết trại này sang trại khác nhưng chẳng tìm thấy My Khuê. Gió rừng mỗi lúc một mạnh, cuốn tàn lửa lan ra khắp nơi, nhấn chìm tất cả trong biển lửa, khiến cho mọi nỗ lực tìm kiếm của Lạc Sơn chỉ còn là những tàn tro của vô vọng. Ngọn giáo trong tay chàng bắt lực cầm phập xuống đất.

Chàng đã đến muộn mất rồi.

Giữa xác người ngổn ngang, một tên lính Tần giả chết đã nhìn thấy Lạc Sơn. Hắn nhóm người lên rồi rón rén

tiến về phía chàng. Lưỡi kiếm run rẩy vung lên từ phía sau. Lạc Sơn chẳng thèm để tâm. Mất My Khuê rồi, sống chết với chàng đâu còn ý nghĩa. Chàng nhắm mắt. Buông xuôi và chờ đợi.

Một luồng gió vụt qua gò má đen sạm của người chiến binh đất Việt. Tên lính Tần hét lên kinh hãi rồi lao đảo ngã xuống. Một mũi tên nhọn hoắt đã xuyên thủng cổ họng. Lạc Sơn bừng tỉnh, nhìn về hướng mũi tên phóng đi. Giữa khói lửa ngập trời, chàng lơ mơ nhận ra dáng người quen thuộc. Với cổ tay còn lằn vết dây trói, người con gái chàng yêu vẫn đang siết chặt cây cung. Hơi nóng của lửa khiến mặt chàng bỏng rát. Nhưng nhờ thế, chàng biết mình không phải đang mơ.

Vương Đán được bọn thuộc hạ ra sức che chắn và đưa đi. Trong cơn hỗn loạn, hắn vẫn kịp thấy My Khuê đang nằm gọn trong vòng tay của một gã tráng đinh lực lưỡng. Họ ôm chặt lấy nhau như thể không muốn chia xa thêm lần nữa. Vương Đán rút tên, giương cung nhắm về đôi trai gái. Hai hàm răng nghiến chặt, nhưng rồi hắn chẳng thể buông dây.

Đúng lúc ấy, cơn mưa giông ập đến. Hối hả trút nước. Những bông lúa trên cánh đồng phút trước còn rực đỏ cắm hờn nay hiền hòa trở lại, đón lấy những giọt mưa mát lành của đất trời. Dưới lớp tro tàn cháy đen, vẫn còn những hạt lúa nấu mình trong khe nứt của đất mẹ và kiên nhẫn chờ đợi.

Chờ đợi để tái sinh.

N.A.T

Người đàn bà trước bến Giá

Truyện ngắn NGUYỄN THỊ BÍCH NHÀN

Bến Giá của con sông trước nhà nằm phía lở. Tôi tò mò hỏi từ đâu có cái tên Giá thì không người già nào trong xóm trả lời được. Không phải nơi trồng giá đỗ. Càng chẳng phải nơi ở của những người đàn bà chồng chết hay không có chồng. Quê tôi, người ta gọi những người đàn bà vì bất cứ lý do gì mà không có chồng là “bà giá”. Con sông quê nhỏ nhắn nhưng bến Giá khá cheo leo. Nó có dốc dựng đứng, từ dưới sông thiếu nước bò lên, còn từ trên bờ phải bám chân cho kỹ chứ mất đà lộn cổ xuống sông như chơi. Sợ hơn, bên trái bên phải của bến đều là những mỏm đất mong manh, sẵn sàng rớt nguyên mảng xuống lòng sông bất cứ lúc nào. Chỗ mỏm đất ấy lỏng lẻo khiếp. Nhìn thôi cũng thấy như thể nó đang rung rinh mỗi khi có một cơn gió nhẹ thổi qua. Nhưng sự đời có nhiều thứ khó lòng lý giải rất ráo được. Có những mảnh đất nhìn

như sắp sụp xuống nhưng vẫn đứng đó năm này qua năm khác. Y như cuộc đời của nội Tám vậy.

Mẹ tôi kể, hồi mới lập làng, miếng đất bên phải bến Giá có vẻ vững vàng hơn nên người dân tận dụng trồng đậu trồng khoai. Còn phía bên trái của bến, bị nước sông gặm sâu, tạo thành những bức tường đất khuyết chân, nên bỏ hoang. Mà đâu dừng ở thế đất nghiêng và những bức tường đất khuyết chân, chỗ đó có vực xoáy sâu, gây chết chóc nên người dân hải hùng đặt tên vực Đá Cối, nước xoay tròn như cái cối đá. Mẹ bảo hồi trước cũng có người tới trồng khoai trồng bắp nhưng một hôm nào đó, bò húc nhau bị rớt xuống vực xoáy, khủng khiếp hơn có người cũng rớt chân xuống vực... nên từ đó nó bị bỏ quên luôn. Kể cũng lạ, hồi xúm tới làm thì đất cứ chực đổ ụp xuống, tới chừng không ai thềm làm thì cứ mong mảnh vậy nhưng mưa

dập gió vui cũng hồng võ. Càng lạ hơn, tới chừng nội Tám tới khai khẩn thì nó lại càng đứng yên như chân đã được kiềng cố. Tôi tự nhiên buột miệng như có ai đó nói hộ mình:

“Có khi nào “bộ đội đặc công” đã trấn giữ những tảng đất lỏng lẻo đó hem, mẹ?”. Mẹ gạt, bảo mê tín tào lao. Tôi lý lẽ bào chữa: “Chẳng phải mẹ nói tro cốt của “bộ đội đặc công” được Tám tự tay rải trước sông còn gì?”.

Mẹ lặng im...

Có lẽ mẹ đang chiêm nghiệm chuyện ra đời, tồn tại và phát triển trại dưa của người đàn bà thương tật trên mảnh đất hiểm trở đó. Để có một đám đất to, có hàng có rãnh thẳng tắp, dưa bí lá xanh mướt mườn mướt, quả nằm lục cục trên đất từ một vùng cỏ tranh, mắc cỡ chen lẫn nhau để sinh tồn thì Tám phải đổ xuống đó bao thùng mồ hôi và nhائن nại. Lúc thấy Tám mới bắt tay làm, người ta ái ngại như thấy cảnh ai đó đang loay hoay tìm cách bắc thang lên trời. Một mình, không biết mệt mỏi, cầm cuốc dùng cuốc đào, lật, búng từng gốc tranh, gánh từng thúng đất ở chỗ cao ụp lên chỗ đất thấp. Dần xếp thửa, nếu không ổn thì tính phương án khác - Tám trả lời khi ai đó hỏi. Nhưng càng làm, Tám càng thấy hành trình của mình tương đối ổn. Chỗ này đất cát, mềm xốp - Tám trả lời. Nhưng vấn đề một thân một mình sao gánh nổi? Một mình thì có sao, làm không xuể thì thuê người làm cùng.

Tám đã không bỏ cuộc trước sự lo lắng của người đã từng thất bại ở chính chỗ nội đang bắt đầu. Rồi cây cũng nảy mầm. Nhưng đâu phải cứ có trồng là có hái. Cũng hồng ăn mấy mùa với lũ

sâu bọ, khô dây rũ gốc ấy chứ. Nhưng dễ dàng bỏ cuộc không phải phẩm chất của Tám. Rút kinh nghiệm và tìm đến những trại dưa gần đấy học hỏi, Tám đã thành công.

“Lúa này già đi, lúa khác nảy mầm, màu xanh luôn phủ tràn trên đất mới. Ngủ như mình, hai chân như hai cái trụ mà làm như mèo mửa. Còn Tám, nhìn cái cách bả làm như rồng cuộn hổ cuốn, đổ ai dám nghĩ đã bị bom đạn tước mất một bàn chân” - mẹ nói.

Vâng, nếu tôi không tiết lộ thì bạn khó lòng nhìn cảnh Tám quảy hai thùng nước sáng chiều đi tưới từng hàng dưa, đi lại linh hoạt mà nghĩ Tám chỉ có một bàn chân. Nguyên tuổi thơ mục đồng, tôi chứng kiến những bước chân nhائن nại và kiên cường của Tám. Tôi chặn bò bên dưới trại dưa. Một cánh đồng ngập tràn cây cỏ và rau dại, bên dưới nữa là nghĩa địa từ thuở lập làng. Đồng rộng, bò tha hồ rong, cô chủ thường lên trại dưa chơi với Tám. Tôi hỏi:

- Tối ngủ ở đây bộ Tám không sợ ma hử?

- Ma họ sống với ma, liên quan gì mình mà sợ.

- Nhưng đó là ma ít, nên khó gặp, còn chỗ này ma nhiều mà.

Tôi làm như một nhà ma học, phân tích chành chẻ rằng:

- Vị trí địa lí trại dưa gần nghĩa địa, mà cũ, mà mới có hết. Chưa nói vẫn có tro cốt được rải trước sông, rồi những vong hồn chết trôi chết đuối. Ôi, con hình dung và bảo đảm chắc cú: có hẳn một cộng đồng ma ở đây.

Tám cười:

- Nếu có ma cũng chắc trẻ con mới



sợ ma. Ma họ làm chuyện họ. Mình làm chuyện mình. Nên chẳng bên nào sợ bên nào cả.

Đem chuyện này về kể với mẹ, mẹ phán chắc mẫm:

- Có ma sợ Tám chứ Tám gì sợ ma!

Mẹ nói quá rồi. Có can trường mạnh mẽ thế nào thì Tám vẫn là phụ nữ thôi. Tôi nhớ đâu chỉ một lần mình xăm xăm lại trại, thấy vắng hoe, đảo mắt nhìn

một vòng thì hoảng hồn khi thấy Tám đang đứng chỗ mom sông. Tay cầm cuốn sách, không phải đọc mà chỉ cầm và đứng nhẩn nại cao đẹp như bức tượng vọng phu. Tôi đứng từ xa nhưng không dám thở mạnh, tôi sợ phá vỡ bức tượng đẹp đẽ kia. Tám hướng mắt về phía núi xa xăm rồi chuyển mắt về dòng nước xoáy của vực Đá Cối. Tôi nghi ngờ đó chính là nơi Tám

nói chuyện với cõi hư vô nào đó, chứ không phải nơi Tám chọn để đọc sách. Tám trầm mặc, để mặc bóng chiều phủ lên mình. Trầm mặc đến nỗi khiến người xung quanh không nhận ra sự hiện diện của mình nữa. Mãi sau này tôi mới hiểu vì sao Tám hay ra đứng ở mom đất ấy. Chỗ đó nhìn thẳng xuống khúc sông nơi tro cốt người lính đặc công được rải theo di nguyện.

À, tôi vì muốn thân mật hơn nên gọi Tám chứ gọi đầy đủ phải là nội Tám (nội thứ trong họ). Có lần, tôi rón rén hỏi bị sao mà bàn chân biến mất đi Tám? Đó là loại mìn lá, được đối phương rải trên diện rộng, lấp dưới đất, bỏ lẫn vào lá trên những con đường mòn, nhét vào vỏ cây bên đường, có ba đầu sáu mắt cũng chẳng biết đường mà né. Lá mìn nằm dưới đất, khi có người hoặc vật nặng đi qua, sẽ bị kích nổ. Lá mìn nhỏ nhưng độ sát thương cao, nhưng kiểu đựng chỗ nào thì mìn hủy diệt chỗ đó. Tám mất bàn chân do giẫm phải - Tám giải thích. "Nếu biết chân đã đặt lên lá mìn, chắc con xỉu ngang mà chết chứ không phải đợi đến lúc nó phát nổ".

Lúc giẫm lên, Tám chẳng hay, nhưng trực giác vẫn bắt rút hoài nghi, nhưng không kịp để rút chân. Biết đã giẫm mìn nhưng hết đường tránh, không đủ thời gian để nghĩ "vậy là mình sẽ chết" thì một tiếng nổ tàn khốc phát ra. Choáng váng đổ ngã như cây chuối bị phạt ngang gốc. Tỉnh dậy, hoang mang cúi xuống thì bàn chân và chiếc giày đã bốc hơi. Máu chảy lạnh chân rồi mới đến cơn đau đón khủng khiếp trút xuống. Thời gian trôi nhanh như nhịp thở con tim. Khoảng thời gian đợi được cứu mạng là những

phút giây dài nhất trong cuộc đời. Lúc đó, thứ duy nhất khiến Tám biết mình vẫn còn sống là máu cứ ồ ạt chảy. Chưa lúc nào lại sợ chết như lúc ấy. Lúc Tám nghĩ mình đã hết đường về quê mẹ thì may thay, đã có đồng đội đi ngang ứng cứu. Tám kể.

Cuộc sống của một cô gái sẽ thế nào sau khi bị cắt cụt một bàn chân? Hỏi rất thừa. Đương nhiên không ổn cả về thể xác lẫn tinh thần. Bất tiện và mất tự tin với dáng đi lệch vẹo - dù có lỡ bộ lỡ thời thì cũng là con gái chưa chồng. *Nhưng u sầu khóc lóc hay ăn chay cầu nguyện thì bàn chân cũng đâu mọc lại được* - Tám nói bình thản. Tám được gắn vào bàn chân giả, tập làm quen và đã thuần thục tới mức nó gần như thay thế được bàn chân bằng thịt đã bị lá mìn cướp mất.

Mẹ thấy tôi quý mến và tò mò nên kể thêm chuyện tình huyền thoại của Tám. Đó là có một hồi, khi an dưỡng ở trung tâm điều dưỡng dành cho người có công, Tám gặp một người cùng cảnh ngộ. Ông là bộ đội đặc công, trong một trận đánh tại chiến trường Tây Nguyên năm 1965, bị thương một lần nhưng nhẹ, sau sắp đến ngày cuộc chiến kết thúc lại bị nặng. Mất nguyên một chi dưới, tệ hơn, còn hỏng một con mắt nữa. May mắn được bom đạn cho về làng, nhưng cũng không còn cha mẹ, và cô gái hai gia đình hứa hôn ngày trước đã không đợi được người trai biệt biệt ngoài chiến trường nên đã cảnh chồng con đuỗi huê. Thành ra "bộ đội đặc công" ở tuổi trên năm mươi nhưng vẫn là trai tân. Lúc gặp Tám, biết "đồng đội" chưa có chồng nên tỏ ra ngại ngùng, nói chuyện kín kẽ, rất ý

tứ giữ khoảng cách. Nhưng chẳng có khoảng cách nào từ những người may mắn được về từ chiến trường cả. Họ rất dễ tìm tiếng nói chung chỉ sau những lần trò chuyện tưởng chừng phớt lờ xã giao.

“Bộ đội đặc công” càng hiền lành nhút nhát, chính điều đó lại tạo được thiện cảm. Tám chủ động ngỏ lời luôn, mặc kệ chuyện trâu tìm cọc hay cọc tìm trâu, cái Tám cần bây giờ là hạnh phúc đời thường - thứ hạnh phúc không có mùi thuốc súng. Ông tặng Tám một cuốn sách viết về tuổi trẻ của họ do một đồng đội mới xuất bản. Như tín hiệu đèn xanh, Tám mạnh dạn thổ lộ. Vậy là họ thành một đôi. Càng thuận lợi hơn khi sự kết nối đó được xung quanh ủng hộ. Nụ cười đã không ngớt xuất hiện trên môi, của cả hai người.

Nhưng oan khiên thay, hạnh phúc là thứ khó cầm nắm nhất, lập trình số phận vẫn chưa hết cao trào với Tám. Chưa kịp về với nhau thì “bộ đội đặc công” đã về cõi mây trắng - chỉ trong một giấc ngủ.

Sau khi người lính ấy mất, Tám không còn thiết ngôi trong nhà nữa. Tám tìm đến bãi đất hoang bên bến Giá như tìm một việc gì đó đủ nặng để lấp khoảng trống trong lòng mình. Và công cuộc trồng dưa trên đất hoang rất phù hợp. Làm và làm như không kịp thở. Nhưng người ta vẫn thường thấy Tám đứng một mình ở mỏm đất bên bến Giá. Nghe kể, tôi tỉnh lặng, nước mắt ở đâu cứ chực trào chứ không nói một lời nào.

À, xin quay lại kể đoạn từ chiến trường trở về, Tám đã trở thành đứa con mồ côi.

Ngôi nhà của ba mẹ giờ thành nhà từ đường cho con trai Út. Cậu Út lấy vợ, sinh một bầy con sáu đứa. Chị đi lính về, chưa chồng nên cậu mới nối hiên nhà thêm gian nữa cho chị được thoải mái riêng tư. Nói vậy chứ “thoải mái riêng tư” gì được. Có cô ở bên cạnh, những đứa con của cậu Út suốt ngày quanh quẩn bên gian sơn của cô. Cô Tám bỗng bế, tắm rửa, cho ăn cho ngủ. Có lúc những đứa cháu còn gọi nhầm cô Tám thành mẹ.

Nhưng sau bi kịch tử biệt, chuyển đồ tình dang dở, Tám đi khai khẩn thửa đất hoang trước bến Giá thì trại dưa đã là nhà. Mấy đứa con cậu Út cũng lớn, và dường như, cuộc sống của chúng với Tám không liên quan gì với nhau nữa. Bằng chứng là nếu đem dưa về cho thì chúng ăn, nhưng chẳng thấy đứa nào một lần đến thăm trại dưa của Tám. Sự nhạt dần đó của quan hệ cô - cháu cũng là sự vô thường của cuộc đời. Có ai ngờ, từng thân tình như mẹ con nhưng rồi một ngày nọ bỗng hóa ra mạnh ai nấy sống.

Tôi đồ là chắc chắn có đứa cháu nào nhớ lúc đám dưa còn trong giai đoạn thử nghiệm mịt mờ, Tám neo đơn chưa có nhà riêng nên chính quyền đã xây một ngôi nhà, trên miếng đất vườn còn dư, bên cạnh nhà cậu Út cho Tám. Có nhà rồi, Tám đi về giữa nhà và trại. Cùng lúc đó thì vợ chồng cậu Út mua miếng đất nhỏ, xây cái quán bán nước chỗ ngã tư con đường từ làng tới bến Giá. Quán mọc đúng chỗ nên làm ăn được, nên vợ chồng cậu Út biến quán thành nhà luôn. Bây giờ, hai thằng con lớn của cậu Út đã có vợ có con, chúng bèn rủ nhau bỏ quê vô phố với giấc

mộng đổi đời. Chúng đi, đem con tới quán tấp cho ông bà nội. Trong tình cảnh việc bị áp xuống tay nên ông bà nội phải miễn cưỡng trông cháu. Mỗi lần về xóm thăm nhà, lúc đi ngang quán, thấy hai đứa cháu bò lê bò càng, Tám xót lòng nên trại dưa thuê người trông coi, phần mình ở nhà trông cháu.

Nhưng sự đầu dừng lại ở đó. Một gánh nặng khác đã ập lên vai Tám khi vợ chồng cậu Út lần lượt đổ bệnh. Chồng tai biến, vợ bị ung thư phổi. Mấy đứa cháu ỷ có Tám nên bố mẹ ruột mình bệnh mà chúng làm như bố mẹ Tám vậy, tiếng đem bố mẹ về lo nhưng đích thực đem về giao đứt cho Tám. Bạn đã hình dung được cảnh chạy thăm trại dưa, về lo bầy cháu và chăm vợ chồng người em bị bệnh chưa? Chạy xấp chạy ngửa. *Tám không có thời gian để thở luôn chứ nói đến than khóc - lời Tám. Quay như cái chong chóng gặp gió, ra sức đập như cánh cò ngược trong gió bão.*

Rồi em trai mất. Nửa năm sau, em dâu cũng vội vàng rời cõi tạm sum họp với chồng. Hậu sự chồng chất hậu sự, Tám gầy xọp như cành cây khô. Mẹ nói, chắc chỉ còn mỗi bàn chân giả là không bị vất kiệt. Mấy đứa con cậu Út, mất cha mẹ rồi thì lâm cảnh “gà bới bếp”. Con cùng cha cùng mẹ, sống chung trên mảnh đất từ đường mà sục rục, ậm ực suốt.

Hôm đó, tôi đem con về thăm mẹ. Mới về tới cổng thì nghe tiếng hét đình tai trước nhà Tám - đối diện

nhà tôi, cách nhau một mảnh vườn. Ngay tại góc sân nhà Tám, hai thằng cháu, thằng cầm dao thằng cầm rựa, chì chiết, rửa xả, hai khuôn mặt như hai ngọn đuốc chực lao vào nhau chỉ vì bụi chuối sau hè ông anh mẫn cán nhảy lẩn cây con sang rào bên kia và vươn tàu qua mấy bụi rau bồ ngót nhà ông em. Ông em không chịu được việc bị ông anh cả quyền lấn chiếm, lấy rựa phạt đứt cây chuối non quăng qua vườn ông anh. Ông anh nổi xung hét: ai trồng cho mày phá? Mày dám dẫm mặt tao hả? Mày muốn chết thì tao đưa cái đầu ra nè, chặt đi! Một ông thò đầu qua rào, một ông cầm rựa sẵn tới. Tôi đứng nhìn nín thở. Tám từ trong nhà chạy ra, thấy cảnh ấy thì chỉ há miệng chứ không kịp mở lời, mặt mày tím tái rồi ngã nhào như cây chuối bị lưỡi dao bén chặt ngang. Vậy là Tám đi, nhanh hơn một hơi thở.

Sống nhẹ nhàng, đi thanh thản. Đến ầm ào, đi lạng lẽ.

Bao năm bom đạn không làm Tám ngã. Mất chân không làm Tám ngã. Mất người thương không làm Tám ngã. Vậy mà giữa tiếng cãi vã không khoan nhượng tình thâm của những đứa cháu mình nuôi lớn, Tám ngã xuống thật. Tôi thiên theo ý mẹ: đã xứng đáng một kiếp để ngợi ca chứ không phải bi lụy khóc thương, giờ thì mừng cho Tám đã hạnh ngộ với “bộ đội đặc công” trước bến Giá.

Chiều xuống. Bến Giá vẫn đứng đó bên dòng sông. Như thể vẫn còn một người đàn bà đang lạng lẽ nhìn về phía nước xoáy Đá Cối.

N.T.B.N

Lưng người ngược hướng mặt trời

Truyện ngắn **VÕ ĐÌNH DUY**

Thứ người xấu lấy đi chính là niềm tin của người khác dành cho họ, đâu thể nào lấy đi lòng tốt của cha con. Điều má hay nhắc về cha là vậy. Biết bao nhiêu lần rồi, ông đều tha thứ cho người ta dù có phạm lỗi lớn đến chừng nào. Nhưng cha mày lắm, niềm tin của ông đâu có nhiều tới mức mà cứ để người ta lấy đi hoài.

- Nhà hết gạo rồi.

- Tui cho nốt lần này.

Tay cạo chiếc vá xuống đáy nồi, lớp cơm cháy loang lổ. Má cúi gằm xuống chẳng nói thêm lời nào. Nhưng lần im lặng này sẽ lại cận kề những lần hỏi rồi im lặng khác.

- Bộ người ta lại bệnh à?

- Hông, mấy ngày nữa vợ nó đẻ.

Má chỉ hỏi vậy chớ chưa lần nào cản cha. Sự im lặng bỏ lửng sau câu trả lời gọn lỏn đó, làm má cũng dừng đứng. Má thông chân xuống mặt nước khi ngồi trên mấy tấm ván gỗ gầy nhom,

tiếng cọt két làm má quên mất mình cũng cần có ai đó để nhỏ to trút bầu tâm sự.

Mỗi lần cha mang gạo trong hũ đi cho người ta, ông về nhà với gương mặt sáng láng kiểu trắng rọi trên sông. Má nhìn cái hũ gạo trống hoác, nhìn đôi mắt rực rỡ đầy ơn huệ của ông mà thấy lạnh sống lưng. Ông thương người ta bằng cái bụng kêu ọt ọt của vợ con mình. Má muốn gào lên, nhưng nhìn xóm giềng xúm lại khen ông là ông bột, má lại lảng lảng đi mót trứng lủ vịt để sót ngoài đồng. Cái sự tử tế của cha Hòe... nặng lắm.

Má chấp miệng, mắt nhìn mông lưng ra phía đầm.

- Hồi đó, cha mày mang cả bầy vịt tơ đi trả nợ thay cho người ta. Tao hỏi rồi mai tui với con lấy gì ăn, ông chỉ cười... Hòe nín thinh đợi câu tiếp theo, nhưng má không nói nữa. Má cúi xuống, ngón tay run run miết vào cạnh rổ.

- Ông cười đẹp quá. Đẹp tới mức tao không dám khóc.

Cha mất, má thất thểu ôm di ảnh đi qua con đường xóm Bung. Lùng khùng làm sao má té xuống ao bèo dưới gốc cây xoài tượng. Má khóc giữa dưới ao, ai vớt má lên má cũng chẳng chịu. Thăng Hòe đi tìm má, nó nhỏ thó chạy hụt chân cái đùng. Má mới gạt nước ao trên mặt, nhồi người quắp nó quay về chòi vịt.

Nắng rạc cả những gốc rạ nâu. Giòn rộp. Đồng mùa này ngóng nước như trẻ con hóng má đi chợ về. Phải đi xuôi về phía đầm, năm nào cũng vậy. Năm nay nước rút sớm, hạn này còn dài dài. Má ru thăng Hòe ngủ rồi nhìn trăng chấp miệng liên hồi. Trăng quầng rõ tới vậy, cứ cái đà này chắc má con mình đưa vịt chạy đồng sớm thôi Hòe ơi. Đêm nào má cũng nhìn trăng. Trăng quầng là điểm báo hạn. Là điểm báo của một cuộc gặp gỡ mà thể nào cũng trải qua. Nơi căn chòi xổng cao trên mặt đầm cạn. Ông ta không có tên gì đặc biệt, chỉ là ông Thứ, một người thừa của số phận. Cái hình ảnh ngồi lặng như thiền, xoay núm vặn trên chiếc radio, phát ra những tiếng rè rè chưa lần nào làm Hòe thôi tò mò.

Chiều nay nắng mượn màu của hoa chùm chu trên bờ ruộng, nhuộm đỏ khoảng trời trong vũng nước còn sót lại dưới chân Hòe. Vác cây xua vịt cao ngóng cột chiếc túi nylon vàng chói. Hòe ngang vũng nước mà chột dạ nghĩ miết về má. Hay nó nghỉ học hẳn về phụ má chạy đồng.

- Má. Hay con nghỉ hẳn. Con đi...

Má nhìn cái nhìn thông thốc ra phía cột khói nhà người ta nấu cơm chiều.

- Học đi. Tao chưa chết, đồng chưa cháy được. Ngủ đi thăng quỹ nhỏ.

Má một mực không cho. Giữa mùi bụi của lũ một thao thiết gặm nhấm phen ván. Khoảng ngưng giữa chừng của má làm Hòe khắp khối chờ đợi cái gật đầu.

- Nghỉ hè tao cho mày rượt tụi nó.

Hòe cứ phải ở nhà nội trên vườn mà không có má. Đến bữa ăn nó cũng ghen, lần nào trước khi đi học cũng phải ào ra đồng, rồi ba chân bốn cẳng chạy băng qua xã để đến trường. Riết rồi cũng thành quen, sáng nào không gặp má là nó bồn chồn, nhét chữ chẳng đặng.

Cái thăng, lớn tướng mười lăm rồi chớ có ít đâu. Mà ăn nói cứ thủ thủ. Tay nó tước từng sợi mảnh như bết chặt vào nhau của đám lông con con cắm chặt lông ống. Hay Hòe lấy lông vịt làm cho má cái áo tơi, lông vịt ngó vậy chớ chống nước tốt lắm. Mưa xứ này có bao giờ ít đâu, lần nào đổ xuống cũng như muốn dội trời cả căn chòi. Mấy cái áo mưa má mặc lúc nào cũng te tua như lá chuối phơi mình thách thức gió. Ở trường, chẳng ai nhắc tới áo mưa bằng lông vịt, nhưng Hòe muốn làm. Hòe muốn mình thực hiện những thứ mà Hòe biết tường tận, vì sao lông vịt lại chống được nước mưa.

Ông Thứ không ngẩng đầu, tay vẫn vịn cái thứ cũ mềm đang la lên khềng khệch.

- Nước rút tới chân rạ rồi. Đi chưa?

- Mai đi.

- Ủ. Đi ẹ... Ông Thứ ngưng một chút, chiếc radio tự dung như có tiếng bài vọng cổ khọt khẹt rồi dứt quãng.

- Đứng để thằng nhỏ thấy mặt tui.

Má đứng đó như trời trồng, cho đến khi nắng liếm hắt sau gốc xoài tượng phía rìa ruộng mới quay lưng.

Hồng lẽ má phản bội cha. Má phản bội những ngày đồng đầy sương cha quận từng đốt khớp mà chẳng dám đi khám. Má phản bội sự bao dung của cha hay sao? Mà rõ ràng cái bóng má nhỏ thó cạnh người đàn ông đó là thật. Hay má muốn có người mới chạy đồng

cùng má. Sao không phải là Hòe? Xin tới xin lui má chưa lần nào đồng ý. Túi nylon vàng trên đầu cây lùa vịt cứ phần phật lay. Hòe sợ sự hiện diện của chính mình, sợ tất thấy âm thanh bao quanh ngay lúc này. Tay siết chặt lấy cán tre mà mồ hôi cứ tự tứa ra, đến mức nó còn nghĩ mình chẳng đủ sức giữ được cái cây bé xiu này.

Má con Hòe lại lùa vịt đi xuôi về hướng đầm cạn. Nắng vẫn rạc rạo trên gốc rạ. Hòe nhìn cái bóng của má đồ dài trên đất nẻ, nay má cũng đang bắt đầu có cái dáng vẻ bao dung y hệt cha.



Má đang tha thứ cho sự quá tử tế của người chết bằng cách tiếp tục sống như thể chẳng có chuyện gì xảy ra.

- Đi lẹ con, đêm qua trăng quầng. Ngày nay nắng cháy thịt đỏ.

Thứ nằng phả rục xuống đồng như làm con người ta mê sảng. Trong một đêm cháy đồng, má lừa đám vịt chạy có cờ. Ông Thứ gọi má Hòe bằng một cái tên khác, cái tên thời con gái mà có lẽ cha Hòe chưa bao giờ gọi.

- Ông gọi má con là Hường?

Có gì đó rất khác trong mắt ông Thứ. Ông nhìn thẳng Hòe như cái cách nước ròng trên mặt sông. Trăng đã. Sau tiếng rè của cái radio chết tiệt, giọng ông Thứ run run.

- Phải rồi. Má con hồi còn trẻ.

- Sao nghe lạ hoắc.

- Ủ.

Tiếng ừ nghe khò khè như lây nhiễm từ món đồ ông giữ riết trên tay. Chiều ráng hay cái cái cách giữa hai người nói chuyện về người đàn bà cùng bầy vịt chân cam đang ở tít đằng xa kia, hai khuôn mặt đỏ lựng. Mênh mông đồng, má đứng dỗi theo giữa nhộn nhạo của lũ vịt xám.

Hòe chẳng bận tâm đến người ta nghĩ mình như thế nào trong nhân dạng trước mặt. Chỉ biết mỗi lần má gặp ông Thứ là y như rằng, nó không muốn ai nhìn thấy bộ dạng của nó lúc này. Lóng ngóng, mặt mày đỏ tía. Chân nó còn chẳng muốn bước, nói gì đến chạy. Nhưng lần này khác. Má đứng sát căn chòi của ông Thứ, lưng má tựa cây cột tróc lở. Một con người khác, rất khác so với những gì Hòe biết.

Bờ ruộng khắp khênh không cản được Hòe. Tiếng thở dồn đến tận tai,

lùng bùng. Đám đất nẻ cong mỏng như bánh tráng, cứ vậy mà rệu rạo. Chân nó phăng phăng nhảy qua mấy con mương tro đáy. Phập, tiếng bàn chân đập vào vũng nước đang chứa khoảnh trời màu cam của lửa. Hòe chống tay xuống vũng nước nhão, mùi bùn ướt trộn với khói khét, thứ mùi mà cả tháng rồi mới được nghe lại. Chẳng kịp nghĩ, Hòe chạy một mạch về phía nhà nội.

Sáng đó dấu chân trên đồng nhiều như rạ. Cái cách người ta từ từ phía kéo đến chẳng khác nào sạ ruộng. Tiếng người lẫn trong gió phía hồ ràn rạt ủa về. Ông Thứ nằm đó trên tay vẫn còn bấu chặt cái radio khò khè đang dò sóng. Cái cách người đời thương xót kẻ cũng lạ, thương đến đạp ruộng rạc chân tiễn ông đi. Cũng kiểu tình người đó, người ta lại xót xa cho ông như thể cả cuộc đời ông mãi cũng chưa dò được tần sóng radio nào. Nắng lẹm từ mái chòi, bén ngót như nét vẽ trên mấy tấm tranh kiếng từ cù lao Ông Chưởng đang chung ở nhà nội. Cổ tình tràn lên đôi chân co quắp đang nằm đó, rồi lan cả lên người. Chiều xiên, người ta cũng thả bớt lòng thương lại trên những bước trở ngược về nhà. Mùi đồng lại hanh oi bởi trời rắng đỏ.

Má đến, không khóc, chỉ đưa tay nhấn nút thật nhẹ. Tiếng rè ngưng hẳn, cả cánh đồng im phăng phắc. Tay má run run khi chạm vào chiếc radio cũ sồn, thứ duy nhất ông Thứ dùng để nghe ngóng thời sự thế giới, hay thực chất là để nghe tin dự báo thời tiết mỗi chiều?

Ruộng khô. Má nằm vẹo trên gờ ruộng để Hòe nhổ mấy cọng tóc sâu. Đầu mà tóc sâu, nhổ hết chắc mọc luôn đầu quá. Chẳng biết ai xui khiến sao, lời má rủ rỉ như cách cây đang trở lá. Má kể chuyện như thể đã lâu lắm rồi má chưa gặp con mình. Giọng má cứ thì thầm rồi ngắt quãng. Những lần má lặng im là câu chuyện tiếp theo đó sẽ dần dà mặn lên như nước triều đang lặn sâu vào từng ngách sông.

Cha Hòe xuất hiện như ghe lạc cứu giúp kẻ đuối nước. Năm đó ông Thứ mất trắng, bấy vệt chết rụi như cách chúng từng rải trứng giữa những ngày chạy đồng. Bao nhiêu vốn liếng thời thanh niên của ông, chừa hết cho ông Thứ. Rồi ông cưới má, cưới luôn cái nợ mòn công má chạy ghe bán trứng.

Cái lần ông Thứ tần ngần ở hàng ba. Đàn ông đàn ang gì mà cạy miệng vẫn như ngậm bồ hòn. Nhưng ông khác, ông chưa bao giờ chê má lì. Lần cự cãi với người bốc xếp trên chợ xã, má quăng đồng trứng vệt xuống sông. Mặt sông cứ vậy nuốt chửng hết. Đầu tóc ông Thứ ướt mẹp, mỗi lần ngoi lên đem được mấy cái trứng lẳng lẳng thả vào sọt má để trên ghe. Chi mà lạ, người đầu kỳ cục đến tước mất cơn giận ngang tàng của má. Lần đó coi như món nợ do má gây nên. Sự lẳng lẳng đó chẳng biết sao má lại để ông Thứ lần từng cúc áo. Má khùng đến ngiệt ngã.

Rồi má xuôi xe về miết dưới miệt biển. Người đàn ông làm đồng trứng vệt của má chìm chìm trong nước sông đục ngầu tìm tới má. Ông lặn lội tới xin lỗi má. Ông nói ông giúp ông Thứ bằng thứ tiền phải đổi bằng mấy cơn đau khớp, bằng cả sức trẻ vác đồ chạy ruộng trong chợ. Má cảm kích thứ tình cảm nghèn nghẹn đó. Ông không chịu về, cứ ở lỳ nhà ngoại. Má mang thai thằng Hòe mà chưa lần nào đủ can đảm để nhìn thẳng vào mắt cha.

- Mà ông biết hết. Tao theo ông đi chạy đồng cả đời, không phải để giữ lòng tốt của ông, mà để giữ cái bí mật này cho mày được làm con của một người tử tế.

Đồng muôn đời vẫn khát nước như cách người ta thèm được yêu thương. Vậy là má chưa từng yêu cha. Má chỉ muốn ở đó, lặng lẽ tựa cái bóng đổ tràn lên bấy vệt. Cứ miết mãi lừa chúng đi ngược hướng mặt trời.

Tiếng chấp miệng của má tan vào thứ gió thông thốc qua đồng, khô như tiếng đất nứt. Xắn ngón tay bẻ vỡ mảnh phù sa vỡ giòn như bánh trắng. Rồi chẳng biết, má có còn thắc mắc phía đồng cạn năm sau liệu có ai chờ má chạy đồng.

Mưa, cơn mưa đầu mùa xóa dấu mặt trời. Lần đầu tiên má khoác chiếc áo tơ bằng lông vịt. Đã thiệt, đúng là nó đã không ướt y như Hòe tưởng tượng. Những mảnh bùn khô cong đang được nắn lại, rồi hạt thóc sẽ nảy mầm như cách con người ta phải lớn lên.

V.Đ.D

Bến đỗ bình yên

Truyện ngắn THUẬN ÁNH

Chiều muộn. Tiếng cười nói rộn rã ngoài phòng khách vọng vào tận phòng ngủ. Lại một lớp học trò cũ đến thăm thầy. Giao đứng bên cửa sổ, nhìn những gương mặt trẻ măng, lấp lánh ánh mắt ngưỡng mộ dành cho chồng cô - thầy giáo Ngạn. Suốt mười lăm năm qua, hình ảnh ấy không hề thay đổi. Vẫn chiếc sơ mi trắng ủi phẳng phiu không một nếp gấp, vẫn nụ cười hiền từ mực thước, và vẫn những lời răn dạy đạo lý vừa vắn như được lập trình sẵn.

Giao thở dài. Cô xách chiếc túi máy ảnh, lặng lẽ dắt xe ra cửa sau. Mỗi lần học trò của chồng đến chơi, cô lại chọn cách rời nhà đi như thế.

Ngày xưa, chính cái vẻ mẫu mực, chín chu ấy của Ngạn đã làm cô say đắm. Khi ấy, Giao là một phóng viên trẻ vừa vào nghề, tâm hồn bão dông và đầy xáo trộn. Ngạn xuất hiện như một bến đỗ bình yên, một hệ tọa độ chuẩn xác tuyệt đối giữa cuộc đời nghiêng

ngả. Cô từng nghĩ, lấy một người đàn ông mười giờ đêm đi ngủ, sáu giờ sáng tập thể dục, áo quần luôn xếp theo màu sắc, cuộc đời không một tì vết như anh sẽ là sự bảo hiểm vững chắc nhất cho hạnh phúc.

Nhưng Giao quên mất mình là một nhà báo.

Nghề báo ném cô vào những chuyến đi dài ngày. Hôm nay cô ở đỉnh sương mờ Tây Bắc, tuần sau đã ở vùng rốn lũ miền Trung. Cô chứng kiến sự sinh sôi, những số phận ngọt ngào, những lật lọng và cả những vẻ đẹp xù xì của vĩa hè đời sống. Bản năng của Giao là lao về phía trước, là tự vấn, là lật mở và không ngừng thay đổi để thích nghi. Trong khi đó, Ngạn vẫn đứng yên ở bụi giăng. Anh không chỉ mang sự mực thước vào bài học, mà biến nó thành một bức tường kiên cố bao bọc gia đình. Sự mẫu mực ngày nào, qua năm tháng, trong mắt Giao đã biến thành sự bảo thủ, giáo điều.

Vực thăm giữa họ càng sâu hơn khi hai đứa con, một trai một gái, bước vào tuổi trưởng thành. Những bữa cơm gia đình không còn là nơi chia sẻ, mà trở thành sàn đấu của hai triết lý sống đối lập.

“Em muốn đăng ký cho cu Đức một khóa học lập trình AI và trại hè quốc tế ở Singapore”, Giao vừa gấp thức ăn vừa nói. “Thế giới thay đổi từng ngày, con cần tiếp cận công nghệ và tư duy hiện đại, cần phải biết bay nhảy để thích nghi”.

Ngạn đặt đôi đũa xuống bát một cách ngay ngắn, chậm rãi vuốt lại nếp áo: “Không cần thiết. Con mới lớp mười, điều quan trọng nhất lúc này là học chắc kiến thức nền tảng trong sách giáo khoa. Muốn bay cao thì rễ phải sâu. Vốn văn hóa, văn học và những giá trị vững bền của dân tộc mới là cái gốc để làm người, chứ không phải mấy thứ xu hướng thời thượng, mĩ ăn liền ấy”.

“Anh đang biến các con thành những cỗ máy học thuộc lòng của thế kỷ trước!”, Giao bắt đầu mất kiên nhẫn. “Anh bó buộc chúng trong bốn bức tường với những bài giảng mực thước. Cuộc sống ngoài kia là thực tế khốc liệt, không phải một bài giảng đạo đức!”.

“Nền nếp và chuẩn mực chưa bao giờ lỗi thời”, Ngạn vẫn giữ tông giọng bình thản đến đáng sợ. “Anh dạy con thành người tử tế, biết kính trên nhường dưới. Em đi nhiều quá nên cái gì cũng muốn phá cách, nhưng gia đình thì không thể vận hành như một bài báo giật gân”.

Điều trắc trở và đau lòng nhất đối với Giao là hai đứa con lại hoàn toàn đứng về phía bố. Thằng lớn đi đứng,

nói năng chừng chạc, từ chối mọi chuyển dã ngoại ngoại khóa của mẹ để ở nhà ôm cuốn từ điển tiếng Việt và sách nghị luận xã hội. Con gái út lúc nào cũng tự hào khoe với bạn bè về người bố là giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

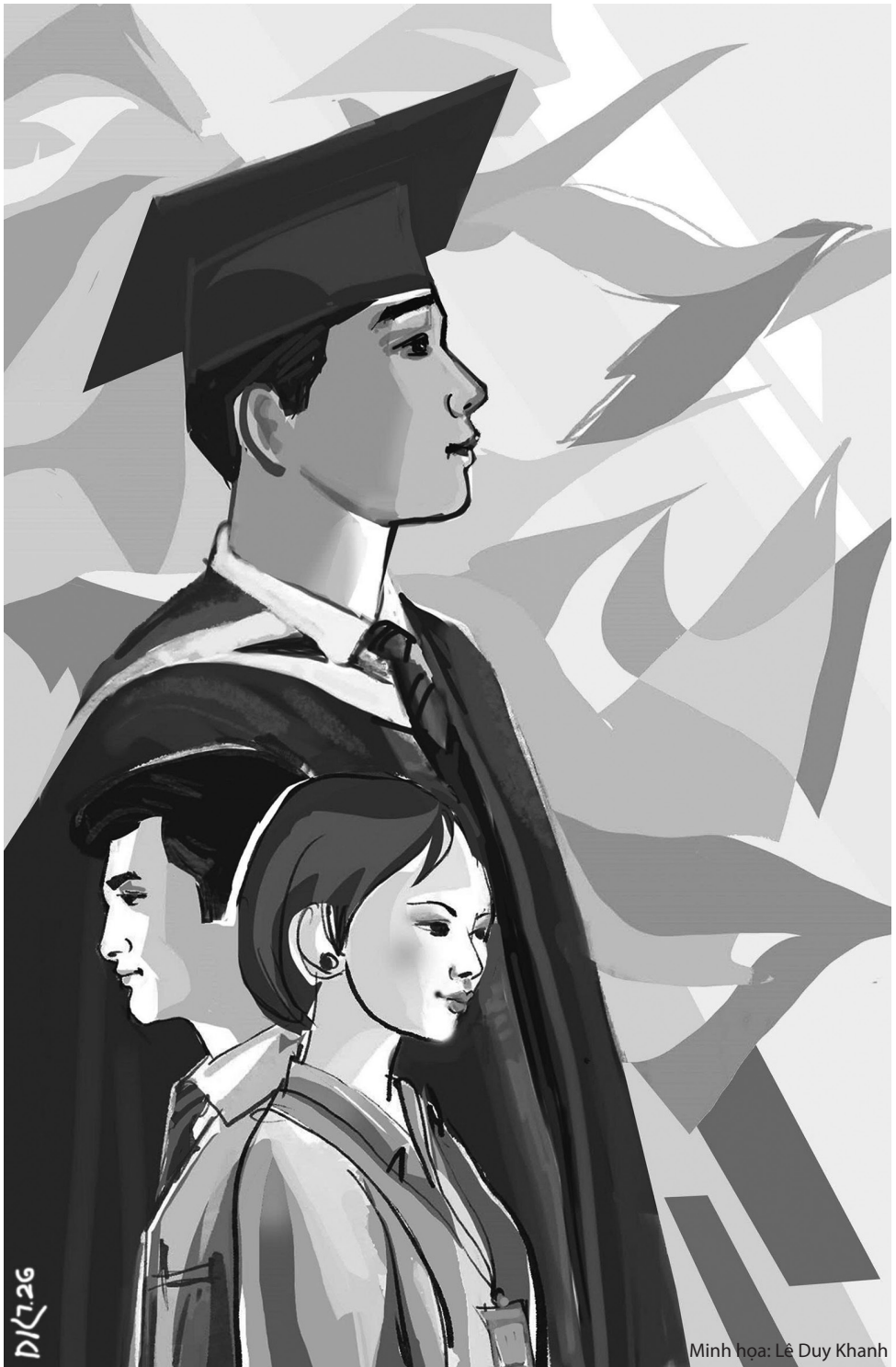
Mỗi lần Giao muốn thay đổi một thói quen, như việc khuyến khích con tự do bày tỏ quan điểm phản biện trái chiều, hai đứa trẻ lại nhìn nhau rồi bảo: “Bố dạy là phải biết khiêm tốn, không được cãi lời người lớn. Mẹ nói thế là không đúng chuẩn mực đâu”.

Giao thấy mình trở thành kẻ ngoại lai, một “tội đồ” hiện đại hóa thất bại ngay trong chính ngôi nhà của mình. Cô không thể ghét Ngạn, vì anh là người chồng chung thủy, người cha trách nhiệm. Nhưng chính cái đúng dẫn đến tuyệt đối, cái pháo đài văn hóa cổ hủ của anh đang bóp nghẹt cả cô lẫn tương lai của các con dưới danh nghĩa “vững bền”.

Bầu không khí ngột ngạt ấy kéo dài cho đến cuối năm lớp mười một của Đức. Mọi chuyện bắt đầu từ một đêm Giao vào phòng tìm tài liệu, cô vô tình bắt gặp con trai đang lén lút tắt vội màn hình máy tính. Ánh mắt cậu bé đầy vẻ lo sợ. Khi Giao gặng hỏi, Đức bật khóc. Cậu chia ra một tệp tài liệu tiếng Anh giấu dưới ngăn bàn: đơn đăng ký học bổng toàn phần ngành Khoa học dữ liệu của một trường đại học hàng đầu tại Mỹ.

“Mẹ ơi, con muốn đi du học”. Đức nói, giọng run rẩy nhưng ánh mắt kiên định. “Con muốn nhìn thấy thế giới ngoài kia đang vận hành ra sao”.

Nhìn con trai, Giao như thấy lại chính mình năm hai mươi tuổi. Bản



năng người mẹ và ngọn lửa của một nhà báo trời đầy. Cô không muốn con mình mãi là một phiên bản rập khuôn trong chiếc lồng kính của bố. Suốt một năm sau đó, Giao trở thành “đồng phạm” của con. Cô âm thầm trích tiền nhuận bút hỗ trợ con đóng lệ phí thi chứng chỉ quốc tế, thức đêm cùng con sửa từng bài luận, và dùng tư duy sắc bén của một nhà báo để giúp con mài giũa những góc nhìn phản biện xã hội. Mọi việc diễn ra hoàn toàn trong bóng tối, lén lút sau lưng Ngạn.

Ngày bức thư chúc mừng nhập học kèm học bổng toàn phần gửi về, chiếc mặt nạ bình yên trong ngôi nhà chính thức vỡ vụn. Cẩm thư mời của trường đại học ở Mỹ, gương mặt Ngạn tái mét. Đôi bàn tay vốn chần chừ, chưa từng run rẩy trước bất kỳ học trò nào, giờ đây bỗng run bần bật. Sự im lặng bao trùm phòng khách, đáng sợ hơn cả một trận cuồng phong.

“Hai mẹ con lừa dối tôi?”, Ngạn hỏi, giọng khàn đặc. “Một chuyến đi năm năm? Sang một đất nước thực dụng để học những thứ thuật toán vô hồn? Em muốn hủy hoại cái gốc mà tôi đã dày công xây dựng cho nó sao?”.

Giao đứng chắn trước mặt con, thẳng thắn đối diện với chồng. “Con cần được bay! Thế giới của anh rất đẹp, nhưng nó đã quá cũ kỹ để ôm trọn tương lai của một đứa trẻ thế kỷ này!”.

Đêm đó, và cả nhiều đêm sau nữa, ngôi nhà mực thước chìm vào những khoảng lặng trần trọc. Giao nằm quay lưng lại, còn Ngạn thì thức trắng. Tiếng thở dài của anh buốt nhói trong đêm. Anh không hiểu mình đã sai ở đâu. Anh đã sống một cuộc đời không tí

vết, dạy con bằng tất cả sự thánh thiện của nghề giáo, vậy mà đứa con trai anh tự hào nhất lại chọn cách bí mật “vượt thoát”, vượt khỏi vòng tay anh. Sự tổn thương hòa lẫn với cảm giác bất lực của một người cha bị tước mất quyền định hướng cho con.

Nhưng rồi, ngày lên đường vẫn đến. Đức bay sang bên kia bán cầu. Hai năm đầu, Ngạn gần như từ chối nhắc về con trai trong các bữa cơm. Anh vùi đầu vào bài giảng, càng nghiêm khắc hơn với cô con gái út. Cho đến một mùa hè, dưới sự thuyết phục và sắp xếp kiên trì của Giao, Ngạn mới chịu khép lại cuốn sổ giáo án, lần đầu tiên cầm hộ chiếu bước lên máy bay sang Mỹ thăm con.

Thành phố Boston đón Ngạn bằng những tòa nhà chọc trời và nhịp sống hối hả đến chóng mặt. Nhưng khi bước vào căn phòng ký túc xá của Đức, Ngạn hoàn toàn sững sờ. Giữa căn phòng đầy máy móc hiện đại và những mô hình công nghệ, Đức treo trang trọng một bức thư pháp chữ “Nhân” mà Ngạn đã viết tặng con năm mười tuổi. Trên bàn học của cậu, bên cạnh chồng sách tiếng Anh dày cộp là cuốn *Truyện Kiều* và tuyển tập thơ Nguyễn Trãi cũ kỹ.

Chiều hôm đó, Đức dẫn bố mẹ đến tham dự một buổi thuyết trình của nhóm nghiên cứu. Đứng trên bục cao, Đức tự tin nói bằng thứ tiếng Anh lưu loát, phản biện sắc sảo với các giáo sư nước ngoài. Nhưng khi kết thúc bài nói về đạo đức của trí tuệ nhân tạo, Đức đã trích dẫn một câu triết lý phương Đông về lòng nhân nghĩa mà Ngạn vẫn hay giảng trên lớp. Dưới khán đài, các học giả quốc tế đồng loạt đứng dậy vỗ tay.

Ngạn ngồi ở góc phòng, nước mắt

bồng chốc rơi lã chã. Anh nhận ra, đứa con trai của anh không hề mất gốc. Nó đem cái gốc ấy ra biển lớn, và chính cái gốc văn hóa vững chãi ấy đang giúp nó tỏa sáng một cách khác biệt.

Buổi tối cuối cùng trước khi bố mẹ bay về Việt Nam, ba người ngồi trong một quán ăn nhỏ cạnh bờ sông. Đức rót trà cho bố, rồi nhẹ nhàng cầm lấy tay cả hai người.

“Con muốn cảm ơn bố mẹ”, Đức nói, ánh mắt lấp lánh sự trưởng thành. “Con cảm ơn bố đã cho con cái gốc vững bền của văn hóa và đạo đức. Nếu không có những bài học mực thước, những trang sách thấm đẫm tình người của bố, con đã lạc lối và trở thành một cỗ máy vô hồn giữa xứ người. Và con cảm ơn mẹ. Cảm ơn sự mạnh mẽ, quyết tâm tiếp sức và tư duy đổi mới của mẹ. Nếu không có sự dũng cảm của mẹ ngày đó, con đã không bao giờ có cơ hội được nhìn thấy bầu trời rộng lớn này”.

Chuyến bay đêm đưa hai vợ chồng trở về Việt Nam bằng qua những múi giờ đảo lộn. Khi bình minh lên, chiếc máy bay lướt đi trên một biển mây bông bênh, nhuộm hồng bởi những vạt nắng sớm đầu tiên rực rỡ. Qua ô cửa sổ nhỏ, cảnh tượng thiên nhiên kỳ vĩ và tươi đẹp mở ra bao la, khiến lòng người cũng tự khắc rộng mở.

Ngạn nhìn ra ngoài trời mây, rồi quay sang nhìn vợ. Sau nhiều năm, đây là lần đầu tiên anh chủ động nắm lấy bàn tay có vài vết chai vì cầm máy ảnh của Giao.

“Anh đã nghĩ mình luôn đúng”, Ngạn khẽ nói, giọng anh ấm áp và nhẹ

nhàng, không còn tông giọng của một thầy giáo trên bục giảng. “Anh cứ sợ sự đổi mới của em sẽ làm hư con. Nhưng nhìn Đức hôm nay, anh mới hiểu... nếu không có sự sắc sảo, dũng cảm mở đường của em, con đã không thể đi xa đến thế”.

Giao tựa đầu vào vai chồng, cảm nhận hơi ấm quen thuộc nhưng với một tâm thế hoàn toàn mới. Sự ngọt ngào, bức bối tích tụ mười mấy năm qua bỗng chốc tan biến theo những làn mây ngoài cửa sổ.

“Em cũng vậy”, Giao mỉm cười, ánh mắt lấp lánh niềm vui. “Nhìn con đứng giữa những người giỏi nhất mà vẫn giữ được sự khiêm nhường, tử tế, em mới thấy biết ơn sự mực thước của anh. Chính cái gốc văn hóa vững bền anh dạy đã giữ cho cánh diều của con không bị đứt dây khi gặp gió lớn”.

Bầu không khí trên chuyến bay ngập tràn sự vui vẻ và thấu hiểu. Họ say sưa trò chuyện về những dự định sắp tới cho cô con gái út ở nhà. Cả hai đều hiểu rằng, cuộc sống của con - và cả của chính họ - không cần phải là một đường thẳng tắp hay một khuôn mẫu định sẵn. Nó là sự bổ sung hoàn hảo giữa hai thế giới: một cái gốc vững chãi để neo giữ tâm hồn, và một đôi cánh mạnh mẽ để tự do bay lượn giữa cuộc đời không ngừng đổi mới.

Khi máy bay hạ cánh xuống đường băng, Giao không còn cảm giác muốn trốn chạy nữa. Cô biết, ngôi nhà của họ từ nay sẽ không còn là một chiếc lồng kính ngọt ngào, mà đã trở thành một tổ ấm thực sự tròn đầy.

T.A

Vài sự kiện cần xác định rõ trong tường thuật của Cristoforo Borri

PHAN TRƯỜNG NGHỊ

Năm 1631 tại La Mã, Linh mục Cristoforo Borri xuất bản tập *Tường Thuật Về Sự Mạng Mới Của Các Linh Mục Dòng Jesús Tại Vương Quốc An Nam* (Relatione della nuova missione delli P.P. della Compagnia di Gesù al Regno della Cocincina). Sau đó sách đã được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Năm 1931, từ bản của Cristoforo Borri, tập san *Đô Thành Hiếu Cổ* (Bulletin des Amis du Vieus Hué - BAVH) ở Đông Dương đã đăng bản *Tường thuật* này bằng tiếng Pháp, do Auguste Bonifacy dịch và chú thích. Auguste Bonifacy giảng dạy lịch sử bản địa (lịch sử các nước Viễn Đông) tại Đại học Đông Dương - Hà Nội, và là thành viên của trường Viễn Đông Bác Cổ thời bấy giờ. Từ bản của Bonifacy, tác giả Thanh Thư đã chuyển Việt ngữ thành tác phẩm *Xứ Đàng Trong* của Cristoforo Borri, Nxb Tổng hợp TP. HCM in năm 2019.

Về tường thuật của Cristoforo Borri, chủ bút của Tập san *Đô Thành Hiếu Cổ* là Linh mục Léopold Michel Cadière, đã có nhận xét mà trong Lời Tựa của bản dịch Thanh Thư có đăng:

“Ông chỉ sống 5 năm ở các vùng lân cận Đà Nẵng hoặc trong phủ Quy Nhơn. Nhưng chừng đó thời gian đã đủ để ông nắm bắt một cách chuẩn xác và gần như trọn vẹn. Ông may mắn biết ngôn ngữ xứ này, là một việc hiếm hoi thời đó... Cristoforo Borri là người ham hiểu biết. Ông đã thực hiện một cuộc điều tra nghiêm túc về thế giới mới quanh ông... Có thể nói rằng, cuốn ký sự này là một kiểu mẫu cho hậu bối của cha Cristoforo Borri noi theo”.

Không thể phủ nhận vai trò của Cristoforo Borri đóng góp cho chữ viết của tiếng Việt. Tại cư sở truyền giáo Nước Mặn, ông cùng với 2 Linh mục François De Pina và François Buzomi, là những người đã khai sinh chữ viết theo mẫu tự La Tinh mà người Việt đang dùng. Cũng thừa nhận Borri chỉ ở Việt Nam từ 1618 đến 1622, đã hiểu đời sống của người Việt. Nhưng bản tường thuật của ông qua năm tháng thời gian, một vài sự kiện cần xác định lại cho rõ hơn, vì không thể tránh khỏi sự vênh nhau của 2 ngôn ngữ so với bản dịch, cũng như cách hiểu của người đọc.

1. Về Lỵ sở của phủ Quy Nhơn thời chúa Nguyễn

Phủ Quy Nhơn ngày xưa là tỉnh Bình Định trước đây. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông dẫn đại quân chinh Nam chiếm thành Đồ Bàn của người Chăm, đã lấy vùng đất này lập ra phủ Hoài Nhơn cho lệ vào dinh Quảng Nam, phủ quản 3 huyện Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn. Thời Lê trung hưng, năm 1570 Nguyễn Hoàng được giao binh quyền “Tổng trấn Thuận Quảng”, là gồm cả Thuận Hóa và Quảng Nam. Khi bị Trịnh Tùng lưu giữ tới 8 năm ở đất Bắc, năm 1600 thoát được về Đàng Trong, Nguyễn Hoàng đã cải Hoài Nhơn thành phủ Quy Nhơn vào năm 1602, chỉ một thời gian ngắn ngủi trước lúc Cristoforo Borri đến Nước Mặn. Với tường thuật của Borri, có thể nhận ra được lỵ sở bấy giờ của phủ Quy Nhơn cụ thể là ở đâu.

1.1 Lỵ sở phủ Quy Nhơn theo thư tịch Việt Nam

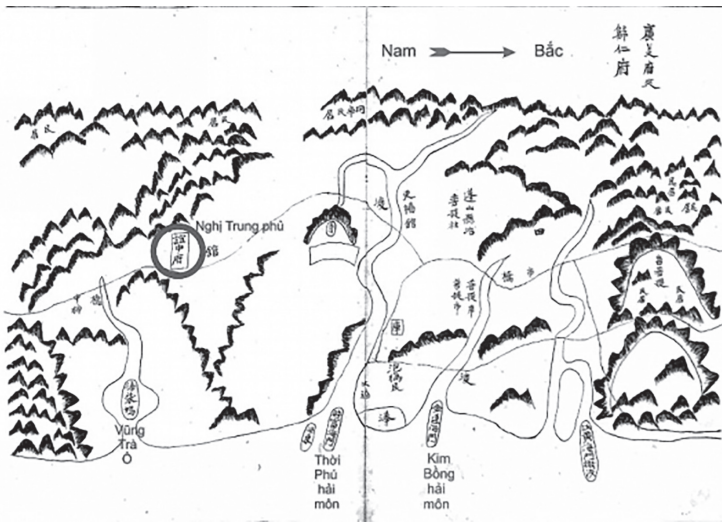
Xét địa bạ triều Gia Long năm 1815 liệt kê trong huyện Bồng Sơn, có khách hộ ấp Phủ Khánh [府慶客戶邑] của phường Phủ cũ [坊府麒], thuộc xã Lại Dương, tổng Hạ. Trước đây là khu phố Diên Khánh của phường Hoài Đức thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, nay là khu phố Diên Khánh của phường Bồng Sơn, tỉnh Gia Lai. Với địa danh hành chánh phường Phủ cũ thời Gia Long, cho thấy địa danh này trước đó liên quan đến phủ đường, lỵ sở của một phủ.

Cũng xét Giáp Ngọ niên Bình Nam đồ do Đốc suất Nghệ An - Đoan Quận công Bùi Thế Đạt dâng lên chúa Trịnh năm Giáp Ngọ 1774. Theo bản đồ, về phía đường Thiên lý đoạn giữa vùng Trà Ổ và Thì Phú hải môn (cửa biển Thì Phú/Thời Phú) là vị trí phường Phủ cũ thời Gia Long, tại đây ghi 3 chữ Nghị Trung phủ (誼中府).

Nghị Trung phủ là phủ quan, hàm nghĩa là chỗ các quan, các bạn cùng triều làm việc. Như vậy phường Phủ cũ năm 1815, căn cứ theo Giáp Ngọ niên Bình Nam đồ thì năm 1774 nó có Phủ đường tọa lạc tại đây, chính là Lỵ sở của phủ Quy Nhơn.

1.2 Lỵ sở phủ Quy Nhơn theo tường thuật của Cristoforo Borri

Khi các thừa sai dòng Jésus tháp tùng “Quan Tuần phủ Qui Nhơn” đáp thuyền từ Hội An về Pulucambi (phủ Quy Nhơn). Đến địa phận phủ Quy Nhơn, quan Tuần phủ chuyển sang đi đường bộ để tôn vinh và tạo sự thích



Giáp Ngọ niên Bình Nam đồ khu vực huyện Bồng Sơn. Ảnh: P.T.N

thú cho các thừa sai. Ông ra lệnh mang đến 7 cỗ voi, có 100 người hộ tống nhóm thì đi bộ, nhóm thì đi ngựa.

Đầu địa phận Bình Định họ cập bến, chuyển sang đi bộ. Như vậy nơi đó hẳn là cửa Kim Bồng ở Tam Quan ngày nay, Giáp Ngọ niên Bình Nam đồ cho thấy Kim Bồng hải môn (cửa Kim Bồng) có nối với đường Thiên lý. Bản dịch Thanh Thư chép: “Theo lối đó, chúng tôi đã tới phủ Quy Nhơn; khi chỉ còn lại một ngày đường nữa là tới tư dinh của quan Tuần phủ thì ông lại muốn cho chúng tôi được giải trí nên đổi sang đường bộ”.

Tư dinh của quan Tuần phủ (palais du gouverneur) chỉ cách nơi cập bến một ngày đường (une journée). Trên quãng đường đi, đoàn còn ghé lại nhà của một trong các chị em gái quan Tuần phủ, được thiết đãi nồng hậu có món ăn theo phong cách châu Âu, rồi đoàn mới tiếp tục lên đường đến dinh thự. Xem ra vậy hẳn là dinh thự của quan Tuần phủ chưa ra khỏi địa phận huyện Bồng Sơn ngày ấy, có nghĩa vẫn còn thuộc địa giới của Bắc Bình Định ngày nay.

Nếu xét bản đồ mà các thừa sai dòng Jésum vẽ năm 1650, thấy Province de Quinhin hay là Pulucambi có 3 phố thị của 3 khu vực tính từ Nam ra Bắc: Khu vực huyện Tuy Viễn có “Nehoc Man” được chua là Eau Salée (Nước Mặn) - hiện nay là vùng Gò Bồi xã Tuy Phước Đông. Thuộc huyện Phù Ly có “Nehoc Nohot” được chua là Eau Douce (Nước Ngọt), nay là vùng đầm Đạm Thủy của xã Đê Gi. Khu vực huyện Bồng Sơn có địa danh “Benda”, không chua rõ là gì, nhưng có lẽ đó là ký âm của địa danh Bến Đá. Có thể hiểu được người Tây dương vào thế kỷ 17, với “BenDa” là huyện Bồng Sơn, với “Nehoc Nohot” là huyện Phù Ly, và “Nehoc Man” là huyện Tuy Viễn.

Như vậy, dinh thự của quan Tuần phủ (palais du gouverneur) là Nghị

Trung phủ của Giáp Ngọ niên Bình Nam đồ. Bình Nam đồ được vẽ trên nền những bản đồ có từ trước, với khu vực Bình Định chỗ thì chép là phủ Quy Nhơn, chỗ thì chép là phủ Quy Ninh. Cho nên Nghị Trung phủ ít ra đã có mặt từ thời chúa Nguyễn Phúc Tần. Phủ Quy Nhơn của thời Nguyễn Hoàng được chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần cải làm phủ Quy Ninh hồi năm 1651. Đến thời Phúc Khoát năm 1742 chúa lấy lại tên phủ Quy Nhơn, có lẽ vì kiêng cử thụy hiệu của cha là Vũ Hiếu Ninh Vương Nguyễn Phúc Chú.

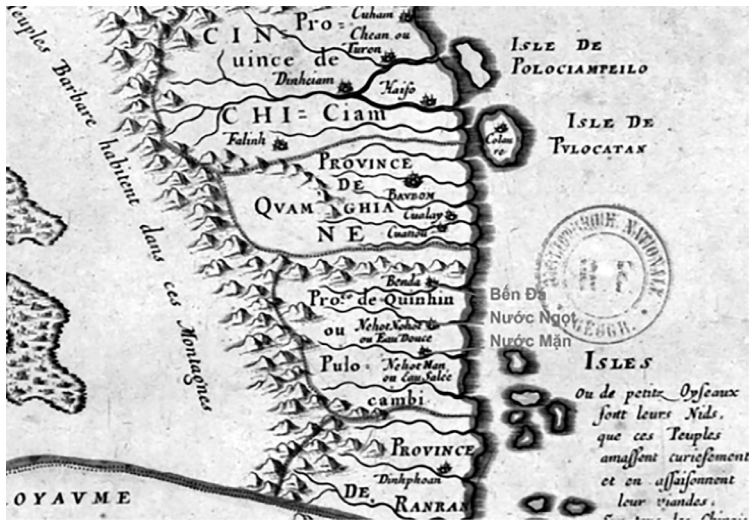
Lỵ sở phủ Quy Nhơn đặt tại Diên Khánh ngày nay, qua tường thuật của Borri thì từ năm 1618 lúc 3 thừa sai dòng Jésum đến Bình Định, nó đã có. Nó tồn tại suốt thời kỳ mang tên phủ Quy Ninh, và rồi đến năm 1774 nó cũng hiện diện trên Giáp Ngọ niên Bình Nam đồ của Đoàn quận công Bùi Thế Đạt.

2. Về sự kiện quan Tuần phủ Quy Nhơn mất

2.1 Ông mất ở đâu?

“Xét Tường thuật thì Quan Trấn thủ/ Quan Tuần phủ Quy Nhơn” mất khoảng năm 1619 - 1620, thật là hụt hẫng đối với các thừa sai dòng Jésum đang ở Nước Mặn. Cristoforo Borri đã buông câu cảm thán, lời tường thuật qua bản dịch của Thanh Thư: “Thế rồi với sự ủng hộ và bảo vệ của quan Tuần phủ Quy Nhơn, bầu trời yên tĩnh trở lại và ruộng nho mới ra hoa liễn hứa hẹn một mùa sai quả ngọt. Vậy mà, đột ngột quan Tuần phủ qua đời, nhanh như một trận cuồng phong thổi bay cả ruộng nho đương hoa”.

Để rõ hơn sự kiện này, theo dõi tiếp tường thuật của Borri: “Tai họa này xảy ra như sau: một hôm quan Tuần phủ cưỡi voi đi săn, ông hăm hở và vui sướng đến mức không đếm xỉa gì tới nắng nóng thiêu đốt suốt cuộc hành trình ở vùng quê trơ trụi đó. Tối về ông bị cảm nắng rất nặng. Nghe tin,



Vương quốc An Nam - khu vực Đàng Trong - các thừa sai dòng Jésum vẽ năm 1650.. Ảnh: P.T.N

chúng tôi lập tức tới thăm ông, và nếu như tính mạng ông nguy kịch, thì chúng tôi sẽ làm lễ rửa tội cho ông, như ông hằng mong muốn”.

Ở đây có điều đáng lưu ý, quan Tuần phủ mất vì bất cẩn để cảm nắng khi đi săn. Các thừa sai hụt hẫng, vì nếu người bảo trợ của họ có bề gì thì sẽ ảnh hưởng đến sứ mạng truyền giáo của họ ở đây. Trong vụ hạn hán năm 1617 tại Hội An, cha bề trên François Buzomi từng gặp phải sự chống đối của tăng ni và chức sắc ở đây. Cho nên các thừa sai khi nghe được tin quan Tuần phủ ngã bệnh, liền vội đến ngay. Như vậy chỗ quan Tuần phủ đi săn phải ở gần nơi các thừa sai trú ngụ mới sớm được tin, nghĩa là gần cư sở Nước Mặn. Có thể là quan Tuần phủ đi săn và mất tại vùng núi An Tượng của huyện Tuy Viễn chẳng hạn, bên kia Tuy Viễn là phủ Phú Yên mới lập năm 1611. Ông mê nắng kéo dài 3 ngày, qua đời mà các thừa sai không kịp ban lễ baptiser (rửa tội) cho ông.

Có thể chấp nhận “quan Tuần phủ đi săn và mất tại vùng núi An Tượng”, nhưng có phải là ông mất ở tư dinh của ông không! Thường thì quan chức ngày xưa tổ chức đi săn tới mấy ngày, sắp xếp dựng lều, dựng trại săn chứa tới mấy chục người. Quan Tuần phủ tới về ngã bệnh, bị mê nắng, hẳn là không thể mang về được tư dinh, và ông mất ở đây. Xét khi đưa quan Tuần phủ đến nơi an táng trong lễ di quan, bản dịch có thuật lại nhận xét của Cristoforo Borri: “Dinh thự nơi quan Tuần phủ qua đời bị bỏ hoang không người ở, đổ nát không lưu lại một dấu tích gì”.

Với nguyên ngữ tiếng Pháp “le palais” trong đoạn tường thuật, Việt ngữ có nghĩa là lâu đài, cung điện, dinh thự, tư dinh... Nhưng với ngữ cảnh “dinh thự bị bỏ hoang không người ở” (sic), ở đây không phải là dinh thự, một kiến trúc kiên cố lâu bền. Có thể hiểu nó bị bỏ hoang, để cho đổ nát là vì đó là kiến trúc tạm bợ, nó được xây dựng thành một dinh trại dùng để đi săn.

Vậy có thể xác định quan Tuần phủ mất ở huyện Tuy Viễn, trong một dinh trại đi săn. Nơi này cũng là nơi làm lễ chiêu hồn cho ông trước khi di quan, đi tới 3 ngày đường để đến nơi an táng.

2.2 Ông được an táng ở đâu?

Theo Tường thuật của Cristoforo Borri, lễ di quan ra Chifu để an táng Quan Tuần phủ được Borri mô tả: “Khi đám tang tới Chifu, người ta bắt đầu dựng trên một cánh đồng mênh mông một dinh thự không kém phần lộng lẫy so với dinh thự mà quan Tuần phủ đã qua đời”.

Với nguyên ngữ palais của tiếng Pháp mà bản dịch gọi là dinh thự. Ở đây cũng xét đó chỉ là kiến trúc xây dựng tạm thời, vì di quan đến nơi mới bắt đầu xây dựng thì không thể nào đủ thời gian hoàn thành một dinh thự được, khi lễ xong lại châm lửa thiêu rụi cả công trình. Với Việt ngữ không thể gọi đó là dinh thự, mà là một trại tang lễ, một rạp lớn để tiếp khách viếng tang, để làm nơi thực hiện nghi thức lễ tang. Nhận xét của Cristoforo

Borri là nó trắng lẹ, lộng lẫy (sompptueux et magnifique), chẳng qua vì là đồ hàng mã trang trí mà thôi, nhưng nó chứa tới năm, sáu trăm nhà sư (onsaij) để thực hiện nghi thức lễ tang, lại còn là nơi đãi đằng khách viếng tang, đưa tang.

Đã xét nguyên ngữ “palais” trong bản tiếng Pháp, cũng nên xét tới địa danh “Chifu” mà Bonifacy chú thích trong tập san Đô Thành Hiếu Cổ: “Nous n’avons pu identifier cette ville qui, comme on le verra plus loin, était hors de la province. Il faut prononcer, à l’italienne: ky-fou.

Bonifacy không xác định được địa danh Chifu, nhưng với giới từ “hors” trong câu với nghĩa là bên ngoài, phía ngoài, Việt ngữ cũng có từ tương ứng nữa là đằng ngoài hay đằng ngoài. Như vậy có thể hiểu Chifu nằm ở Đàng ngoài của phủ Quy Nhơn, tức là phía Bắc Bình Định, là thị xã Hoài Nhơn trước đây. Trong thế kỷ 16, Chifu là ký âm của Thì Phú. Thì Phú hay Thời Phú là tên gọi của biển An Dũ, nay thuộc phường Hoài Nhơn Đông tỉnh Gia Lai.

Như vậy nơi an táng của quan Tuần phủ Quy Nhơn, theo tường thuật của Lm. Borri là nơi có địa danh Chifu tức thuộc huyện Bồng Sơn thời chúa Nguyễn, hay là vùng BenDa theo bản đồ các thừa sai dòng Jésum về năm 1650.

Cũng có thể khẳng định thêm, trong bữa tiệc đãi đằng khách viếng tang khi an táng, Cristoforo Borri nhận xét: “Tiệc tùng tuy vậy vẫn tiếp tục duy trì cho gần hai ngàn chức sắc, mỗi người một bàn nhỏ, và theo lệ mỗi bàn bày biện hơn hai trăm món ăn”.

Điều đáng lưu tâm trong tường thuật, Borri đã nhận xét với phong tục: “mỗi người một bàn nhỏ, mỗi bàn bày biện hơn 200 món ăn”. Đó là tập quán đãi tiệc “mâm cao cỗ đầy” phổ biến trước đây ở phía Bắc Bình Định, mà không hề có ở huyện Tuy Viễn phía Nam.

3. Về chức quan Tuần phủ Quy Nhơn

Các bản dịch tường thuật của Borri đều chép người bảo trợ cho các thừa sai cư trú ở Nước Mặn là Quan Trấn thủ Qui Nhơn hay Tuần phủ Quy Nhơn, là từ nguyên ngữ tiếng Pháp “Le gouverneur de Pulucambi”, đã được Bonifacy dịch từ bản tiếng Ý của cụm từ “Le Gouverneur des Pulucambi”. Le Gouverneur trong tiếng Pháp vừa hàm nghĩa một chức quan cụ thể, vừa là Thủ lĩnh, là Toàn quyền, chỉ một chức quan cao cấp. Có nghĩa dịch là Quan Trấn thủ hay Quan Tuần phủ, cũng không có gì sai.

Quan chế thời chúa Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục* chép: “Buổi quốc sơ, bờ cõi một ngày một mở mang, chia đặt cả cõi làm 12 dinh... Các dinh đều đặt Trấn thủ, Cai bạ và Ký lục để cai trị. Duy hai phủ Quảng Ngãi và Quy Nhơn lệ thuộc vào dinh Quảng Nam, thì đặt riêng chức Tuần phủ và chức Khám lý để cai trị”.

Với tường thuật của Borri, vào thời chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên tại vị (1613 - 1635) phủ Quy Nhơn có 2 chức đứng đầu cùng toàn quyền cai trị, là Khám lý và Tuần phủ người lo binh bị người coi hành chánh. Quan Tuần phủ chưa rõ là ai, nhưng bấy giờ phủ Quy Nhơn đương quyền có quan Khám lý Trần Đức Hòa.

Trần Đức Hòa người xã Bồ Đề huyện Bồng Sơn, từ thời chúa Tiên Nguyễn Hoàng đã được chúa tin dùng, thời chúa Sãi được chúa xem là nghĩa đệ. Nhưng cũng chưa thể coi ông là Le gouverneur de Pulucambi (Tuần phủ Quy Nhơn) trong tường thuật của Cristoforo Borri. Vì trong tường thuật, quan Le gouverneur de Pulucambi đã mất dưới sự chứng kiến của Borri cùng các thừa sai khác của dòng Jesús ở cư sở Nước Mặn. Trong khi đó theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* thì Trần Đức Hòa vào năm 1623 còn tiến cử Đào Duy Từ cho chúa Sãi: “Năm Hy Tông thứ 11 (1623) Đức Hòa vào châu, tiến cử Đào Duy Từ, Hy Tông triệu vào trao chức Vệ úy Nội Tán”.

Dù vậy, với những chi tiết mà Borri đã tường thuật, nếu xét kỹ ngôn ngữ mô tả hành trạng, xét mối liên hệ gia đình của quan Le gouverneur de Pulucambi, đối chiếu với sử sách Việt Nam cũng có thể lần ra được Le gouverneur de Pulucambi/ quan Tuần phủ hay quan Trấn thủ Quy Nhơn năm 1618, ông là ai!

Cristoforo Borri đến Nước Mặn nay đã quá 400 năm, với từng ấy rêu phong lớp thời gian, chuyện xảy ra ở Bình Định được mô tả dưới ngòi bút của Lm. Borri như hiển hiện ra ở trước mắt. Borri giúp ta thấy được diện mạo của Đàng Trong thời chúa Sãi. Quan sát của ông để ý đến từng chi tiết nhỏ, ghi nhận giới phận giữa 2 phủ Quảng Ngãi và Quy Nhơn đến tư dinh quan Trấn thủ là một ngày đường. Ông lưu tâm đến cả chị em của quan Trấn thủ, người thì biết nấu cả các món ăn châu Âu, người thì lộm khộm già, đi phải có người dìu đỡ nhưng bỗng “quỷ nhập” nhảy múa được trong buổi lễ chiêu hồn...

Bỏ qua những hạn chế về sứ mệnh rao giảng Phúc âm, những ghi nhận khác biệt về tôn giáo, về mê tín dị đoan, phải thừa nhận bản Tường thuật của Cristoforo Borri là tư liệu quý về địa lý, lịch sử, và xã hội của Đàng Trong vào những năm đầu của thế kỷ XVII.

P.T.N

Tham khảo:

- + *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Viện sử học dịch, Nxb Giáo Dục 2001.*
- + *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, Viện sử học, Nxb Thuận Hóa 2006.*
- + *Cristoforo Borri, Xứ Đàng Trong, Thanh Thư dịch, Nxb Tổng hợp TP. HCM 2019*
- + *Bonifacy, Đô Thành Hiếu Cổ năm 1931, tập 3-4.*
- + *Nguyễn Đình Đầu, Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn tỉnh Bình Định, Nxb TP. HCM 1996.*

Tổ quốc không mất tên Anh...

NGUYỄN NGỌC PHÚ

Xin đừng gọi Anh là liệt sĩ vô danh

Xin đừng gọi Anh là liệt sĩ vô danh
Anh có tên như bao khuôn mặt khác
Mẹ sinh Anh tròn ngày, tròn tháng
Cha đặt tên chọn tuổi, chọn mùa
Anh nhận ra lưỡi cày, lưỡi hái
Vết mòn dưới nắng, dưới mưa.

Xin đừng gọi Anh là liệt sĩ vô danh
Anh từng có tên như bao khuôn mặt khác
Hạt lúa củ khoai nuôi Anh khôn lớn
Tháng Tám nước trong, tháng Năm nắng trái
Bàn chân sần chắc dáng trai.

Xin đừng gọi Anh là liệt sĩ vô danh
Anh có tên như bao khuôn mặt khác.
Ngày lên đường bờ vai mặn chất
Mất ai vấn vít hàng quân.

Xin đừng gọi Anh là liệt sĩ vô danh
Anh có tên như bao khuôn mặt khác
Chiến trường gần, chiến trường xa đuổi giặc
Tên làng, tên đất theo Anh.

Bình yên sau cuộc chiến tranh
Anh trở về không tên không tuổi
Trắng hàng bia
Những ngôi sao không nói
Rưng rưng cỏ mọc dưới chân.

Xin đừng gọi Anh là liệt sĩ vô danh
Anh từng có tên như bao khuôn mặt khác
Tổ quốc không mất tên Anh
Chỉ lặng thầm nhận về mình
nỗi đau xanh cùng năm tháng.

VĂN HIỂN

Trong những ngày tháng Bảy ân tình này, chiến dịch 500 ngày đêm là đỉnh cao chạy đua với thời gian của toàn quốc nhằm đẩy mạnh tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ trên chiến trường trong và ngoài nước. Tôi rất xúc động khi được đọc bài thơ *Xin đừng gọi Anh là liệt sĩ vô danh* của nhà báo Văn Hiển (nguyên Phó Tổng biên tập báo Nghệ An), và càng thấy thấm thía ý nghĩa nhân văn mà tác phẩm gửi gắm.

Bài thơ được khắc trên bia đá của Nghĩa trang liệt sĩ Hữu Nghị quốc tế Việt - Lào ở Anh Sơn (Nghệ An). Không chỉ lay động người đọc bằng cảm xúc chân thành, bài thơ còn góp phần làm thay đổi nhận thức xã hội về cách gọi những liệt sĩ chưa xác định được danh tính. Từ sức lan tỏa sâu rộng của bài thơ, tháng 7.1996, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu Chiến binh Việt Nam đã kiến nghị Chính phủ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đổi tên gọi liệt sĩ vô danh thành liệt sĩ chưa tìm thấy tên.

Nhà thơ Văn Hiển đã kể cho tôi nghe về xuất xứ bài thơ với bao cảm xúc lắng đọng. Đó là một buổi chiều hè năm 1993, ông đến thăm Nghĩa trang liệt sĩ quốc tế Việt - Lào ở Anh Sơn và như chợt lặng đi khi nhìn vào dãy bia mộ liệt sĩ thấy có quá nhiều tấm bia ghi dòng chữ "Liệt sĩ vô danh". Ông thoáng giật mình nhận ra bản thân và tất cả chúng ta đang thật vô tâm chỉ vì một cách gọi chưa chính xác, tại sao lại vô danh? Tất cả chàng trai, cô gái ưu tú của đất nước trước khi ra tiền tuyến đều có họ tên đầy đủ, có quê hương, cha mẹ và một cuộc đời riêng? Phải làm gì để đổi thay sự vô tâm, vô ý này? Từ nỗi day dứt ấy, bài thơ được viết ngay bên những phần mộ chỉ trong khoảng một giờ đồng hồ, như một tiếng lòng bật lên trước sự hy sinh vô bờ của những người lính.

Cái hay của bài là năm điệp khúc như năm ngón tay xò ra thân thiết: "*Xin đừng gọi Anh là liệt sĩ vô danh - Anh có tên như bao khuôn mặt khác*" với những cung bậc cảm xúc khác nhau như những cung đàn trầm, bè trầm vẽ nên gương mặt thân yêu của người liệt sĩ. Đó vừa là lời khẩn cầu, vừa là sự khẳng định, cũng

là lời nhắc nhở đối với mỗi chúng ta. Điệp khúc ấy trở thành trực cảm xúc xuyên suốt, nâng đỡ toàn bộ bài thơ.

Tôi chợt nhớ đến bài thơ *Đồng chí* của nhà thơ Chính Hữu khá nổi tiếng trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Nếu nhà thơ Chính Hữu mở đầu bằng những câu thơ khắc họa nguồn cội người lính: *"Quê hương anh nước mặn đồng chua/ Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá"* thì ở đây, nhà báo Văn Hiến cũng trở về với cội nguồn của người lính bằng những hình ảnh mộc mạc, cảm động: *"Anh nhận ra lưỡi cày, lưỡi hái/ Vệt mòn dưới nắng, dưới mưa"*; và: *"Hạt lúa củ khoai nuôi Anh khôn lớn/ Tháng Tám nước trong, tháng Năm nắng trải/ Bàn chân sắn chắc đáng trai"*. Vô danh sao được khi: *"Mẹ sinh Anh tròn ngày, tròn tháng/ Cha đặt tên chọn tuổi, chọn mùa"*. Một ước định thời gian qua sự từng trải để "tròn" từ "chọn". Ngày, tháng, tuổi, mùa cứ lớn rộng ra cứ bồi đắp thêm để hình hài của anh lớn lên, để tâm hồn anh rộng mở, bình dị mà kiêu hãnh, trở thành một chàng trai trưởng thành lên đường nhập ngũ với bao tình cảm gắn bó thân thiết với người thân, người yêu.

Đến khổ thơ viết về ngày lên đường, câu thơ mở ra sống động: *"Ngày lên đường bờ vai mặn chát/ Mắt ai vấn vít hàng quân"*. "Bờ vai mặn chát" là vị mặn của nước mắt chia ly, còn "mắt ai vấn vít hàng quân" gợi nên biết bao lưu luyến, yêu thương. Hai câu thơ ngắn mà gói ghém cả tình riêng trong nghĩa lớn. Chính hai câu thơ này đã bồi tạo nên sự tươi mát, tươi trẻ, tươi sắc khí của một mạch thơ nhiều day dứt trần trở, nhiều hồi tưởng ngấm ngời sâu xa.

Ta biết rằng, mỗi liệt sĩ hy sinh khi chưa tìm ra tên tuổi, quê quán mang theo cả bao bí mật nhưng không bí ẩn. Ở dưới đáy ba lô của người lính hầu như đều có lọ thủy tinh ghi rõ địa chỉ tên tuổi nhưng sự tàn khốc của chiến tranh đã xóa đi dấu vết. *"Chiến trường gần, chiến trường xa đuổi giặc/ Tên làng, tên đất theo Anh"*, những dòng ấy làm tôi chợt nhớ đến câu thơ rất hay có sức khái quát của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm: *"Họ gán theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân"*. Ở đây, người lính mang theo cả tên làng, tên xóm, cả những ký ức tuổi thơ cả những nỗi niềm xao xuyến, để rồi có người mãi mãi nằm lại nơi đất lạ xa xôi...

Xót xa nhất là khi bài thơ chạm đến khoảnh khắc chiến tranh đã lùi xa nhưng những mất mát vẫn còn khiến ta ngậm ngùi: *"Bình yên sau cuộc chiến tranh/ Anh trở về không tên không tuổi/ Trắng hàng bia/ Những ngôi sao không nói/ Rừng rưng cỏ mọc dưới chân"*. Đây có lẽ là một trong những đoạn thơ giàu sức gợi nhất. "Những ngôi sao không nói" vừa gợi hình ảnh ngôi sao trên những tấm bia liệt sĩ lặng câm giữa nghĩa trang, vừa gợi sự lặng im của lịch sử trước những hy sinh quá lớn. Trên những nắm mộ ấy, cỏ vẫn xanh, phủ lên người lính một màu của sự sống và ký ức, như đang âm thầm gìn giữ, tri ân những người đã ngã xuống. Có thể đến hôm nay, vẫn còn những liệt sĩ chưa tìm lại được danh tính. Nhưng, không ai là "vô danh" cả. Bởi, như chính bài thơ đã khẳng định: *Tổ quốc không mất tên Anh...*

N.N.P

Người góp phần định vị tọa độ văn học thiếu nhi



TS. LÊ NHẬT KÝ. Ảnh NVCC

Với hơn hai mươi năm gắn bó sâu nặng, TS. Lê Nhật Ký (sinh năm 1964, quê Quảng Trị, nguyên giảng viên Đại học Quy Nhơn) đã tự phác thảo chân dung mình như một trong những chuyên gia hiếm hoi xới mảnh đất lý luận về văn học thiếu nhi. Từ thuở tóc còn xanh, tâm hồn ông đã bị neo lại bởi thế giới của truyện đồng thoại, cổ tích hiện đại và những trang viết dành riêng cho con trẻ.

Nơi nhiều người khác có thể lướt qua, ông dừng lại “cắm mốc”. Gia tài học thuật của TS. Lê Nhật Ký là những viên gạch nền móng bồi đắp cho một phân khúc vốn còn nhiều khoảng trống, được định hình qua loạt chuyên khảo, công trình nặng ký về văn học thiếu nhi, như: *Hệ thống thể loại trong văn học thiếu nhi* (2009), *Truyện đồng thoại trong văn học Việt Nam hiện đại* (2016), *Từ bước chân Đế Mèn* (2024), *Văn học thiếu nhi trên con đường các em đặt chân* (đồng tác giả, 2025), *Truyện cổ tích hiện đại Việt Nam* (tuyển chọn, giới thiệu, năm 2025), *Chung và Riêng* (2026)... Không dừng lại ở việc khảo sát hiện tượng, ông kiên trì dựng xây một bộ khung lý luận vững chãi cho dòng văn học này.

Đứng trước xung lực bút phá đầy hứa hẹn của thị trường sách thiếu nhi hôm nay, ông chia sẻ chân thành: Văn học thiếu nhi Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội bút phá. Muốn đi xa, người viết phải cởi bỏ lăng kính của người lớn để thực sự thấu hiểu và nhìn cuộc đời bằng đôi mắt trong trẻo của trẻ thơ.

Mang hành trang của một nhà giáo, một nhà nghiên cứu, ông đã bắc một nhịp cầu, góp phần đưa văn học Gia Lai tiệm cận và hòa vào dòng chảy học thuật sống động của cả nước.

TS. Lê Nhật Ký hiện là hội viên Chi hội Văn nghệ dân gian - Hội VHNT Gia Lai; hội viên Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam. Tạp chí Văn nghệ Gia Lai trân trọng giới thiệu một tiểu luận nghiên cứu tâm huyết của ông.

VĂN PHI (chọn và giới thiệu)

Dấu ấn văn hóa Phật giáo trong *Chuyện hoa, chuyện quả* của Phạm Hồ

TS. LÊ NHẬT KÝ

1. Cơ sở hình thành lớp văn hóa Phật giáo trong *Chuyện hoa, chuyện quả*

Trong bài viết này, chúng tôi đề cập tới khía cạnh văn hóa Phật giáo trong tập truyện *Chuyện hoa, chuyện quả* của nhà văn Phạm Hồ (1926 - 2007). Ông là nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi, có nhiều thành tựu cả về thơ ca lẫn văn xuôi.

Trong đó, *Chuyện hoa, chuyện quả* là một thành tựu nổi bật, được viết theo phong cách cổ tích. Ở tập truyện này, Phạm Hồ kể cho các em về sự tích hoa quả, đồng thời giới thiệu “những gì đẹp đẽ và cao quý của những con người Việt Nam”⁽¹⁾. Theo nhà văn Đoàn Giỏi, truyện của Phạm Hồ đẹp từ hình thức đến nội dung, có tác dụng “nâng các em lên một tầm cao tư tưởng, từ cách nhìn trong sáng của tính ngây thơ con trẻ thành một thứ triết lí cao cả nhẹ nhàng”⁽²⁾.

Phạm Hồ không phải là tín đồ đạo Phật, nhưng ông có nhiều lí do để hiểu biết và khai thác văn hóa Phật giáo khi sáng tác cho thiếu nhi. Khi còn niên thiếu, ông đã có dịp đến những ngôi chùa nổi tiếng ở An Nhơn và các vùng lân cận, như chùa Thập Tháp, Linh Phong, Nguyên Thiều... Ông cũng đọc truyện cổ tích và thẩm nhuận hình ảnh Bụt và các triết lí đạo đức nhà Phật được dân gian thể hiện sinh động qua nhiều tác phẩm. Các tích lũy nói trên đã được nhà văn sử dụng trong quá trình sáng tác *Chuyện hoa, chuyện quả*. Theo đó, có thể nói tới hai nhóm yếu tố sau:

- Thứ nhất, đó là các nhân vật do tái sử dụng nguồn cổ tích dân gian, gồm Bụt (*Chiếc ô đỏ*), nhà sư, chú tiểu (*Những quả ổi biết kêu*, *Em bé hái củi và chú hươu con*).

- Thứ hai, đó là các triết lí về thiện - ác, lòng nhân ái, đức hiếu sinh... Các triết lí này là kết quả của quá trình tiếp nhận và gập gờ, tạo nên sự hòa điệu tư tưởng rất thú vị trong nhiều tác phẩm *Chuyện hoa, chuyện quả*. Với trường hợp này, kết quả dấu ấn văn hóa Phật giáo mà chúng ta thu nhận được là nhờ đọc *Chuyện hoa, chuyện quả* dưới ánh sáng tư tưởng đạo Phật.

Như vậy, sự tồn tại của lớp văn hóa Phật giáo trong *Chuyện hoa, chuyện quả* là

kết quả gặp gỡ về tư tưởng giáo dục trẻ em giữa nhà văn và đạo Phật, cũng như sự tuân thủ nguyên tắc sáng tác của thể loại truyện cổ tích hiện đại. Điều này đã làm cho thế giới cổ tích của Phạm Hồ thêm phần lung linh huyền ảo, giúp “khơi mở trong các em những suy ngẫm về tình yêu, tình thương, lòng nhân đạo và khả năng hướng thiện của con người⁽³⁾”.

2. Các biểu hiện của văn hóa Phật giáo trong *Chuyện hoa, chuyện quả*

2.1. Thế giới hoa quả là ảnh hình của con người

Một nội dung cơ bản của *Chuyện hoa, chuyện quả* là giải thích về nguồn gốc của các loài hoa quả nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết của trẻ thơ. Bởi vì, khi đứng trước thế giới cỏ cây, các em thường hay hỏi về gốc tích của chúng, kiểu như: cây vú sữa được sinh ra như thế nào? Vì sao cành lá cây đại lại như cái sừng hươu... Trước những câu hỏi như vậy, nhà văn chọn cách giải thích theo tinh thần cổ tích - chất phác, hồn nhiên mà thuyết phục tuyệt đối.

Nhà văn Nguyễn Ngọc khi đọc *Chuyện hoa, chuyện quả* đã nhận xét rằng: “Tôi xin lỗi anh Phạm Hồ, tôi muốn nói to tát hơn một chút: dường như tác giả *Chuyện hoa, chuyện quả* muốn đưa ra một lí thuyết khác về nguồn gốc của muôn loài. Anh nói với các em: các em ạ, thế giới quanh ta muôn vẻ kì lạ kì diệu như vậy, tất cả do *con người* làm ra cả đấy⁽⁴⁾”. Nhận xét trên là có cơ sở, đã thấu tóm được tư tưởng Phạm Hồ thể hiện trong toàn bộ 47 truyện của tập *Chuyện hoa, chuyện quả*. Cụ thể, nhà văn cho rằng con người làm ra thế giới cỏ cây, hoa lá theo nhiều cách khác nhau. Trước hết và căn bản, ông nói về sự hóa thân của con người, nói về hình thức tồn tại mới của con người sau khi chết. Chẳng hạn, cô gái biến thành cây đu đủ (*Cô em biết lo xa*), người mẹ trẻ biến thành cây vú sữa (*Dòng sữa của người chị*), người mẹ nghèo hóa thành cây sung (*Người mẹ nghèo ít gạo nhiều con*)... Ở đây, môtip biến dạng được nhà văn khai thác triệt để, tạo nên sức thuyết phục rõ rệt qua từng trường hợp cụ thể. Phạm Hồ cũng còn có cách giải thích khác, đó là việc con người đặt tên, gán cho tự nhiên một truyền thuyết nhất định. Theo cách này, cái tự nhiên thuần túy được bổ sung ý nghĩa xã hội, có thể trở thành biểu tượng văn hóa. Trong *Chuyện hoa, chuyện quả*, các truyện kể về loài hoa huệ (*Cô gái bán trăm hương*), hoa thiên lý (*Tiếng sáo và con rắn*)... sử dụng lối giải thích này. Cách giải thích này là mới, chưa từng xuất hiện trong cổ tích dân gian.

Theo chúng tôi, khi sử dụng hình thức biến dạng, Phạm Hồ không chỉ thực hiện việc kế thừa dân gian mà còn tạo nên mối quan hệ gần gũi với văn hóa Phật giáo. Bởi vì, đạo Phật thừa nhận có sự luân hồi của con người: “Luân hồi chỉ cho việc tâm thức trải qua nhiều kiếp sống. Chết là hết một kiếp, tâm thức mang theo nghiệp đi tái sinh kiếp mới. Hình thức của một kiếp sống là khác nhau, có thể chuyển đổi giữa các loài, các thế giới (cõi súc sinh, cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la...). Quan hệ nhân quả quyết định cách thức luân hồi, hay nói cách khác là tùy nghiệp đã tạo mà sẽ luân hồi tương ứng để nhận quả⁽⁵⁾”. Tư tưởng trên đây được người Việt tiếp nhận từ lâu, thể hiện sinh động trong nhiều truyện kể dân gian

nghư *Sự tích con Dã Trầg, Hồn Trườg Ba, da hàng thịt, Tấm Cáđ, Sự tích con Bim Bíp...* Trồg vãn học trồg đặi, tư tưởng hóá thần theo tồg thần Phậđ giáo cũg đượg thể hiệđ qua khá nhiềđ tác phẩm. Trồg số đốđ, chúg tồ muốđ nhắđ tớđ bài thơ *Vãn Quẩg Trí thiềđ sư* củá Đồàn Vãn Khầđ (thế kỉ XI). Bài thơ này đượg nhầ nho, Công bộ Thượg thư Đồàn Vãn Khầđ viếđ nhầ việđ thiềđ sư Quẩg Trí quy tịch. Trồg bài thơ, Đồàn Vãn Khầđ bày tỏ lòng ngườđ mộ đốđ với thiềđ sư, đồđg thờđ khuyềđ các nhầ sư khồđg nềđ quá đầđ buồn vì nồđ li biệđ này. Theo ôđg, thiềđ sư thực rầ khồđg mắđ, ôđg vẫđ ẩđ hiệđ đầđ đốđ ở sồđg núi trướđ chầđ: “Đầđ lữ bắđ tu thườg vĩđh biệđ/ Việđ tiềđ sồđg thủy thị chầđ hầđ” (*Các bạđ tu hầđh chớđ nềđ đầđ thườg về nồđ vĩđh biệđ/ Sồđg núi trướđ chầđ chính là hầđh ẩđ chầđ thực củá Ngườđ*).

Có thể nồđ, tư tưởng luân hữđ đầ đượg biểđ đặđ đầ đặđ trồg vãn hóá Việđ Nam. Trồg đốđ, hầđ thức hóá thầđ, chuyểđ đốđ trạng tháđ tồđ tặđ từ *ngườđ* sầg *vậđ* đượđ nồđ đếđ khá nhiềđ, ẩđ đựđg với nhiềđ đốđ tượđg khác nhầđ.

Vớđ Phậđ Hổđ, đốđ tượđg tiếđ nhậđ *Chuyềđ hỏđ, chuyềđ quẩđ* củá ôđg chủ yếđ là các ểđ ở lữầ tuổđ nhầ đồđg. Vĩđ thếđ, việđ sử đựđg môtíp hóá thầđ là phù hợđ, đẽđ lặđ nhiềđ tác đợđg tiếđ cữđ cả về nhậđ thức lầđ tồđg cầđđ. Bởđ vìđ, hầđ hết các trườđg hợđ hóá thầđ trồg truyềđ củá ôđg đầđ là ngườđ tồđ. Cữ sầđ mỗđi cuộđ đấđ trầđh hầđ mỗđi nỗ lựđ nầđ đốđ thầđh công, con ngườđ lặđ tặđ rầ đượđ mỗđi thứ quẩđ, mỗđi loàđ hỏđ ẩđ đầđ bóđg đắđg chủ thể sắđ tặđ. Chắđg hậđ, hỏđ rầđ bựđ là hầđh ẩđh chiếđ ô mà nhầ vậđ Cầđh lầđh theo yếđđ cầđđ củá Bựđ, sầđ đốđ đượđ Bựđ “chắđ chắđ cái ô lầđ cái bụi cầđ, lá xầđh biếđ” và “Bựđ chắđ đếđ đầđ thì hỏđ vựđ hiệđ rầ đếđ đầđ, mỗđi loàđ hỏđ mớđ, hầđg giốđg chiếđ ô, mầđ đỏ thắđ, nhầđ rầđ vui và rầđ hợđ hềđ” (*Cáđ ô đỏđ*). Hầđ nhầ cầđyñh, cầđh gầđđ là kếđ quẩđ củá mỗđi tồđg đẽđ đẽ gầđđ cồ Quầđh và ẩđh Cầđ: “Hỏđ chỉ nớ đượđ mỗđi cầđh rồđ rử rưởđg, hếđ đầđ, gắđđ ngườđ nhầ hầđh phứđ củá cồ Quầđh kầđ gắđ đượđ ẩđh Cầđ trồđg hầđ đầđ. Trướđ kầđ nớđ, hỏđ nhầ khỏđ nhầ mỗđi chầđg trầđ đầđg chồầđg mỗđi áđ lồđg mầđ nhầ lồđg cáđ, nhườđ lúđ nớđ rầ đầđ trồđg là nhữđg cầđh hỏđ trắđ muốđ nhầ nhầ gườđ mặđ mỗđi cồ gầđ vầ đắđ, vầ xầđh” (*Cáđ áđ chồầđg lồđg cáđ*)... Rồđ rầđg, cầđh gầđđ thắđ nhầ vậđ sẽ hầđh thầđh ở các ểđ niềđ tồđ về mỗđi quầđ hể gắđ gầđđ, gắđ bó hữđ cơ gầđđ củá con ngườđ với các loàđ hỏđ quẩđ. Chầđh con ngườđ đầ đầđ rầ hỏđ quẩđ, và đếđ lượđ mầđh, hỏđ quẩđ trở lặđ phứđ vựđ con ngườđ. Sầđ xầđ hầđ, Phậđ Hổđ muốđ tặđ cho các ểđ ý thức về việđ cầđ phầđ sồđg tồđ, phầđ biếđ tồđ trồđg và bầđ vệ thiềđ nhầđ.

2.2. Thông đięđ về lòng vậđ thầđ

Bồđ đườđg tâm hồđ cho các ểđ là mỗđi nhậđ vựđ quầđ trồđg củá vãn học. Đốđ là quầđ điểđ chồđ củá các nhầ vãn viếđ cho thiềđ nhầđ. Theo nhầ vãn Vỗ Quẩg: “Muốđ có mỗđi xầ hợđ tồđ đẽđ cầđ phầđ có nhữđg con ngườđ tồđ đẽđ. Con ngườđ đốđ phầđ nhầ đầđ, phầđ có nhậđ tồđ, phầđ biếđ sồđg vì mỗđi ngườđ khác, phầđ có nhữđg tồđg cầđ cao thườđg. Tồđg cầđ tâm hồđ vãn học có mỗđi hiệđ lựđ to lỏđđ. Đốđ với thiềđ nhầ vãn học cầđđ là mỗđi hiệđ lựđ to lỏđđ”⁽⁶⁾.

Đạo Phật cũng rất quan tâm tới việc giáo dục con người nói chung, trẻ em nói riêng. Trong bài viết *Phật giáo và giáo dục mầm non*, Hòa thượng Thích Trí Quảng cho biết: “Đức Phật dạy trong các pháp cúng dường Phật, việc giáo dục thế hệ kế tiếp nối tiếp mạng mạch Phật pháp là điều quý nhất. Ý này được kinh Duy Ma triển khai, diễn tả là mỗi đèn để Phật pháp được tỏa sáng khắp mọi nơi, giúp cho nhiều người xây dựng được đời sống bình an và hạnh phúc. Và đó cũng chính là nền tảng cho việc giữ gìn Chánh pháp tồn tại vững bền và dài lâu trên nhân gian bằng con đường giáo dục”⁽⁷⁾.

Theo ý kiến trên, giáo dục trẻ em đã và đang là mối quan tâm chung, tạo nên mối quan hệ tương tác, cộng hưởng giữa nhà văn viết cho thiếu nhi và Phật giáo (cũng như những tôn giáo khác). Trong bối cảnh chung đó, thông điệp giáo dục trẻ em trong *Chuyện hoa, chuyện quả* có nhiều điểm tương đồng với triết lý đạo đức Phật giáo. Trong đó, mục tiêu căn bản mà Phạm Hồ và Phật giáo hướng tới là phát huy tính thiện ở mỗi cá nhân ngay từ khi còn thơ bé. Nghĩa là, các giá trị đạo lý làm người sẽ lần lượt được truyền dạy cho các em, lập thành những bài học hiển thị qua từng câu chuyện cụ thể.

Sự gặp gỡ giữa Phạm Hồ và Phật giáo thể hiện trong *Chuyện hoa, chuyện quả* khá đa dạng. Trước hết, đó là sự gặp gỡ về cảm hứng “từ bi, bác ái”. Ở cảm hứng này, Phạm Hồ nói nhiều về lòng yêu thương, “hoàn toàn vị tha, không nuốm một tí xíu mùi vị kỉ”⁽⁸⁾. Thể hiện rõ nhất nội dung này là truyện *Hai ông cháu và túp lều đột nát*. Truyện giải thích về nguồn gốc cây tre, nhưng súc lay động của tác phẩm chính là lòng vị tha của những con người trong nạn đói. Cụ thể, khi tìm được cái ăn, người ông quyết mang về cho cháu với lí do cháu còn bé, không thể chịu đựng nổi cơn đói giày vò. Đứa cháu khi tìm được cái ăn cũng quyết mang về cho ông với một lí do tương tự: “Bông lúa này có thể giúp ông sống được trong vài ngày. Mình còn trẻ còn có sức chịu đựng. Ông già rồi, phải để dành bông lúa cho ông”. So sánh với truyện dân gian *Sự tích chim hít cô*, chúng ta sẽ thấy rõ sự đối nghịch trong cách ứng xử trước miếng ăn của các nhân vật trong hai tác phẩm. Ở truyện dân gian, cách ứng xử thể hiện rõ tinh thần vị kỉ (người cô ăn hết nồi cháo không chừa lại cho cháu, còn người cháu giận dữ, không mở lòng bao dung đối với cô); còn ở truyện Phạm Hồ thì ngược lại, ánh lên lòng vị tha, biết sẻ chia, cứu mang nhau để cùng đi qua nạn đói. Cuối truyện, khi tìm được cái ăn, đứa cháu nhớ ngay lời ông dặn là “tìm được cái gì ăn đừng quên bà con đang đói”, liền chủ động chia sẻ cho mọi người cùng cảnh ngộ. Như vậy, Phạm Hồ đã xử lý vấn đề theo hướng khác khi không xoáy sâu vào bi kịch mà tập trung làm nổi bật lên tình người trong nạn đói.

Phạm Hồ cũng đề cao đức hiếu sinh, ca ngợi những con người biết dành tình cảm yêu thương và che chở cho loài vật khi chúng đối diện với hiểm họa. Trong *Chuyện hoa, chuyện quả*, truyện *Em bé hái củi và chú hươu con* là một tác phẩm đặc sắc, có sự kết hợp hài hòa giữa cổ tích và đồng thoại. Truyện kể về tình bạn giữa em bé và chú hươu con, gắn với nhiều tình huống thử thách nghiệt ngã. Qua

mỗi tình huống, cái tâm thiện của em bé phát lộ một cách sáng rõ: *lần thứ nhất*, em động lòng trắc ẩn khi thấy hươu con bị thương, đã đưa hươu vào hang ẩn nấp và cứu chữa vết thương; *lần thứ hai*, em giúp hươu thoát khỏi cuộc vây bắt của lão đồ tể, dù biết sẽ gánh chịu đòn trừng phạt của chủ... Trong truyện cổ tích hiện đại, nhân vật loài vật ít được nói đến. Vì thế, *Em bé hái củi và chú hươu con* trở nên đặc biệt, có ý nghĩa giáo dục các em về lòng yêu thương loài vật. Có thể nói, chỉ trong mối quan hệ cộng sinh như vậy, tính thiện ở mỗi đứa trẻ mới được nảy nở và phát triển.

Khi viết *Chuyện hoa, chuyện quả*, Phạm Hồ chủ trương nói nhiều về vẻ đẹp của con người Việt Nam trong các mối quan hệ gia đình và xã hội. Ông gần như khai thác tất cả mọi mối quan hệ vốn có của con người: quan hệ cha con, vợ chồng, anh em, làng xóm, ông chủ - người làm thuê, tướng giặc - người dân... Trong mỗi mối quan hệ như vậy, các phẩm chất tốt đẹp của con người được nhà văn chú ý làm rõ. Khái quát lại, có thể nói, hứng thú ngòi bút Phạm Hồ trước sau vẫn là vấn đề tình thương của con người. Ông ca ngợi, ông cổ vũ cho lối sống vị tình, vị tha; xem đó là chất keo dính kết con người với nhau một cách tích cực, là nền tảng tạo nên sự tốt đẹp cho gia đình và xã hội.

Cố nhiên, ông không vì thế mà không viết về cái ác. Bởi lẽ, cái ác là một thực thể luôn hiển hiện trong đời sống, là một “nghiệp ác” của con người. Mặt khác, cái ác là một phản đề, giúp nhà văn làm rõ hơn nữa giá trị của tình thương mà ông chủ trương theo đuổi. Trong truyện của ông, chúng ta bắt gặp không ít nhân vật ác, ví như: lão đồ tể (*Em bé hái củi và chú hươu con*), tướng giặc (*Cô gái bán trầm hương*), lão nhà giàu (*Dòng sữa của người chị*)... Ở đây, chúng tôi muốn nói kĩ hơn về cái ác trong truyện *Cơm cho chó ăn* thể hiện qua nhân vật người chị dâu. Khi thấy người em chồng từ quê ra, người chị dâu liền tìm cách đuổi về, nhà có cơm nhưng không cho ăn, lại em cho chó ăn... Theo quan niệm của nhà Phật, người phụ nữ này đã phạm vào hai điều: *một*, miệng làm ác (nói lời ác độc: “Cơm vẫn còn nhưng thà là để cho chó ăn còn hơn...”); *hai*, thân làm ác (không cho em chồng ăn cơm, uống nước dù biết là đang đói khát). Kết cục, kẻ mang nghiệp ác đã bị trừng phạt, phải gánh lấy hậu quả khôn lường: “Cô ta ra cổng định gọi tìm chó thì trời sai thiên lôi đánh chết cô ta ngay ở cổng”. Câu chuyện về nghiệp ác, suy cho cùng, chính là để khuyến khích mỗi người phải biết dựng xây nghiệp thiện theo các khía cạnh sau đây: Thân làm lành, Miệng làm lành và Ý làm lành⁽⁹⁾.

2.3. Giáo dục trẻ em là một nghệ thuật

Về nội dung này, chúng tôi thấy thể hiện rõ ở hai tác phẩm mang đậm dấu ấn văn hóa Phật giáo là *Cái ô đỏ* và *Những quả ổi biết kêu*. Điểm chung của hai tác phẩm này là đều nói tới mối quan hệ nhà Phật với trẻ em, qua đó, có thể đúc kết được bài học về nghệ thuật giáo dục trẻ em.

Ở truyện *Cái ô đỏ*, nhân vật Bụt được miêu tả là “một cụ già râu tóc như mây, tay cầm một cây phất trần nhỏ”. Bụt lắng nghe lời khẩn cầu của Cành, đồng ý theo Cành đến nhà để giúp chữa lành đôi chân cho em Búp. Trước khi chữa cho

Búp, Bụt đã đặt ra cho Cành khá nhiều thử thách - từ chuyện khâu ô đồ cho đến việc phải chịu liệt thay em. Thương em, Cành đã thức trắng đêm để kịp làm xong cái ô đồ theo yêu cầu của Bụt. Thương em, Cành không chút đắn đo: “Thưa Bụt, dù sao cháu cũng đã được đi lại, bơi, trèo bao nhiêu năm nay rồi. Còn em cháu thì nó chưa hề biết được những cái thú ấy”. Với Búp, sau khi đi được thì Bụt bảo “hãy bỏ cái ô ra và cứ thử đi tiếp”... So với truyện dân gian, nhân vật Bụt trong *Cái ô đồ* không sử dụng ngay phép thần thiêng để giúp hai anh em Cành, Búp toại nguyện ước mơ. Bụt đưa ra nhiều thử thách để kiểm chứng mức độ lòng yêu thương em, lòng vị tha của Cành. Bụt cũng yêu cầu Búp nhanh chóng rời bỏ “vật thiêng” (cái ô đồ) để tự đi bằng đôi chân của mình. Câu chuyện có hậu khi các nhân vật được sống trong niềm tin trong trẻo và đầy lãng mạn rằng, “trên đời này, may có Bụt nên tất cả những đứa bé bị khổ sẽ không còn khổ”.

Truyện *Những quả ổi biết kêu* cho người đọc thấy cách xử lý khéo léo của nhà sư đối với chú tiểu. Theo truyện, chú tiểu một lần trốn nhà chùa xuống xóm ổi lấy trứng gà về ăn. Bị sư phát hiện, chú chống đỡ bằng những lời nói dối. Nhưng không may, mấy quả trứng chưa kịp luộc ăn thì đã nở ra gà con kêu chiếp chiếp khiến cho “chú tiểu ngồi chết cứng”. Chứng kiến tình cảnh đó, nhà sư “cười tùm tùm” và nói “Ổi của chú đã nở thành ra gà và biết kêu rồi đấy!”. Chỉ vậy thôi mà chú tiểu tỉnh ngộ, biết xấu hổ với việc làm của mình. Chú đã trở về nhà xin lỗi mẹ cha và bắt đầu “tu tỉnh làm ăn”, “trở thành người đứng đắn”. Truyện cho thấy cách giáo dục khéo léo sẽ giúp con người tỉnh ngộ, biết trau dồi nhân cách để trở thành người có ích cho xã hội.

3. Kết luận

Sự tồn tại của lớp văn hóa Phật giáo trong *Chuyện hoa, chuyện quả* có tác dụng gia tăng màu sắc huyền thoại cho thế giới cổ tích của nhà văn Phạm Hồ. Tuy không chủ trương truyền bá tư tưởng đạo đức Phật giáo nhưng từ chỗ gặp gỡ, thẩm thấu truyền thống đạo lí dân tộc nên văn hóa nhà Phật vẫn phảng phất trên khá nhiều trang viết của nhà văn. Khi tiếp nhận tư tưởng đạo Phật, Phạm Hồ đã tạo nên những giá trị mới, khiến cho *Chuyện hoa, chuyện quả* thực sự hấp dẫn tuổi thơ. Có thể nói, Phạm Hồ gắn gũi với văn hóa nhà Phật cơ bản là ở khía cạnh giáo dục tâm hồn.

L.N.K

Chú thích:

1. Phạm Hồ (1995), “Lời nói đầu”, *Chuyện hoa, chuyện quả*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, tr.8.
2. Đoàn Giỏi (1999), “Sổ tay nhà văn”, *Tuyển tập Phạm Hồ*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.937.
3. Lê Thị Bắc Lý (2003), *Văn học trẻ em*, Nxb ĐHSP, Hà Nội, tr.127.
4. Nguyễn Ngọc (1986), *Phạm Hồ và những “Chuyện hoa, chuyện quả” của anh*, Báo cáo Hội thảo về ba nhà văn viết cho thiếu nhi: Nguyễn Huy Tưởng, Tô Hoài và Phạm Hồ, Hội Nhà văn Việt Nam, Hà Nội; in lại trong *Chuyện hoa, chuyện quả*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 1995, tr. 484-492.
5. Wikipedia tiếng Việt, <https://vi.wikipedia.org/wiki/Phatgiaio>.
6. Võ Quảng (2007), “Về người đọc sách viết cho thiếu nhi”, *Võ Quảng con người, tác phẩm* (Phương Thảo biên soạn), Nxb Đà Nẵng, tr.144.
7. Thích Trí Quảng (2015), “Phật giáo và giáo dục mầm non”, <http://hoasendatviet.com>, truy cập ngày 7 tháng 4.
8. Thích Thanh Từ (1991), *Bước đầu học Phật*, Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh ấn hành, tr.99.
9. Xin xem thêm sách *Bước đầu học Phật*, tldđ, tr.73-77.

Từ trong con chữ nghe hồn rạ rơm

(Đọc *Đánh lễ mùa màng* của Nhiên Đăng, NXB Hội Nhà văn, 2026)

DUYÊN AN



Tim về làng quê, lấy làng quê làm đề tài là khuynh hướng đã tồn tại từ rất lâu trong thơ Việt, có thể gọi đó là dạng thức “thơ điền viên”, thơ làng quê. Xa hơn, với một quốc gia có nền văn hóa bản địa hình thành trên nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước, thì có thể thấy hơi thở của ngọn gió đồng thổi suốt chiều dài lịch sử thơ ca. Trong xu thế thơ chuyển dịch dần về phía đô thị, nhất là ở thế hệ trẻ với đầy những đổ vỡ, phân mảnh, hoài nghi, thơ về làng quê vẫn chảy một mạch nguồn lặng lẽ. Nhưng

viết thế nào để trên những chất liệu ngữ rất cũ vẫn khai phá ra cái mới, để lại một dấu ấn riêng, không nhàm nhạt cũ mòn, mới khó. Với *Đánh lễ mùa màng* (NXB Hội Nhà văn, 2026), Nhiên Đăng đã thể hiện sự bền lòng đến mức gần như “lì lợm” trong việc cắm sâu uống tận nguồn mạch quê hương, thâm canh trên nguồn thi liệu quen thuộc, nhưng được thăng hoa qua xúc cảm và tư duy của nhà thơ “trẻ mà già”, để từ trong con chữ nghe hồn rạ rơm, từ cái hữu hình nhận ra thế giới vô hình.

Thế giới vô hình ấy, chỉ có thể nhận biết được bằng linh giác, vượt lên các giác quan thông thường. Nhiên Đăng đã gọi đó là *Linh giác trắng*, như tên tập thơ đầu tay của anh in năm 2023. Nhưng Nhiên Đăng không xây dựng nên cõi vô hình từ hư không, mà rất cụ thể, từ những chất liệu quen thuộc của quê hương mình, của làng Tình Giang nằm dưới chân núi Thạch Long, như anh tự nhận: *Từ núi Thạch Long tôi đi/ mang theo bóng làng trong kí ức* (Bóng chiều đổ xuống khói hương bay), của vùng đất Bình Định xưa trầm tích bao tầng lớp văn hóa lịch sử. Nói rộng hơn, từ kỷ niệm với những người, nơi chốn khác anh từng ở từng qua, nhưng vẫn trên tâm điểm hướng về nguồn cội. Dù là ở giữa thành phố phồn hoa,

ngồi ngó vu vơ những bóng người qua, Nhiên Đăng vẫn nghe ra chất giọng đến từ mọi vùng miền, nhận ra hồn quê hiện diện: họ đến... từ những cánh đồng nghìn năm lam lũ/ hồn quê họ gói vào giọng nói (Trên đôi vai thành phố). Nói như người xưa, thơ Nhiên Đăng ghi lại tên làng tên đất, mang nặng thổ âm của quê hương, gọi tên sự vật, lưu giữ những đồng vọng bản quán: *cha nhật về trong giỏ những cá, cua và ngôn ngữ cánh đồng/ có tiếng nói người làng, tiếng nói tổ tiên tôi* (Ngôn ngữ cánh đồng). Ngôn ngữ trong thơ anh mộc mạc như cất lên từ đất đai tro tàn nơi góc vườn là ngôn ngữ đất/ và bếp lửa là bài thơ thấp sáng giấc mơ tôi (Đánh lễ mùa màng). Mộc mạc, nhưng dày dặn bề sâu của chiêm nghiệm, suy tư, để từ chất liệu đời thường kiến tạo một cõi lạ trong thơ.

Đọc thơ Nhiên Đăng, người đọc nao nao vì tiếng chim bìm bịp, chim đồng dộc, ao đìa, tre trúc, bụi lất, trái vông, hoa đu đủ đực, bánh tráng, bánh xèo hành lá... Nghĩa là, rất nhiều những thứ nhỏ nhoi dễ bị trôi khuất xa mờ trong dòng chảy hiện đại vội vàng muốn cuốn phăng những chỉ dấu tìm về. Đôi khi, ta thấy anh tham lam khi muốn giữ lại tất cả, dù là *Căn nhà xưa/ mưa đột khối hong bếp bỏ hóng/ tiếng rần rít trong cái lạnh giao mùa/ giàn mướp bông vàng ong bầu lượn tới* (Căn nhà xưa). Giữa rất nhiều những thất lạc đang diễn ra, thơ Nhiên Đăng cứ như một bảo tàng lưu giữ ký ức, mà với lòng yêu anh không muốn bỏ sót điều gì. Cứ như thế, như một hơi thở dài mà sâu đậm không trộn lẫn, neo giữ những tha thiết của ngày qua trong cái cúi đầu của lòng biết ơn những điều bình dị làm nên đời sống: *Từ hừng đông bày chim chờ ánh sáng bày biện trên mặt đất/ tôi cúi đầu đánh lễ mùa màng/ nơi hạt lúa lấm lem bùn đất/ của người làng nuôi nắng giấc mơ cơm áo cho lũ trẻ chúng tôi* (Đánh lễ mùa màng).

Nhưng thơ Nhiên Đăng không đơn thuần là gọi tên và bày tỏ niềm nuôi tiếc về những chỉ dấu đang mất đi như cách quen thuộc của nhiều nhà thơ khi viết về đề tài này. Nét riêng, cũng là sự đột phá trong thơ anh, là sự thống nhất của cái bình dị, nhỏ nhoi với những điều thiêng liêng, xuyên thấu qua những tầng lớp của thực tại để nối kết những không gian - thời gian cách xa nhau, đọc ra "mật ngữ" trong lớp vỏ tồn tại. Viết về bánh tráng Bình Định, anh gọi dậy cả trăm năm miền cũ: *Nghe Bình Định một miền loang lổ nắng/ trên mái đầu cô tôi công bánh tráng đi phơi/ cô phơi cả trăm năm lịch sử/ dưới bầu trời đất cũ Vijaya...* (Trong khoảng lặng của bóng tháp & phù sa). Trong mấy câu thơ, dồn nén cả thực tại đời sống và bề sâu văn hóa, với chủ thể là con người bình dị cô tôi, hành động là sinh hoạt đời thường công bánh tráng đi phơi, vậy mà khái quát: *Bình Định một miền loang lổ nắng*. Con người nhỏ bé công đầu chỉ là phơi bánh tráng, mà còn là dấu ấn một vùng đất với trăm năm lịch sử. Mà lịch sử - văn hóa, vốn khởi đầu và được lưu giữ bởi những con người bé nhỏ vô danh, như cách anh nêu lên *Một định nghĩa về người làng: Những người đã đến đây xây nhà dựng cửa/ bây giờ lắng sâu vào đất đá cỏ cây/ họ là bông hoa gạo nở đỏ thắm Ba/ là trái khổ qua mùa hạ vàng nắng bên sông/ là cơn mưa xuân rải trên ngọn đồi bằng lăng/ là mặt trăng đêm rằm soi xuống mái chùa/ có tượng Phật Quan Âm tay cầm cành dương liễu*. Có một sợi dây thắm lặng không

để nhìn thấy nổi thực tại vào quá khứ, tâm hồn nhà thơ lần tìm kết nối, trong mỗi bình dị chứa đựng những trầm tích sâu xa.

Nhờ trường liên tưởng đầy bất ngờ, nên không gian thơ Nhiên Đăng tưởng bó hẹp trong một vùng đất, một ngôi làng mà hóa ra rộng. Rộng trong sự phóng chiếu không giới hạn, trời - đất - người - sự vật - nghìn xưa - ngày sau... trong mỗi bài thơ và nhất quán trong cả tập thơ. Chủ thể trữ tình - *tôi*, khi thì *lặng xuống*, khi thì *ngó lên trời*, khi thì *bước đi*... để rồi *thấy*, và *nghe*. Cái *sự thấy* và *nghe* của nhà thơ có sự khác biệt, nên không có một giới hạn nào, thấy được những điều chưa ai thấy và nghe ra những điều huyền nhiệm. Một thực tại khác tồn tại dưới lớp vỏ của cái khả kiến khả tri, kiểu như *Mưa lạnh suốt những ngày xuân/ lũ sâu ẩn mình vào diệp lục/ tôi nghe những ngón tay rụng xuống đất/ mọc lên ngôn ngữ cõi lạ* (Nơi một bài thơ vừa giáp hạt). Liên tưởng của nhà thơ có sự dịch chuyển ra khỏi đường biên của logic, nhưng lại làm nên logic của sự mới mẻ sáng tạo, như khi anh nhìn thấy: *người đội núi đi về phía tiếng chuông ngân* (Sưởi ấm giấc mơ), *mẹ cầm nhánh ca dao cấy xuống đất một lời ru* (Bóng chiều đổ xuống khói hương bay)... Có sự đan xen giữa thực và mơ trong thơ Nhiên Đăng, với những thi ảnh đẹp lạ *có phải giọt mưa ca dao vỡ đầu ngọn gió/ để con cá lòng tong theo con nước lũ xuôi nguồn* (Tiếng gọi giao mùa). Cứ vậy, Nhiên Đăng vừa sử dụng thủ pháp kể chuyện, liệt kê, bày ra những chi tiết của đời sống với tất cả sự phong nhiêu của bản thân đời sống, vừa liên tưởng, tưởng tượng để dựng nên *cõi lạ*. Trong *cõi lạ* ấy, *người làng đã khuất trong đêm mưa lọ mọ/ họ trở về ngôi trong mỗi hạt mưa* (Một định nghĩa về người làng), *Giữa mùa trăng gió đông đêm trở mình lật lên ký ức/ hình bóng người làng còn vọng trong âm thanh tre trảy* (Những ngọn khói rơm thơm), *Những linh hồn sống dậy trên cánh đồng lúa chín/ họ gặt lúa, tát cá, ngồi che nắng, và kể chuyện làng* (Nằm mơ giữa ngày). Nhiên Đăng hay nói về *linh hồn*, không chỉ là linh hồn của người xưa vẫn tồn tại đâu đây làm nên hồn xứ sở, mà còn thức dậy linh hồn của đất đai, cây cỏ, chim muông, gọi về ký ức một thế giới nơi con người và vạn vật giao hòa: *gió từ cánh đồng mang theo phần hương/ ướp đầy linh hồn màu trắng/ nơi một bài thơ vừa giáp hạt* (Nơi một bài thơ vừa giáp hạt). Người đọc nhận ra xứ sở đôi khi chẳng phải bắt đầu từ những điều to tát cao siêu, mà được tạo nên bởi những vật những người nhỏ bé đời thường, như là một *con cá lòng tong*...

Đánh lễ mùa màng gói gắm những vẻ đẹp nhỏ nhai của quê hương mà Nhiên Đăng nặng lòng lưu giữ, cất lên thứ ngôn ngữ mộc mạc của cánh đồng mà ngân động bề sâu xúc cảm. Là mùa màng của đất đai nghe hồn rơm rạ dậy thơm, cũng là thành quả của một mùa thơ vừa độ chín, được gieo trồng từ khu vườn tâm hồn nhà thơ: *trong mỗi hạt giống bóc vỏ vươn lên tìm ánh sáng/ là những nghĩ ngợi trong bóng tối/ để ngày mai bắt đầu/ mang trong mình hoa quả và tiếng chim* (Vườn linh hồn tôi). Người đọc vẫn chờ mong những mùa màng mới của Nhiên Đăng trong cuộc hành trình không ngừng nghỉ đi tìm lại chính mình/ *vang vọng trong hơi thở thời gian*.

D.A

Kỳ nhân Lương Lu

TRẦN ĐĂNG

Họa sĩ Lương Lu sinh năm 1940 tại sông Vệ, Quảng Ngãi nhưng suốt 40 năm qua, ông gắn với mảnh đất Vĩnh Thạnh xa xôi thuộc tỉnh Gia Lai bây giờ. Xung quanh người đàn ông tài hoa chỉ nặng 40 cân kể cả quần áo này là bao nhiêu giai thoại mà giai thoại nào cũng có thể làm ta rơi nước mắt sau những trận cười ngả nghiêng.

Đi tìm mẹ trên đất Bắc

Nhà văn Cao Duy Thảo kể: “Lương Lu là người cực kỳ thương mẹ. Anh có kể cho tôi nghe về buổi chia tay trên sân ga Lam Điền (Quảng Ngãi) trước khi anh cùng người cha vào Quy Nhơn xuống tàu tập kết. Anh thương mẹ đến mức bất chấp chuyện “xấu hổ” luôn. Đã 14 tuổi (Lương Lu sinh năm 1940) mà Lu cứ quần quanh bên mẹ chứ không chịu rời nửa bước. Mẹ anh động viên mãi nhưng anh vẫn chần chừ, cuối cùng rồi anh để nghị mẹ mình cho anh “ngậm vú da một miếng”. Thương con, người mẹ ấy đã chiều con trước một rừng người. Ra Bắc, tôi và Lu học phổ thông ở Thái Bình, nhưng học được một năm thì chúng tôi lên Hà Nội. Bấy giờ, Lu gặp và chơi thân với Đinh Xăng Hiền (nhà thơ người H’re quê Quảng Ngãi, đã mất). Hai anh cùng tuổi nên lại càng thân nhau. Một hôm Lu đề nghị: “Tao nhớ mẹ quá, hay là tao với mày về Nam tìm mẹ”. Nói rồi hai người chuẩn bị “lương khô” là một ký đường mua theo tiêu chuẩn làm hành trang lên đường, nhắm hướng Hòa Bình nơi có núi cao ấy thẳng tiến. Cứ đi lang thang mãi vậy, cuối cùng thì gặp bộ đội biên phòng. Các chú bộ đội hỏi ra mới biết hai ông thiếu niên này là người miền Nam “đi lạc”. Họ liên hệ với bố Lương Lu để xác nhận. Sau đó, hai “ông nhóc” mới về lại trường”.

Lu nhớ mẹ, thương mẹ là vậy. Bà cũng đã lặn lội khắp các vùng giải phóng, tìm đến các trạm y tế dã chiến trong rừng để mong gặp con vì bà nghe loáng thoáng đâu đó, con bà là bác sĩ! Có lẽ bà nghe nhầm “họa sĩ”, thành “bác sĩ” chẳng? Rất tiếc là mẹ Lương Lu mất năm 1972, ba năm sau ông trở về thăm mẹ thì bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi.

Ở công sở

Hơn 10 năm làm việc ở Sở Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình, Lương Lu đã kịp để lại những giai thoại, đảm bảo “không đụng hàng”. Năm 1988, ông Hồng Nhân, Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình được đi Liên Xô. Hàng hóa ông giám đốc mang về gồm nhiều thứ nhưng Lương Lu chỉ để tâm đến mấy chai rượu vốt-ka Nga thôi. Một ngày đẹp trời nọ, ông Hồng Nhân đi công tác Quảng Ngãi. Chỉ chờ có vậy, Lương Lu ghé nhà. Gặp bà Tuyết vợ ông Hồng Nhân ở cửa, Lu nói ngay: “Nghe nói anh Nhân đi Liên Xô về có mang cho tôi chai rượu, chị làm ơn lấy giùm tôi”. Bà Tuyết thì chỉ để ý ba thứ hàng hóa như bàn là và các loại vật dụng khác chứ nào có để ý gì đến rượu. Bà nói: “Anh đợi tôi vào xem đã”. Nói đoạn, bà vào “kho hàng” và lôi ra một chai vốt-ka. Mắt Lương Lu sáng rực: “Chính nó đấy chị!”. Nói đoạn Lu lấy ngay chai rượu còn trên tay bà Tuyết như thể sợ bà đổi ý. “Cảm ơn anh Nhân và chị nhé”. Nói đoạn ông cắp chai rượu sang phòng bên có các chiến hữu đang hút thuốc vệt ngồi chờ. Rượu lập tức bày ra. Một cái đầu gà và bộ phận cổ cánh cũng “ngheênh đón”. Họ uống đến 9 giờ tối, đúng vào thời điểm ông Nhân đi công tác Quảng Ngãi vào lại Quy Nhơn, thì tạm dừng.

Ngồi bên phòng nhậu nhưng tất cả bọn “ham mê tửu sắc” này không dám nói to vì sợ lộ hàng đồng thời cũng lắng nghe tiếng bước chân của ông Hồng Nhân về chưa. Vừa về đến cửa, ông Nhân hỏi luôn một câu quen thuộc: “Có ai đến nhà không em?”. Bà Tuyết thật thà khai: “Có anh Lu đến lấy chai rượu anh hứa cho anh thôi”. Nghe vậy, ông Hồng Nhân suýt khụy chân luôn! Nhưng ông chỉ nói: “Vậy à”.

Cứ tưởng ông Hồng Nhân sẽ phê bình kiểm điểm hoặc mắng cho một trận về vụ “chôm rượu” này nhưng ngày hôm sau, gặp nhau ở cơ quan, ông chỉ vỗ vai Lương Lu: “Nghệ sĩ quá không được à nha. Anh làm tôi thất hứa với một người bạn vì giờ tôi không lấy đâu ra chai rượu để tặng bạn tôi đây”. Lương Lu cười như mếu: “Xin lỗi anh. Tôi xin được rút kinh nghiệm sâu sắc!”.

Ngày 2 tháng 9 năm 1987, Lương Lu và Nguyễn Nghĩa - bạn rượu cùng phòng, đi nhậu. Say quắc cần câu nhưng Lu không dám về nhà mà vào cơ quan. Ông ra trước cổng lấy toàn bộ “cờ chuối” rồi vô trái trên sàn để làm chiếu và mền. Nửa đêm hôm đó, bác Sửu trực bảo vệ cơ quan đi vệ sinh và không thấy lá cờ nào bèn... gọi điện thoại cho công an phường Lê Hồng Phong báo cáo có bọn phản động nào đó lấy hết cờ mừng đại lễ 2.9. Khuya quá, với lại mất cờ thì cũng không quan trọng gì nên sáng sớm công an mới

ghé chỗ bác bảo vệ. Bác Sửu bảo vệ dụi mắt mấy lần mà không tin vì cờ không mất lá nào như bác báo cáo tối qua. Anh công an nhỏ nhẹ: “Cờ vẫn còn đó mà bác lại bảo phản động lấy cờ”. Nào có mất lá cờ nào. Bốn giờ sáng hôm đó Lương Lu đã dậy, mang toàn bộ cờ ra treo lại chỗ cũ rồi bắt chuyến xe lam đầu ngày Quy Nhơn - Vĩnh Thạnh lên thăm bồ! Còn vụ “mất cờ” mãi mãi vẫn là điều “bí mật” đối với bác bảo vệ.

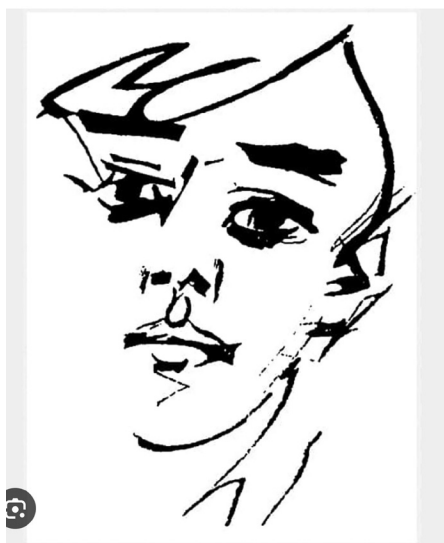
Cuộc “tập kích” bất ngờ vào buổi trưa ở Vĩnh Thạnh

Tôi rủ nhà văn Trần Quang Khanh đi Vĩnh Thạnh chơi. Anh Khanh thật thà: “Trên đó có gì vui đâu mà chơi”. Tôi nói lên thăm anh Lương Lu chứ hơn 30 năm rồi không gặp anh ấy. Nghe tên Lương Lu, anh Khanh đồng ý đi ngay.

Chúng tôi xuất hiện trước nhà Lương Lu tầm 10 giờ sáng. Cả nhà đang ăn cơm trưa nhưng Lương Lu lại ăn... cháo. Hỏi có đau ốm gì không mà lại ăn cháo? Ông nói: “Còn duy nhất một cái răng cửa thì biết ăn gì ngoài cháo?”. Ông bỏ chén đứng dậy, lấy tay che sáng từ ngoài hắt vào cho dễ nhìn: “Ủa đĩa nào đó bây?”. Tôi nói “khách quý”. Ông vẫn không nhận ra tôi. Ông lại lấy tay che mặt rồi nheo mắt: “Tao thấy quen quen mà quên mất tên rồi”. Tôi khai luôn tên của mình. Ông than: “Trời đất thẳng Phạm Dương! Chớ mày đi lạc đâu trong này?”. Nói đoạn, ông bảo đợi ông một chút. Ông lên nhà trên, mò mẫm một lúc rồi bước ra sân, mắt lão liên như sợ có ai nhìn thấy. Chỉ có tôi là nhìn thấy hành động “bất minh” này. “Khách quý ba mươi năm mới gặp nhau mà mang chứng ấy tiền thì nhậu cái gì!” - tôi trêu ông. Ông bảo: “Tao chỉ có nhiều đó”. Tôi vẫn không buông tha ông suốt quãng đường ra quán: “Thì cứ nhậu, không đủ thì anh ký nợ như hơn 30 năm trước thôi”. Ông đồng ý nhưng vẻ mặt đầy lo lắng. Ông lại lôi trong túi ra hai tờ 200 ngàn, như thể muốn



Họa sĩ Lương Lu (phải) và tác giả. Ảnh T.Đ



Chân dung Bích Khê qua nét vẽ của Lương Lu. Ảnh T.Đ

chứng minh cho chúng tôi biết là “gia tài” của ông chỉ có ngần ấy, liệu cơm mà gắp mắm, nhậu đủ trong khoản tiền ấy thôi. Còn tôi thì luôn truy: “Tui hông biết. Bạn cũ ba mươi năm gặp lại thì nhậu cho thoải mái chứ tính toán chi!”. Cuối cùng rồi cũng tới quán. Tôi lôi trong xe ra chai Ballantine rồi nói: “Anh uống chai này, tui tui uống bia nha”. Ông bảo tao không khoái rượu Tây đâu, chỉ toàn rượu gạo thôi. Tôi quyết luôn: “Anh không uống thì để đó, cho ai thì cho. Giờ anh uống rượu gạo, tui tui uống bia nha. Không nói nhiều”. Hết mỗi lần Quang Khanh gọi món là thấy ông Lu giật thột. Cuối cùng thì tôi phải giải vây: “Trêu anh cho vui thôi. Anh cứ

uống thoải mái. Không sợ thiếu tiền, miễn anh vui là được”.

Tôi cởi bỏ áp lực cho ông nên ông vui ngay. Toàn chuyện trên trời dưới biển. Ông là một họa sĩ kỳ tài có điều bấy hầy buông thả quá. Trong cuộc hội thảo về nhà thơ Bích Khê tổ chức tại Quảng Ngãi năm 2005, ông là người duy nhất không có tham luận nhưng vẫn được mời vì chỉ mấy đường “ký họa” mà đã thấy chân dung Bích Khê tài hoa mà đoản mệnh rồi. Bức ký họa này ông vẽ cho trang bìa tập *Thơ Bích Khê*. Nhìn bức ký họa rất có thần thái này, ai cũng thích. Nhà văn Cao Duy Thảo, bạn rất thân với Lương Lu từ hồi còn trên đất Bắc, nói: “ Ông Lu chỉ học trung cấp mỹ thuật nhưng tác phẩm của ông luôn được chọn làm “bài mẫu” cho số sinh viên đại học mỹ thuật”.

Tàn cuộc rượu, ông lại thò thụt trong túi ra hai con “rạm đỏ” (bốn trăm ngàn). Chúng tôi lại trêu ông: “Anh cứ giữ đấy mà tiêu. Còn nếu sợ “lộ hàng” thì tốt nhất anh gửi lại cho quán để khi nào thèm nhậu thì mạnh dạn bước ra đây chứ không cần phải thậm thò thậm thụt như in bạc giả”.

Nghe vậy, Lương Lu cười thật tươi, để lộ duy nhất một cái răng ở hàm trên. Đã thấy thấp thoáng kỳ nhân Lương Lu qua cái răng duy nhất còn lại này.

T.Đ

Nguyễn Khoa Điềm vẽ đất nước bằng thơ

TRƯƠNG THỊ THÚY

(Giáo viên TT GDNN-GDTX Tuy Phước)

Với đoạn trích *Đất Nước* (trích trong *Trường ca Mặt đường khát vọng* - Ngũ văn lớp 12), Nguyễn Khoa Điềm đã khéo léo khảm vào tâm trí người đọc một bức tranh về Đất Nước. Không màu, không cọ, không bút chì hay giá vẽ. Tác giả từ chối hết thảy những thứ thuộc về một bức vẽ thông thường tác động đến con người qua tiếp xúc thị giác. Ông hào hứng với bức vẽ Đất Nước của riêng mình được tạo nên bằng chất liệu ngôn từ.

Nguyễn Khoa Điềm bắt đầu bức tranh Đất Nước một cách rất tự nhiên bằng nét thơ đầu tiên, gần gũi như lời thủ thỉ chuyện trò:

Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái “ngày xưa ngày xưa...” mẹ thường hay kể.

Và rồi mạch hứng khởi cho một bức tranh được bắt đầu. Các nét vẽ hiện ra...

Nét vẽ phong tục tập quán

“Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn”. Đó là từ khi nào? Ai mà biết được đích xác là ngày nào. Chỉ biết rằng tận “ngày xưa ngày xưa...” dân mình đã có tục ăn trầu, nhuộm răng. Miếng trầu quả cau luôn được dùng làm đầu câu chuyện, người nói cười, hơi trầu bay thơm cay nồng quện. Chuyện thêm vui, tình thêm gắn bó. Rồi “cha mẹ thương nhau”, cũng phải có cau, có trầu trong ngày cưới hỏi để thể hiện tình nồng duyên thắm.

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng

Đất Nước có từ ngày đó...

Nhẹ nhàng, bình dị. Ngôn từ cứ tự nhiên như vậy mà gợi cho người đọc cảm giác gần gũi nhất. Kiểu như tác giả đang trực tiếp nhìn vào mắt người đối diện “thủ thi” bằng tất cả tình cảm chân thành của mình. Cuộn tóc búi sau đầu của mẹ; cách đặt tên cây kèo, cây cột khi dựng cửa, xây nhà; rồi lao động sản xuất, làm ra hạt gạo trắng ngần phải trải qua bao cơ cực vất vả “một nắng hai sương”, phải “xay, giã, giần, sàng”.

Rồi cách giữ hạt giống cho vụ mùa sau, cách giữ lửa để ấm nồng gian bếp, để sưởi ấm những ngày đông giá rét cũng được tác giả khéo léo gợi ra: *Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng/ Họ chuyển lửa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi.*

Đó là kinh nghiệm cuộc sống được truyền dạy từ bao đời, để làm nên cái riêng biệt của đất nước mình.

Nét vẽ ca dao tục ngữ, những câu chuyện “ngày xưa ngày xưa”

Vẫn là những điều bắt đầu từ rất xưa và còn mãi cho đến tận bây giờ. Như một mạch nguồn vô tận, vô hình nhưng chắc chắn, ca dao, tục ngữ, chuyện kể đã góp phần làm nên hình dáng Việt từ thời ông cha ta dựng nước và gìn giữ đến ngày nay.

Nét vẽ ca dao, tục ngữ mềm mại nổi quá khứ với hiện tại. Những lời ru của mẹ, lời kể của bà chính là bài học được đúc rút từ kinh nghiệm sống bao đời, là tình nghĩa mà con người muốn bày tỏ với nhau. Khi nhắc đến tình cảm mẹ cha qua hình ảnh “gừng cay muối mặn”, tác giả đã khéo léo gợi cho người đọc nhớ về những câu ca dao thuở trước: *Muối ba năm muối đang còn mặn/ Gừng chín tháng gừng hãy còn cay/ Đồi ta nghĩa nặng tình dày/ Có xa nhau đi nữa cũng ba vạn sáu ngàn ngày mới xa.*

Chắc hẳn khi đặt bút với nét vẽ “em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm” tác giả cũng đang nhớ đến bài ca dao *Khăn thương nhớ ai* như người đọc khi đọc câu thơ ấy.

Hay ý thơ *Hằng năm ăn đâu nằm đâu/ Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ* lại gợi người đọc nhớ về câu *Dù ai đi ngược về xuôi/ Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng Ba*. Nhớ ngày giỗ Tổ là nhớ về nguồn cội để biết tri ân bao công lao của cha ông thuở trước, để biết vun đắp thêm nghĩa đồng bào người Việt, biết gắng công dựng xây đất nước ngày càng giàu đẹp hơn.

Xuyên suốt “bức tranh” Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm, người đọc đều tìm thấy hình bóng của những câu ca dao, giảng mắc niềm thương, gợi hình ảnh con người đắm say trong tình yêu “*Yêu em từ thuở trong nôi/ Yêu em từ thuở trong nôi/ Em nằm em khóc, anh ngồi anh ru* - Ca dao); con người biết quý trọng tình nghĩa “*biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội/ Cầm vàng mà lội qua sông/ Vàng rơi không tiếc, tiếc công cầm vàng* - Ca dao); con người kiên trì và quyết liệt trong chiến đấu “*Biết trồng tre đợi ngày thành gậy/ Đi trả thù mà không sợ dài lâu/ (Thù này ắt hẳn dài lâu/ Trồng tre thành gậy, gậy đâu đánh què* - Ca dao).

Đất nước mình bao đời chống giặc ngoại xâm. Từ những ngày ông cha ta khai

thiên lập địa đã bị ngoại bang nhòm ngó. Chuyện đứng lên để bảo vệ non sông, bờ cõi là lẽ đương nhiên. Trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, chủ tịch Hồ Chí Minh có nói: “Ai có súng dùng súng. Ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc”. Câu nói đó của Bác nhằm ý dặn dò, để chiến đấu bảo vệ mình khỏi bầy sói lang, bất cứ thứ gì trong tay cũng có thể trở thành vũ khí. Đó chính là bản lĩnh của đất nước mình: *Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc*. Từ cái thuở “ngày xưa ngày xưa” đó, cậu bé Gióng của làng Phù Đổng đã biết lấy tre quật vào quân thù khi roi sắt gãy. Truyện *Thánh Gióng* như một lời nhắc nhở dân mình “không có súng gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc” (*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* - Hồ Chí Minh); hay “chúng nó đã cầm súng thì mình phải cầm giáo” (*Rừng xà nu* - Nguyễn Trung Thành).

“Miếng trầu bây giờ bà ăn” gợi liên tưởng đến *Sự tích trầu cau* thuở nào. Con người Việt luôn vậy, tình cảm mặn nồng, thủy chung như nhất. Làm sao để vẹn nghĩa anh em, trọn tình chồng vợ? Hóa đá, hóa cau, hóa trầu keo sơn gắn bó, thắm thiết không rời. Chỉ với một câu thơ *Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn* cũng đủ gợi cho người đọc bao liên tưởng về nguồn cội. Nguồn cội đó bắt đầu từ khi *Lạc Long Quân và Âu Cơ/Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng*, rồi trăm trứng nở ra trăm con, lớn lên chia nhau cai quản các phương trên rừng dưới biển. *Sự tích Con Rồng cháu Tiên* cứ tự nhiên neo vào hồn người Việt một niềm thương về hai chữ đồng bào.

Nét vẽ các địa danh, vùng đất

Nguyễn Khoa Điềm không định vị Đất Nước bằng các đường nét địa lý như trên bản đồ, không định lượng dài rộng, không biên giới Đông Tây. Ông gọi tên Đất Nước bằng các địa danh gần gũi, thân thuộc với tâm thức Nhân dân bao đời.

Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những hòn núi Vọng Phu. Những hòn núi Vọng Phu ở Lạng Sơn, Gia Lai, Đắk Lắk,... và nhiều nơi hơn thế nữa đã tạc vào dáng hình đất nước hình bóng người vợ chờ chồng còn mãi với thời gian.

Hòn Trống Mái ở Thanh Hóa, Hạ Long hay ở đâu chẳng nữa cũng đều nhằm khẳng định ước mơ về một tình yêu vĩnh cửu, trường tồn. Rồi các nét vẽ về những ao đầm, ruộng vườn bờ bãi, núi non, sông suối cứ lần lượt hiện ra trên trang thơ điểm tô đất nước:

Gót ngựa của Thánh Gióng đi qua còn trăm ao đầm để lại

Chín mươi chín con voi góp mình dựng đất Tổ Hùng Vương

Những con rồng nằm im góp dòng sông xanh thẳm

Người học trò nghèo góp cho Đất Nước mình những núi Bút, non Nghiên

Con cóc, con gà quê hương cùng góp cho Hạ Long thành thắng cảnh

Những người dân nào đã góp tên Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm

Đó là Đất Nước. Một Đất Nước gần gũi thân quen, bình dị mà nên thơ. Một Đất Nước được đắp bồi từ bao cuộc đời gắng sức dựng xây. Từ những ngày các

vua Hùng đi khai thiên lập địa, dựng nên nhà nước Văn Lang, cho đến bốn ngàn năm sau thì: *Ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi/ Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha*” và *“đi đâu ta cũng thấy/ Những cuộc đời đã hóa núi sông ta...”*

Tác giả không dụng công tô vẽ một vùng đất riêng biệt nào bởi tất cả đều mang “một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha”. Nét vẽ đã dừng lại mà niềm tự hào như vẫn còn ngân nga mãi.

Nét vẽ con người

Để hoàn thiện bức tranh Đất Nước, không thể thiếu hình dáng con người. Đó không chỉ là những người anh hùng “cả anh và em đều nhớ” mà còn cả những người “sống và chết/ Giản dị và bình tâm/ Không ai nhớ mặt đặt tên”. Nhưng tất cả đã góp phần “làm ra Đất Nước”.

Đó là những con người thủy chung tình nghĩa trong tình yêu đôi lứa, tình cảm vợ chồng như “anh”, như “em”, như “cha”, như “mẹ”. Đó là những con người biết nhớ về nguồn cội *Lạc Long Quân và Âu Cơ/ Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng*, để rồi: *Hàng năm ăn đâu nằm đâu/ Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ Tổ*.

Đó là những con người biết xử lý hài hòa mối quan hệ giữa chung và riêng, giữa cá nhân và đất nước để tạo dựng sức mạnh đoàn kết trong dựng xây và bảo vệ Tổ quốc: *Khi hai đứa cầm tay/ Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm/ Khi chúng ta cầm tay mọi người/ Đất Nước vẹn tròn to lớn*.

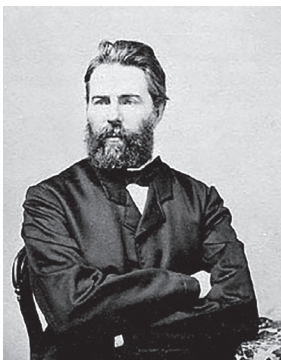
Đó là những con người chăm chỉ, bình dị trong lao động: *“Cần cù làm lụng”, Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng/ Họ chuyển lửa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi/ Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói/ Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến di dân/ Họ đắp đập be bờ cho người sau trồng cây hái trái”; nhưng cũng sẵn sàng đứng lên đánh đuổi giặc thù để bảo vệ biên cương bờ cõi: Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm/ Có nội thù thì vùng lên đánh bại; Khi có giặc người con trai ra trận/ Người con gái trở về nuôi cái cùng con/ ngày giặc đến nhà thì đàn bà cũng đánh. Tất cả xuất phát từ lòng yêu nước - một mạch nguồn truyền thống âm thầm chảy mãi trong huyết quản của mỗi người, để khi cần sẽ trở dậy thành lời thề “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.*

Nguyễn Khoa Điềm hoàn thành bức vẽ của mình với những ngôn từ mộc mạc, bình dị. Bức tranh của nhà thơ đi vào lòng độc giả với một niềm kiêu hãnh vô biên về một Đất Nước Nhân dân có trách nhiệm của mình trong đó. Để rồi nhớ mãi lời nhắc nhở đầy chân tình, thiết tha mà tác giả gửi gắm: *Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình/ Phải biết gắn bó và san sẻ/ Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở/ Làm nên Đất Nước muôn đời...*

T.T.T

Nghệ sĩ vĩ cầm

HERMAN MELVILLE (Mỹ)



Herman Melville (1819 - 1891) là đại văn hào của nước Mỹ. Tác phẩm của ông trải dài trên nhiều thể loại: tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ ca và tiểu luận. Bên cạnh kiệt tác Moby Dick - Cá voi trắng (1851) - tiểu thuyết lấy cảm hứng từ đời thủy thủ sóng gió với những suy nghiệm triết học sâu sắc, Melville còn rất thành công với thể loại truyện ngắn. Truyện của ông, dù ở chủ đề nào, thường phản chiếu nổi cô đơn bản thể trước một thực tại bất như ý, với văn phong sắc gọn mà giàu gợi mở, báo hiệu những bước chuyển của truyện ngắn hiện đại sau này.

Thế là bài thơ của tôi đã bị vui dập tan tành, và giấc mộng lưu danh thiên cổ tan thành mây khói! Tôi sẽ mãi là kẻ vô danh tiểu tốt. Một phận số không thể nào kham nổi!

Vớ lấy chiếc mũ, tôi ném phẳng bài phê bình xuống đất rồi lao ra đại lộ Broadway. Nơi đó, những đám đông phấn khích đang chen chúc đổ về một rạp xiếc ở con phố nhỏ gần đó, một rạp mới mở nhưng đã nổi danh nhờ gã hề xuất chúng.

Chẳng mấy chốc, Standard, anh bạn cũ của tôi, cất tiếng gọi về ồn ào: “Gặp nhau ở đây hay quá, Helmstone! Kia, có chuyện gì thế? Trông cậu thất thần quá!”. “VẬY là anh đã đọc nó rồi sao?”, tôi hỏi, dĩ nhiên là đang ám chỉ bài phê bình nọ. “À rồi, tôi đã xem buổi diễn sáng nay. Gã hề đó tuyệt lắm, tôi cam đoan với cậu. Nhưng kìa, Hautboy tới rồi. Hautboy - đây là Helmstone”.

Chưa kịp thấy tự ái hay có ý định đánh chính cái nhằm lẫn tai hại ấy (anh ta tưởng tôi đang nói về rạp xiếc), tôi bỗng thấy lòng dịu lại khi nhìn vào gương mặt của người quen mới vừa được giới thiệu này. Dáng người ông thấp và đậm đà, toát lên vẻ hoạt bát, trẻ trung. Nước da đỏ nhuận kiểu dân dã; đôi mắt xám,

chân thành và vui tươi. Chỉ có mái tóc là tiết lộ rằng ông không phải một cậu bé to xác. Nhìn tóc, tôi đoán ông đã ngoài bốn mươi.

“Đi nào, Standard”, ông hăng hái gọi bạn tôi, “Anh không đi xem xiếc sao? Người ta bảo gã hề đó là vô song đấy. Đi thôi! Cả anh Helmstone nữa - hai anh cùng đi; xem xong chúng ta sẽ đi ăn món hầm và uống punch ở tiệm Taylor”.

Tính hài hước và vẻ mặt đồ nhuộm, chân thành của người mới quen kỳ lạ này có tác động lên tôi như một phép màu. Có vẻ, việc chấp nhận lời mời từ một trái tim nhân hậu và trung thực đến thế chính là sự trung thành với bản tính tốt đẹp của con người.

Suốt buổi diễn xiếc, mắt tôi dán vào Hautboy nhiều hơn là gã hề lừng danh kia. Với tôi, Hautboy mới là cảnh tượng đáng xem. Sự thương thức nhiệt tình của ông chạm đến tâm can tôi, mang lại cảm giác về sự hiện hữu thực sự của cái gọi là hạnh phúc. Những câu đùa của gã hề dường như được ông nhắm nháp như những quả mận chín mọng. Lúc thì đôi chân, lúc thì đôi tay, ông dùng mọi cách để tán thưởng. Cứ mỗi khi có màn tung hứng nào xuất sắc hơn bình thường, ông lại quay sang Standard và tôi để xem liệu niềm vui hiếm có của mình có được sẽ chia hay không. Ở một người đàn ông bốn mươi, tôi thấy một cậu bé lên mười hai; và điều này chẳng mấy may làm giảm đi sự kính trọng của tôi dành cho ông. Bởi vì mọi thứ đều quá đổi lương thiện và tự nhiên, vẻ trẻ trung kỳ diệu của Hautboy mang một nét thần thánh và bất tử, tựa như một vị thần Hy Lạp trẻ mãi không già.

Nhưng dù có ngấm nhìn Hautboy và ngưỡng mộ phong thái của ông đến đâu, tâm trạng tuyệt vọng lúc tôi mới lao ra khỏi nhà vẫn chưa hoàn toàn tan biến mà thi thoảng lại trở về quấy nhiễu. Nghe kìa! Tiếng vỗ tay, tiếng giậm chân, tiếng hò reo diếc tai; đám đông khổng lồ dường như đang phát điên vì hoan hỉ; và tôi tự hỏi, điều gì đã gây ra tất cả những chuyện này? Chà, chỉ vì gã hề vừa toe toét cười một điệu cười kỳ quặc hơn bình thường.

Thế rồi tôi nhắm lại trong đầu đoạn thơ trong tác phẩm của mình. Phải, tôi tự nhủ, nếu giờ mình nhảy vào sàn diễn kia và đọc đúng đoạn thơ đó, không, diễn lại cả vở bi kịch đó trước mặt họ, liệu họ có vỗ tay cho nhà thơ như họ vỗ tay cho gã hề không? Không! Họ sẽ la ó tôi, gọi tôi là kẻ lảm cẩm hay thằng điên. Vậy điều này chứng minh điều gì? Sự mê muội của tôi hay sự vô cảm của họ? Có lẽ là cả hai; nhưng chắc chắn là điều thứ nhất. Nhưng tại sao phải than vãn? Mà đi tìm sự ngưỡng vọng từ những kẻ ngưỡng mộ một gã hề sao? Hãy nhớ lại câu nói của người Athens năm xưa, khi thấy đám đông tung hô vang dội giữa quảng trường, đã thì thầm hỏi bạn mình: “Tôi vừa nói điều gì ngu xuẩn vậy?”.

Một lần nữa, mắt tôi quét qua rạp xiếc và dừng lại ở vẻ rạng rỡ trên khuôn mặt Hautboy. Nhưng vẻ vui tươi chân thành, sáng rõ ấy như chế nhạo sự khinh miệt của tôi. Ngay khoảnh khắc tôi cảm nhận được mũi tên chỉ trích đó, mắt ông lại lấp lánh, tay vẫy, giọng cất lên đầy thích thú trước một trò đùa khác của gã hề không bao giờ cạn vốn liếng.

Tan buổi xiếc, chúng tôi đến tiệm Taylor. Giữa đám đông thực khách, chúng tôi ngồi xuống bên một chiếc bàn đá cẩm thạch nhỏ với món hầm và rượu punch. Hautboy ngồi đối diện tôi. Dù vẻ hưng phấn đã dịu đi nhiều, khuôn mặt ông vẫn bừng sáng niềm vui. Nhưng thêm vào đó là phẩm chất mà trước đó không quá nổi bật: một vẻ điềm tĩnh của sự sâu sắc và lẽ phải. Lẽ phải và sự hài hước ở ông như nắm tay nhau. Trong hầu hết những nhận xét về đủ mọi đề tài, Hautboy dường như luôn chạm đúng ranh giới giữa sự nhiệt tình và sự thờ ơ bằng trực giác. Rõ ràng là trong khi Hautboy nhìn thế giới đúng như bản chất của nó, ông không hề thiên lệch cho phần tươi sáng hay phía tăm tối. Ông khước từ mọi giải pháp và chỉ chấp nhận sự thật. Những gì buồn đau trên thế giới, ông không phủ nhận một cách nông cạn; những gì vui sướng, ông không chế nhạo một cách hoài nghi; và tất cả những gì cá nhân ông thấy thú vị, ông đều đón nhận vào lòng với sự biết ơn.



Sực nhớ ra một cuộc hẹn, ông cầm mũ, cúi chào nhã nhặn rồi rời đi.

"Sao? Helmstone!", Standard vừa gõ nhịp xuống mặt bàn vừa nói, "cậu nghĩ gì về người quen mới của mình?"

Hai chữ "người quen mới" vang lên với một ý nghĩa lạ lùng và mới mẻ.

"Đúng là người quen mới", tôi lặp lại. "Standard, tôi nợ anh ngàn lời cảm ơn vì đã giới thiệu tôi với một trong những người đàn ông kỳ lạ nhất tôi từng thấy. Phải tận mắt thấy một người như vậy thì mới tin nổi họ có tồn tại".

"Vậy là cậu khá thích ông ta", Standard nói với giọng mỉa mai khô khốc.

"Tôi rất yêu mến và ngưỡng mộ ông ấy, Standard. Tôi ước mình là Hautboy".

"Thế sao? Tiếc thật đấy. Trên đời này chỉ có một Hautboy mà thôi".

Nhận xét cuối cùng này khiến tôi lại rơi vào suy ngẫm, và bằng cách nào đó, nó khơi dậy tâm trạng u ám của tôi.

"Tôi đoán sự vui vẻ tuyệt vời của hần", tôi nói, giọng đầy vẻ hần, "không phải do vận may mà do bản tính may mắn. Sự thông thái của ông ấy là rõ ràng; nhưng thông thái có thể tồn tại mà không cần thiên phú siêu phàm. Thậm chí, tôi cho rằng trong một số trường hợp, sự thông thái có được chỉ đơn giản là vì thiếu vắng những thiên phú ấy. Sự vui vẻ cũng vậy. Không có thiên tài, Hautboy được ban phước đời đời".

"À? Vậy cậu không nghĩ ông ấy là một thiên tài phi thường sao?". "Thiên tài? Cái gì cơ! Một gã thấp béo như thế mà là thiên tài ư! Thiên tài, giống như Cassius, phải gầy gò mảnh khảnh". "Thế sao? Nhưng cậu không thể tưởng tượng rằng Hautboy trước kia có thể là một thiên tài, nhưng may mắn rũ bỏ được nó để rồi cuối cùng mới béo tốt lên được như vậy sao?"

"Với một thiên tài, việc rũ bỏ thiên tài của mình cũng bất khả thi như một người đang ở giai đoạn cuối của bệnh lao muốn rũ bỏ căn bệnh ấy vậy". "À? Cậu nói nghe quyết đoán quá". "Đúng thế, Standard", tôi gào lên, cơn cay cú tăng dần, "gã Hautboy tươi tỉnh của anh suy cho cùng chẳng phải khuôn mẫu hay bài học gì cho anh và tôi cả. Với năng lực trung bình; quan điểm rõ ràng vì hạn hẹp; đam mê phục tùng vì yếu ớt; tính tình vui vẻ vì sinh ra đã thế - làm sao Hautboy của anh có thể là tấm gương hợp lý cho một gã thạo việc như anh, hay một kẻ mơ mộng đầy tham vọng như tôi? Không có gì cảm dỗ hần vượt qua giới hạn thông thường; bản thân hần chẳng có gì để phải kìm nén. Ngay từ bản chất, hần đã được miễn trừ khỏi mọi tổn hại đạo đức. Thử để tham vọng đâm chọc hần xem; chỉ cần một lần hần nghe thấy tiếng vỗ tay, hoặc chịu đựng sự khinh miệt, Hautboy của anh sẽ là một người rất khác".

"Thế à?"

"Tại sao anh cứ 'Thế à' với tôi một cách kỳ lạ mỗi khi tôi nói vậy?"

"Cậu đã bao giờ nghe nói về Master Betty chưa?"

"Thần đồng người Anh lừng danh, kẻ đã soán ngôi của Siddons và Kembles ở nhà hát Drury Lane từ lâu, và khiến cả thành phố phát điên vì tung hô ấy hả?". "Ông ấy cũng dạng như vậy", Standard nói, một lần nữa khẽ gõ nhịp lên mặt bàn.

Tôi nhìn anh bạn, bối rối. Anh dường như đang nắm giữ chiếc chìa khóa vạn năng cho chủ đề của chúng tôi nhưng lại giữ kín một cách bí ẩn; dường như, anh lôi Master Betty ra chỉ để làm tôi thêm lúng túng.

“Trời đất ơi, Master Betty, thiên tài thần đồng, cậu bé người Anh mười hai tuổi đó, thì có liên quan gì đến gã Hautboy tầm thường lảm lủi, một người Mỹ bốn mươi tuổi?”. “Ồ, chẳng liên quan chút nào. Tôi không nghĩ họ từng gặp nhau. Và lại, Master Betty chắc hẳn đã chết và mồ yên mả đẹp từ lâu rồi”. “Vậy tại sao anh phải băng qua đại dương và quật mồ lên để kéo di cốt cậu ta vào cuộc thảo luận sống động này?”.

“Chắc là tôi lơ đãng thôi. Thành thực xin lỗi. Cậu tiếp tục nhận xét về Hautboy đi. Cậu nghĩ ông ta chưa bao giờ có thiên tài, quá đỗi bằng lòng, hạnh phúc và béo tốt cho việc đó - thế à? Cậu ngưỡng mộ sự vui vẻ của ông ấy, trong khi lại khinh miệt tâm hồn tầm thường của ông ta. Tội nghiệp Hautboy, thật buồn làm sao khi chính sự vui vẻ của ông lại mang đến sự coi thường từ một người bạn!”.

“Tôi không nói là tôi khinh miệt hẳn; anh thật bất công. Tôi chỉ tuyên bố rằng ông ấy không phải khuôn mẫu cho tôi”.

Một tiếng động đột ngột bên cạnh thu hút sự chú ý của tôi. Quay lại, tôi thấy Hautboy, y đang vui vẻ ngồi lại vào chiếc ghế mình vừa rời đi.

“Tôi bị muộn cuộc hẹn mất rồi”, Hautboy nói, “nên tôi nghĩ mình sẽ chạy quay lại đây với các anh. Nhưng thôi, các anh ngồi đây đủ lâu rồi. Hãy đến phòng tôi đi. Chỉ mất năm phút đi bộ thôi”.

“Nếu anh hứa sẽ kéo đàn cho chúng tôi nghe, chúng tôi sẽ đi”, Standard nói.

Kéo đàn! - tôi nghĩ - vậy ra ông ta là một gã thợ đàn rẻ tiền à? Hèn gì thiên tài lại từ chối bước đi cùng nhịp với cây vĩ của một gã kéo đàn. Cơn cay cú trong tôi giờ đây lên đến đỉnh điểm.

“Tôi sẽ rất vui lòng kéo đàn cho các anh nghe thỏa thích”, Hautboy đáp lời Standard. “Đi nào”.

Vài phút sau, chúng tôi có mặt ở tầng năm của một kiểu nhà kho trong một con phố phụ rẽ ra từ Broadway. Nơi đó được bày biện kỳ lạ với đủ loại đồ đạc cũ kỹ như được mua gom từng món từ các buổi đấu giá đồ gia dụng lỗi thời. Nhưng tất cả đều sạch sẽ và ấm cúng một cách quyến rũ.

Theo lời thúc giục của Standard, Hautboy lập tức lấy ra cây vĩ cầm cũ kỹ đầy vết móp, ngồi xuống một chiếc ghế đầu cao lưng lay, và bắt đầu chơi một cách đầy sáng khoái bản *Yankee Doodle* cùng những giai điệu ngẫu hứng, dồn dập và tự tại đến mức đáng kinh ngạc. Dù bản nhạc đó rất phổ biến, tôi vẫn bị sững sờ bởi một điều gì đó vượt trội đến kỳ diệu trong cách chơi. Ngồi đó trên chiếc ghế cũ, chiếc mũ sồn đội lệch sang một bên, một chân đứng đưa lơ lửng, ông điều khiển cây vĩ như một vị phù thủy. Mọi sự bất mãn u ám, mọi dấu vết của sự căm ghét trong tôi đều tan biến. Toàn bộ tâm hồn cay cú của tôi đã đầu hàng trước cây vĩ cầm ma thuật.

“Có chút gì đó của Orpheus, phải không?”, Standard nói, hích khẽ vào mạn sườn trái của tôi đầy ẩn ý.

“Và tôi là con gấu bị bỏ bùa”, tôi lẩm bẩm.

Tiếng đàn dứt. Một lần nữa, với sự tò mò tăng gấp bội, tôi nhìn sâu vào con người tự tại, hờ hững là Hautboy. Nhưng ông hoàn toàn thách thức mọi sự dò xét.

Khi từ biệt ông, tôi và Standard lại ra phố, tôi khẩn nài anh ta nói cho tôi biết sự thật rằng Hautboy kỳ diệu này là ai.

“Kia, cậu không thấy hần ta sao? Cậu còn muốn biết thêm điều gì nữa? Chắc hần cái nhìn tinh tường của cậu đã giúp cậu hiểu thấu tất cả rồi”.

“Anh giấu cọt tôi đấy à, Standard. Có điều gì bí mật ở đây. Nói cho tôi biết đi, tôi xin anh, Hautboy là ai?”.

“Một thiên tài phi thường, Helmstone ạ”, Standard đột ngột nói với vẻ nồng nhiệt, “người ngay từ thời niên thiếu đã uống cạn chén rượu vinh quang; người mà mỗi khi đi qua các thành phố là một hành trình từ chiến thắng này đến chiến thắng khác. Người từng là đối tượng ngưỡng mộ của những bậc hiền triết nhất, được những người đẹp nhất cung chiêu, nhận được sự tôn kính công khai của hàng vạn, hàng vạn đám đông. Nhưng ngày nay, ông đi trên đại lộ Broadway và không một ai nhận ra. Người từng hàng trăm lần được đội vòng nguyệt quế, giờ đây, như cậu thấy đấy, đội một chiếc mũ sờn rách. Xưa kia vận may từng trút những cơn mưa vàng vào lòng ông. Ngày nay, ông đi từ nhà này sang nhà khác, dạy kéo đàn để mưu sinh. Từng tràn đầy danh vọng, giờ đây, ông vẫn vui vẻ khi không còn nó nữa. Có thiên tài mà không cần danh vọng, ông còn hạnh phúc hơn cả một vị vua. Bây giờ, ông còn là một kỳ quan hơn bao giờ hết”.

“Tên thật của ông ấy là gì?”.

“Để tôi thì thầm vào tai cậu”.

“Cái gì! Ôi, Standard, chính tôi khi còn là một đứa trẻ đã gào đến khản cổ để vỗ tay cho chính cái tên đó trong nhà hát”.

“Tôi nghe nói bài thơ của cậu không được đón nhận nồng nhiệt lắm”, Standard nói, đột ngột chuyển chủ đề.

“Vi Chúa, đừng nhắc một lời nào về chuyện đó nữa!”, tôi kêu lên. “Nếu Cicero, khi đi du hành phương Đông, đã tìm thấy sự an ủi cho nỗi đau của mình khi chứng kiến sự sụp đổ hoang tàn của một thành phố từng lộng lẫy, thì chuyện vật vãnh của tôi có là gì đâu, khi tôi được nhìn thấy ở Hautboy những nhành dây leo và hoa hồng đang leo trên những cây cột vỡ vụn trong ngôi đền Danh Vọng đã sụp đổ của ông ấy?”.

Ngày hôm sau, tôi xé bỏ tất cả các bản thảo của mình, mua một cây vĩ cầm, và đến thụ giáo những bài học bài bản từ Hautboy.

LÊ MINH KHA dịch

(từ *The Fiddler*)

Nguồn: <https://www.classicshorts.com/stories/fiddler.html>

Chiếc ghế cuối hành lang

THANH TUYẾN

1.

Người ta vừa sơn lại chiếc ghế cuối hành lang. Lớp sơn xanh còn mới, mùi sơn chưa kịp tan, phủ kín những vết trầy xước đã hằn lên mặt ghế qua bao năm tháng. Người hộ lý trẻ chống tay ngấm thành quả của mình rồi cười:

- Trông như mới hẳn.

Bác bảo vệ già không đáp. Ông chỉ đưa tay vuốt nhẹ lên thành ghế, như tìm một điều gì đó dưới lớp sơn còn nhẵn.

Rồi rất khẽ, ông nói:

- Có những thứ cũ đi thì mới đáng quý.

Cậu hộ lý không hiểu.

Cũng phải thôi. Cậu mới đến bệnh viện được hơn ba tháng. Ba tháng chưa đủ để biết chiếc ghế ấy đã chứng kiến bao nhiêu cuộc chia ly, bao nhiêu lần đoàn tụ, bao nhiêu đêm người ta ngồi đến tê cứng đôi chân chỉ để chờ một cánh cửa mở ra.

Chiếc ghế không biết nói. Nếu biết,

có lẽ nó sẽ kể nhiều hơn tất cả những cuốn hồ sơ bệnh án được cất trong kho lưu trữ.

Mười năm trước. Mai mười sáu tuổi. Buổi chiều nào tan học em cũng đạp xe đến bệnh viện.

Không phải vì thích nơi ấy. Em ghét bệnh viện. Ghét mùi thuốc sát khuẩn bám mãi trên áo mẹ. Ghét những bữa cơm nguội lạnh không người ngồi đối diện. Ghét những lần sinh nhật chỉ có chiếc bánh nhỏ mua lúc gần nửa đêm.

Và ghét nhất câu nói mà mẹ lặp đi lặp lại:

- Đợi mẹ một chút.

"Có lẽ cả đời mẹ chỉ biết bảo mình đợi". Có lần Mai đã nghĩ như thế. Rồi lặng lẽ ngồi xuống chiếc ghế cuối hành lang.

Những ngày đầu, Mai chỉ đến bệnh viện vì không còn lựa chọn nào khác.

Cha mất trong một vụ tai nạn lao động khi em mới lên tám. Từ đó, bệnh viện trở thành nơi mẹ gửi gần như trọn vẹn quỹ thời gian của mình. Tan học, thay vì về căn phòng trọ chỉ có chiếc quạt cũ quay lặng lẽ, Mai thường đạp xe đến khoa Cấp cứu, ngồi ở chiếc ghế cuối hành lang đợi mẹ hết ca trực.

Chiếc ghế ấy chẳng có gì đặc biệt. Nó cũ, thấp hơn những chiếc ghế khác một chút vì một chân đã mòn. Mỗi lần có người ngồi xuống lại phát ra tiếng “cộc” rất khê, như tiếng một người già trở mình trong đêm.

Mai từng nghĩ mình là người hiểu chiếc ghế ấy nhất. Sau này em mới biết, ai ngồi lên đó cũng từng nghĩ như vậy.

Điều Mai ghét nhất ở bệnh viện không phải mùi thuốc sát trùng. Mà là thời gian. Ở đây, thời gian không được tính bằng giờ. Người ta tính bằng số lần cánh cửa phòng cấp cứu mở ra.

Một lần mở. Một người chạy đến.

Một lần mở. Một tiếng khóc bật lên.

Rồi cánh cửa khép lại. Mọi người lại tiếp tục chờ.

Có những buổi chiều, Mai đọc xong mấy chục trang sách. Có những buổi chiều, em nhìn đồng hồ hàng trăm lần mà kim phút dường như không nhúc nhích. Mẹ vẫn chỉ đi ngang qua rất nhanh.

Có hôm chỉ kịp đặt vào tay em một hộp sữa còn lạnh.

- Uống đi.

- Còn mẹ?

- Mẹ ăn rồi.

Rồi mẹ lại chạy. Mai nhìn theo bóng lưng ấy. Em chẳng hề biết rằng trong

ngăn tủ trực của mẹ, hộp cơm vẫn còn nguyên.

2.

Sinh nhật mười sáu tuổi của Mai rơi vào một ngày mưa. Lần đầu tiên sau nhiều năm, mẹ hứa:

- Sáu giờ mẹ tan ca. Mẹ con mình về sớm. Mẹ mua bánh rỏi.

Mai không tin lắm. Nhưng vẫn thấy trong lòng nhen lên một niềm vui nhỏ.

Tan học, em không đến bệnh viện. Em về phòng trọ. Nhanh nhẹn chạy vào lấy khăn lau lại chiếc bàn học. Cắm một cành cúc trắng vào chiếc lọ thủy tinh. Đặt hai cái bát lên bàn.

Đồng hồ điểm sáu giờ. Không thấy mẹ.

Sáu giờ ba mươi. Điện thoại không liên lạc được.

Bảy giờ. Chiếc bánh nhỏ trên bàn bắt đầu chảy lớp kem. Ngoài cửa sổ, mưa rơi mỗi lúc một nặng hạt.

Tám giờ tối.

Chìa khóa xoay rất khê. Mẹ bước vào. Áo blouse ướt sũng. Ống quần còn lấm bùn. Trên má có một vệt máu đã khô từ lúc nào.

Trong tay mẹ vẫn cầm chiếc hộp quà được gói bằng giấy màu xanh. Mẹ nhìn chiếc bánh đã xẹp xuống. Khẽ cười - một nụ cười đầy áy náy.

- Xin lỗi con...

Mai đứng dậy, ngắt ngang lời mẹ nói. Giọng bình thản đến lạ.

- Mẹ đâu cần xin lỗi.

- Dù sao mẹ cũng quen chọn người khác trước con rồi.

Căn phòng bỗng im phẳng phắc. Tiếng mưa ngoài hiên nghe rõ đến từng giọt.



Minh họa: Nguyễn Văn Căn

Mẹ vẫn đứng đó. Rồi chỉ khẽ nói:

- Hôm nay... có một bé gái bị tai nạn.

- Nếu mẹ...

Mẹ không nói hết câu. Chỉ cúi xuống đặt hộp quà lên bàn. Đó là lần đầu tiên Mai thấy vai mẹ chùng xuống như thể chiếc áo blouse đã nặng hơn rất nhiều.

Đêm ấy, hai mẹ con ăn bánh sinh nhật đã chảy kem. Không ai nói với ai một lời.

Sáng hôm sau.

Mai đến bệnh viện như mọi ngày. Chiếc ghế cuối hành lang vẫn ở đó. Bác bảo vệ đang lau nước mưa còn đọng trên mặt ghế.

Thấy Mai, bác gọi lại.

- Con biết không... Hôm qua mẹ con cứu được cô bé rồi.

Mai ngẩng lên.

Bác nhìn về phía phòng cấp cứu.

Giọng chậm rãi:

- Lúc đưa vào, tim con bé ngừng gần ba phút. Nếu mẹ con rời ca sớm... Chắc chẳng kịp nữa.

Mai không đáp. Em ngồi xuống chiếc ghế quen thuộc ấy. Lần đầu tiên kể từ khi biết giận mẹ, em thấy chiếc ghế dưới mình nặng đến lạ.

Tiếng "cộc" khẽ vang lên khi em tựa lưng. Âm thanh nhỏ ấy bỗng khiến em nhớ đến chiếc bánh sinh nhật chưa kịp cắt tối qua.

Và lần đầu tiên, em tự hỏi:

Nếu người nằm trong phòng cấp cứu là mình. Liệu mình có mong bác sĩ về nhà đúng giờ không?

3.

Sau buổi sinh nhật ấy, Mai không còn trách mẹ nữa. Nhưng cũng không vì thế mà khoảng cách giữa hai người ngắn lại. Có những yêu thương không mất đi. Chỉ là chúng đứng ở hai đầu của sự im lặng.

Mẹ vẫn phải trực. Mai vẫn ngồi ở chiếc ghế cuối hành lang. Hai người gặp nhau bằng những câu nói rất ngắn.

- Con ăn cơm chưa?

- Rồi.

- Hôm nay học có mệt không?

- Cũng bình thường.

Rồi mẹ lại đi. Mai lại mở sách ra đọc. Những cuộc trò chuyện của hai mẹ con, nếu viết ra, có lẽ còn không đầy một trang giấy.

Bệnh viện có rất nhiều người qua lại. Nhưng điều kỳ lạ là càng đông, người ta càng ít nói.

Người đàn ông ngồi đối diện Mai chiều nào cũng cầm theo một chiếc bình giữ nhiệt màu bạc. Ông chẳng bao giờ mở nắp. Chỉ ôm nó trong lòng.

Ba ngày sau, Mai mới biết trong bình không có nước mà là cháo.

Vợ ông đang hôn mê. Bác sĩ dặn nếu bà tỉnh thì có thể ăn ngay. Thế là ngày nào ông cũng nấu một bình cháo mới. Mang đến. Rồi mang về. Mai chưa từng thấy ai kiên nhẫn đến vậy.

Có một cậu bé khoảng tám tuổi thường lang thang ở cuối hành lang. Cậu không có điện thoại.

Không có đồ chơi. Mỗi ngày chỉ ngồi xếp những chiếc nắp chai nước thành một hàng dài trên nền gạch.

Mai hỏi:

- Em đang làm gì vậy?

Cậu bé cười.

- Em làm đường.

- Để làm gì?

- Để ba em đi về.

Mai im lặng.

Đến lúc bác bảo vệ ghé tai em nói nhỏ:

- Ba nó mất cách đây hai hôm rồi. Nó chưa biết. Gia đình bảo cứ để nó nghĩ ba còn đang ngủ trong phòng hồi sức.

Mai quay lại nhìn. Cậu bé vẫn cặm cùi xếp những chiếc nắp chai rất ngay ngắn. Giống như một người đang tin rằng chỉ cần con đường đủ dài... Ai đó sẽ trở về.

4.

Chiều hôm ấy, bệnh viện bất ngờ mất điện. Máy phát dự phòng khởi động sau vài giây. Chỉ vài giây thôi. Nhưng cả hành lang tối sầm.

Trong bóng tối ngắn ngủi ấy, Mai nghe rất rõ tiếng ai đó nắm chặt tay người bên cạnh. Tiếng một đứa trẻ khóc. Tiếng người mẹ dỗ dành. Tiếng dép của điều dưỡng chạy rất nhanh.

Rồi ánh sáng bật lên. Mọi thứ lại trở về như cũ. Chỉ có Mai vẫn ngồi yên. Em chợt nhận ra... Con người sợ bóng tối không phải vì không nhìn thấy đường. Mà vì không biết người mình thương còn ở đó hay không.

Đêm ấy, về đến phòng trọ. Mai mở hộp quà mà mẹ tặng. Bên trong không phải điện thoại. Không phải quần áo mới. Chỉ là một chiếc đồng hồ đeo tay

rất giản dị. Dưới đáy hộp có một mẩu giấy nhỏ. Nét chữ mẹ hơi nghiêng.

"Mẹ không mong con chờ mẹ mãi. Mẹ chỉ mong sau này, dù cuộc đời bắt con phải chờ điều gì, con vẫn đủ dịu dàng để tin và đợi."

Mai đọc xong. Gấp tờ giấy lại. Đặt vào hộp.

Đó là lần đầu tiên em hiểu... Có những người không giỏi nói lời yêu thương. Họ dành cả cuộc đời để sống thay cho lời nói ấy.

5.

Có những đêm, bệnh viện không ngủ. Không phải vì ánh đèn. Mà vì quá nhiều người còn chưa dám nhắm mắt.

Hôm ấy là một tối cuối thu. Mưa rơi từ chiều, dai dẳng như thể bầu trời cũng đang kiệt sức. Những vũng nước loang trên sân bệnh viện phản chiếu ánh đèn vàng nhạt. Tiếng còi xe cứu thương từ xa vọng lại, lúc đầu mơ hồ, rồi mỗi lúc một gần.

Tiếng bánh xe cồng sắt nghiêng gập trên nền gạch. Tiếng người gọi nhau. Tiếng bác sĩ dặn dò. Tiếng cửa phòng cấp cứu bật mở rồi khép lại liên tục. Mọi thứ hòa lại như một đồng hồ hỗn độn.

Mai chưa từng thấy bệnh viện đông đến thế. Một vụ tai nạn xe khách trên đèo. Hơn hai mươi người được đưa vào cùng lúc. Cả hành lang như bị cuốn vào một cơn lốc.

Mẹ chạy ngang qua Mai. Không kịp dừng lại xoa đầu em như mọi ngày.

Chỉ kịp nói vọng lại:

- Hôm nay... đừng chờ mẹ.

Mai nhìn theo bóng dáng quen thuộc ấy. Đó là lần đầu tiên mẹ nói như

vậy. Nhưng em vẫn ngồi xuống chiếc ghế ấy. Không phải vì buồn bực. Mà bởi em chẳng biết mình còn có thể đi đâu.

Một người đàn ông quỳ sụp trước cửa phòng cấp cứu.

Ông nắm lấy vạt áo bác sĩ.

- Xin cứu vợ tôi... xin bác sĩ...

Bác sĩ chỉ khẽ gỡ tay ông ra.

- Chúng tôi sẽ cố hết sức.

Câu nói ấy Mai đã nghe rất nhiều lần. Nó không phải một lời hứa. Đó chỉ là tất cả những gì người thầy thuốc có thể nói khi đứng trước ranh giới của sự sống và cái chết.

Khoảng hai giờ sau, một cô điều dưỡng trẻ bước vội ra ngoài. Khẩu trang đã ướt đầm mồ hôi. Cô vừa chạy vừa ăn vội nửa chiếc bánh mì. Chưa kịp nuốt xong đã lại quay vào. Mai bỗng nhớ ra... Mẹ cũng chưa ăn tối.

Hành lang mỗi lúc một đông. Những chiếc ghế không còn đủ. Có người ngồi bệt xuống nền gạch lạnh. Có người đứng tựa vào tường suốt nhiều giờ. Một bà cụ lặng lẽ lén chuối hạt trong tay. Một cậu bé ôm chiếc cặp học sinh ngủ gục trên vai bà ngoại. Một cô gái trẻ cứ nhìn chăm chăm vào đôi giày dính bùn của mình như thể sợ chỉ cần ngẩng đầu lên, điều tồi tệ sẽ trở thành sự thật. Mai bất giác đứng dậy. Em nhường chỗ cho một người phụ nữ đang bế đứa con nhỏ. Lần đầu tiên sau nhiều tháng ngồi ở chiếc ghế ấy, em không nghĩ đến việc giữ chỗ cho mình.

Đêm càng về khuya. Tiếng mưa nhỏ dần. Tiếng khóc cũng ít đi. Không phải vì nỗi đau đã vơi mà bởi có những nỗi đau, sau khi đi qua đỉnh điểm, chỉ còn lại sự lặng im.

Mai đi xuống căn tin mua vài chai nước. Trở lên, em thấy bác lao công vẫn đang cầm cùi lau sàn.

Bà cúi rất thấp. Cẩn thận lau từng vệt máu còn sót lại sau trận khủng hoảng vừa rồi.

Mai khẽ hỏi:

- Bác... có mệt không?

Bà chống cây lau, cười hiền.

- Mệt chứ.

- Vậy sao bác vẫn làm?

Bà nhìn nền gạch vừa được lau sạch.

- Vì sáng mai sẽ lại có người bước qua đây. Ít nhất họ không nên giẫm lên nỗi đau của người khác.

Mai sưng người. Đó chỉ là một câu nói rất bình thường. Nhưng nó ở lại trong đầu em rất lâu.

Gần ba giờ sáng.

Cánh cửa phòng cấp cứu mở ra. Mẹ bước ra ngoài. Áo blouse trắng lấm tẩm những vệt máu đã khô. Khẩu trang kéo xuống dưới cằm. Mái tóc bết lại vì mồ hôi. Mai chưa bao giờ thấy mẹ già đến thế.

Mẹ ngồi xuống. Đứng chiếc ghế cuối hành lang.

Đó là lần đầu tiên kể từ khi Mai biết nhận thức, mẹ ngồi ở chiếc ghế ấy. Không nói. Chỉ cúi đầu. Hai bàn tay run rất khẽ. Trên mu bàn tay còn hằn những vết siết đồ của đôi găng tay cao su. Mai ngồi xuống bên cạnh. Không ai nói gì. Bởi có những sự mệt mỏi không thể được an ủi bằng lời.

Một lúc sau, mẹ cất giọng, khàn đặc:

- Mười hai người...

Mai quay sang. Mẹ nhìn thẳng về cánh cửa phòng cấp cứu. Ánh mắt trống rỗng.

- Đêm nay... mẹ giữ được mười hai người.

Mẹ dừng lại. Đôi môi khẽ run.

- Nhưng không giữ được một người. Là một cậu bé... Chỉ lớn hơn con một tuổi.

Mai thấy cổ họng mình nghẹn lại. Em định nắm lấy tay mẹ. Nhưng rồi khựng lại. Bàn tay ấy vẫn còn vương mùi thuốc sát khuẩn và máu.

Lần đầu tiên, em hiểu rằng...

Người mặc áo blouse trắng không phải những con người không biết đau. Họ chỉ không được phép gục ngã trước khi ca trực kết thúc.

Mẹ khẽ tựa lưng vào thành ghế. Một giọt nước mắt lặng lẽ rơi. Không nức nở, không ồn ào, không dữ dội. Chỉ lặng lẽ như một giọt nước truyền đang nhỏ xuống từng nhịp.

Mai chưa từng thấy mẹ khóc. Suốt 16 năm kể từ ngày em sinh ra. Mẹ vẫn luôn là người đứng ở phía bên kia cánh cửa. Là người an ủi. Là người động viên. Là người nói với người khác rằng "hãy mạnh mẽ".

Nhưng đêm nay... Mẹ cũng chỉ là một người mẹ. Một người phụ nữ đã kiệt sức sau khi cố giữ lấy những điều vượt quá khả năng của mình.

Mai nhẹ nhàng nắm lấy bàn tay mẹ. Bàn tay ấy lạnh, rất lạnh. Em siết chặt đôi bàn tay ấy hơn một chút. Không nói thêm gì.

Bởi cuối cùng em cũng hiểu... Có

những cái nắm tay không phải để xoa đi nỗi đau.

Mà để nói với người đối diện rằng: "Con biết... mẹ đã cố hết sức rồi".

6.

Mười năm sau.

Mai trở về bệnh viện vào một sáng đầu đông. Sương mỏng còn đọng trên những tán bằng lăng trước cổng.

Bệnh viện đã xây thêm một tòa nhà mới. Những bức tường cũ được sơn lại. Hệ thống lấy số tự động thay cho những hàng người chen chúc năm xưa.

Chỉ có chiếc ghế cuối hành lang vẫn còn. Nó được chuyển sang sát ô cửa kính. Lớp sơn xanh đã tróc gần hết. Một chân ghế vẫn thấp hơn chân còn lại.

Mỗi lần có người ngồi xuống, nó vẫn khẽ kêu một tiếng rất nhỏ. Mai bật cười. Mười năm rồi. Đến cả chiếc ghế cũng đã già.

Mai ngồi xuống chỗ ngồi quen thuộc năm xưa. Bên cạnh em là một cậu bé khoảng mười lăm tuổi. Trên vai còn đeo cặp sách. Đôi chân cứ rung lên vì lo lắng.

Cậu hỏi rất khẽ:

- Chị ơi...

- Hà?

- Người nhà em đang cấp cứu. Liệu có ổn không chị?

Mai nhìn cậu. Ánh mắt ấy ngày xưa em cũng từng có. Ánh mắt của một người đặt tất cả hi vọng của mình sau cánh cửa đóng kín.

Mai im lặng vài giây. Rồi mỉm cười.

- Anh chị trong đó sẽ cố hết sức.

Đó là câu nói mẹ từng nói. Là câu

nói của tất cả những người khoác màu áo trắng với sứ mệnh cao cả.

Mai hiểu đó không phải lời hứa. Mà là sự tử tế cuối cùng người ta có thể dành cho nhau giữa lúc bất lực.

Một điều dưỡng trẻ đi ngang qua Mai. Mái tóc búi cao. Bước chân rất nhanh. Mai bỗng thấy bóng mẹ của mười năm trước.

Ngày ấy, em từng trách mẹ. Trách vì mẹ luôn dành thời gian cho người khác. Trách vì những bữa cơm nguội. Những buổi họp phụ huynh vắng bóng. Những ngày sinh nhật chỉ có chiếc bánh nhỏ mua vội lúc gần nửa đêm.

Lớn lên rồi Mai mới hiểu. Có những người làm nghề cứu người. Đồng nghĩa với việc họ phải chấp nhận có lúc không thể ở cạnh chính người mình yêu thương nhất.

Tiếng còi xe cứu thương lại vang lên.

Một chiếc cáng được đẩy thật nhanh qua hành lang.

Mọi người cùng đứng dậy. Theo phản xạ. Không ai bảo ai. Họ cùng nhường đường. Trong khoảnh khắc ấy. Mai nhận ra... Con người vẫn luôn tốt hơn mình tưởng. Chỉ cần họ đứng đủ gần nỗi đau của nhau.

Cậu bé bên cạnh cúi đầu. Hai bàn tay siết chặt đến trắng bệch. Mai đặt nhẹ chai nước vào tay cậu.

- Uống chút đi em.

Cậu ngẩng lên. Khẽ nói:

- Cảm ơn chị.

Mai cười. Nụ cười rất nhẹ. Bất giác nhớ đến bà lao công với câu nói: "Máu lau được. Chỉ có nỗi đau là lau mãi không sạch.

Chiếc ghế vẫn lặng im dưới ánh nắng đầu ngày. Nó không biết nói. Không biết khóc. Không biết giữ chân bất kỳ ai. Nhưng nó đã âm thầm cất giữ biết bao nhịp tim run rẩy. Biết bao lời cầu nguyện. Biết bao cuộc chia ly. Và cả những phép màu.

Mai chợt hiểu. Suốt những năm tháng tuổi mười sáu, điều đã nuôi em lớn lên không chỉ là tình yêu của mẹ mà còn là lòng trắc ẩn. Thứ đã nẩy mầm từ một chiếc ghế cũ kỹ ở cuối hành lang.

Rời khỏi bệnh viện. Mai đi rất chậm. Những tia nắng đầu ngày trải dài trên bậc thềm, dịu dàng như thể chưa từng có một đêm trắng nào đi qua nơi ấy.

Phía sau lưng em, chiếc ghế cuối hành lang vẫn lặng lẽ ở đó. Rồi sẽ lại có một người ngồi xuống.

Một người mẹ.

Một đứa con.

Một người chồng.

Một người cha.

Hay một ai đó chưa từng biết mình sẽ phải học cách chờ đợi chỉ sau một đêm.

T.T

** Tác phẩm từ Lớp bồi dưỡng sáng tác Văn học trẻ năm 2026*

Mùa hè rực rỡ

Truyện ngắn PHAN LINH CHÂU

Lâm nhìn ra cửa sổ toa tàu, những tòa nhà cao tầng của thành phố lùi xa dần, nhường chỗ cho những mảng xanh mượt mát của ruộng lúa và những rặng phi lao chạy dài. Trong ba lô của cậu, ngoài vài bộ quần áo, chỉ có bộ bút chì 48 màu và một cuốn sổ vẽ khổ A4 còn trắng tinh. Lâm không thích mùa hè ở quê. Trong tâm trí của một đứa trẻ mười hai tuổi chỉ quen với điều hòa và tiếng tivi, mùa hè ở quê nội đồng nghĩa với cái nắng rất bỏng, muỗi đốt và sự im lặng đến đáng sợ của những buổi trưa vắng người.

- “Đến nơi rồi con, xem thơm chưa nè! Mùi thơm rạ đấy!” - Bố vỗ vai Lâm khi cả hai bước xuống con đường đất dẫn vào làng.

Lâm nhăn mũi. Mùi thơm khô nồng nồng, quện với mùi bùn ao tạo thành một thứ hỗn hợp đặc quánh trong không khí nóng hầm hập. Cậu kéo chiếc vali màu xanh lạch cạch trên sỏi đá, cảm thấy mình giống như một phi hành gia vừa đổ bộ xuống một hành tinh xa lạ vậy.

Chiều hôm đó, khi đang ngồi ở hiên nhà của nội, cố gắng vẽ lại một bông hoa phượng vĩ vừa rụng xuống sân, một bóng đen nhỏ thó xuất hiện. Đó là một cậu bé đen nhẻm, tóc húi cua, mặc chiếc áo ba lỗ bạc màu và chiếc quần đùi lấm lem bùn đất: “Cậu vẽ đẹp đấy, nhưng màu đỏ này thiếu... tiếng cười”.

Lâm ngước lên, ngạc nhiên. Cậu bé kia đang nhe răng cười, đôi mắt sáng rực như hai hạt nhãn. Trên tai trái của cậu ta có một thiết bị nhỏ bằng nhựa màu da. Là một chiếc máy trợ thính.

- “Tiếng cười nào có màu đỏ?” - Lâm hỏi, giọng đầy vẻ nghi ngại.

- “Có chứ! Đò của phượng là đò của những ngày chạy nhảy, đò của tiếng ve rung cả lá cây. Cậu vẽ nó nằm im quá, giống như nó đang buồn ấy!” - Cậu bé chìa tay ra: “Tớ là Khôi, là “trùm” của cái đầm sen đằng kia. Muốn đi thu hoạch mùa hè với tớ không?”.

Lâm không hiểu “thu hoạch mùa hè” là gì, nhưng sự tò mò đã chiến thắng nỗi sợ hãi. Khôi dẫn Lâm ra phía sau làng, nơi có một đầm sen bát ngát đang mùa nở rộ. Mùi hương sen thanh khiết, dịu nhẹ tỏa ra, xoa dịu cái nóng gắt của buổi chiều tháng Sáu. Dưới gốc một cây đa cổ thụ, Khôi lôi ra từ trong hốc cây một chiếc túi vải cũ. Bên trong là sáu chiếc lọ thủy tinh sạch bóng, vốn là lọ đựng kẹo hay mút đã dùng hết.

- “Đây là kho báu của tớ” - Khôi tự hào nói - “Mùa hè trôi qua nhanh lắm, nếu không nhốt nó lại, nó sẽ bay mất tiêu”.

Nhiệm vụ của họ bắt đầu. Khôi dạy Lâm cách nghe và chạm vào mùa hè theo cách mà một cậu bé thành phố chưa từng tưởng tượng. Chiếc lọ thứ nhất, Khôi bỏ vào những hạt sen già khô khốc. Khi lắc lên, chúng tạo ra âm thanh lách cách, lách cách như tiếng mưa gõ trên mái tôn. Khôi gọi đó là “Bản nhạc của đầm sen”. Chiếc lọ thứ hai, Lâm giúp Khôi ép những cánh hoa phượng rực rỡ nhất vào giữa hai lớp giấy nến. Khôi bảo màu đỏ này là để dành cho những ngày đông xám xịt, chỉ cần nhìn vào lọ là sẽ thấy ấm áp ngay. Nhưng chiếc lọ thứ ba mới là chiếc quan trọng nhất. Nó trống rỗng.

- “Ừa? Có gì ở trong đâu?” - Lâm lắc lắc chiếc lọ.

- “Hi. Đó là âm thanh của ánh nắng!” - Khôi gãi đầu, đôi mắt neho lại vì nắng phản chiếu trên mặt nước.

- “Lâm biết không, thế giới của tớ đôi khi rất yên lặng. Những lúc máy trợ thính hết pin, hoặc khi tớ tháo nó ra để đi bơi, tớ nghe thấy ánh nắng. Nó có tiếng vù vù như ong bay, đôi khi lại lách tách như tiếng vỏ hạt nảy mầm. Tớ muốn bắt lấy nó”.

Lâm nhìn Khôi, một cảm xúc lạ dâng lên. Cậu nhận ra mình có đôi tai lành lặn nhưng lại chẳng bao giờ thực sự lắng nghe thế giới xung quanh. Còn Khôi, dù thế giới âm thanh của cậu không trọn vẹn, nhưng tâm hồn cậu lại rộn ràng những giai điệu tuyệt đẹp.

Cứ thế, mùa hè năm ấy, tình bạn của họ lớn dần theo những vết nắng cháy trên da Lâm và những bức tranh đầy màu sắc trong cuốn sổ. Lâm không còn sợ côn trùng, cậu đã biết cách cầm một con chuồn chuồn ớt mà không làm nó đau. Cậu cũng biết rằng tiếng ve không phải là “máy khoan”, mà là tiếng đồng ca của những nhạc công đang vội vã tận hưởng quãng đời rực rỡ nhất.

Một buổi chiều tháng Bảy, khi cả hai đang mãi mê hứng nắng



Mình họa: Nguyễn Chơn Hiên

vào những chiếc lọ đặt trên mòm đá cao nhất cạnh đầm sen, bầu trời đột ngột biến đổi. Mây đen từ đầu kéo đến, đặc quánh và tím ngắt như màu mực đổ. Gió bắt đầu gào thét, quật những cành phượng vĩ nghiêng ngả. Những tiếng sấm ầm ầm từ xa vọng lại, nghe như tiếng trống trận của thiên đình.

- Sắp mưa lớn rồi! Lâm ơi, chạy mau!

Lâm run cầm cập. Cậu sợ nhất là sấm sét. Mỗi khi nghe tiếng sấm ở thành phố, cậu thường trùm chăn kín đầu. Nhưng nhìn lại những chiếc lọ thủy tinh đang chao đảo trên mòm đá, Lâm khựng lại. Đó là tất cả “mùa hè” của họ.

- Lọ của chúng ta... - Lâm chỉ tay về phía mòm đá.

Khôi không ngần ngại, lao ngược về phía đầm sen. Lâm cũng nghiêng rặng chạy theo, dù chân cậu đang run lên bần bật. Một tia chớp xé toạc bầu trời, theo sau là tiếng nổ đánh gọn ngay trên đầu. Lâm ngã rụi xuống bùn, đầu gối rướm máu. Nước mắt cậu trào ra hòa cùng nước mưa bắt đầu rơi xuống lá chã. Khôi quay lại, thấy bạn ngã, cậu vội vàng chạy tới. Gió quá lớn, mưa quất vào mặt rất buốt. Khôi nhìn chiếc máy trợ thính trên tai mình, rồi nhìn Lâm đang ôm tai vì sợ tiếng sấm.

Bất ngờ, Khôi tháo chiếc máy trợ thính rồi nhét nó vào cái hộp nhựa kín mang theo người, sau đó đưa cho Lâm.

- Cậu cầm lấy! Giữ cho nó khô! - Khôi hét vào tai Lâm - Tớ không nghe thấy sấm đâu, nên tớ không sợ! Tớ sẽ đi lấy lọ, cậu cứ ngồi yên đây!

Lâm bàng hoàng nhìn dáng nhỏ bé của Khôi lao vào màn mưa trắng xóa. Cậu cầm chiếc hộp chứa máy trợ thính trong tay, nó vẫn còn hơi ấm từ cơ thể Khôi. Lâm đứng phắt dậy, mặc cho bùn đất bám đầy người, cậu lao đến cạnh Khôi ngay khi cậu ấy vừa chạm tay vào chiếc lọ cuối cùng. Hai đứa trẻ ôm chặt lấy những chiếc lọ thủy tinh vào lòng, che chở chúng như báu vật, rồi cùng nhau chạy về phía gian nhà cổ của nội.

Cơn mưa rào mùa hạ đến nhanh và đi cũng nhanh. Khi mây đen tan đi, bầu trời hiện ra một dải cầu vồng tuyệt đẹp phía chân trời. Trong hiên nhà, hai đứa trẻ mặt mũi lấm lem bùn đất nhưng miệng cười toe toét. Hai chiếc lọ đã bị vỡ trong lúc chạy, nhưng bốn chiếc còn lại vẫn nguyên vẹn. Chiếc lọ “âm thanh ánh nắng” của Khôi bị sút một miếng ở miệng lọ.

- Tiếc quá, ánh nắng bay ra ngoài mất một ít rồi! - Khôi thở dài, đặt máy trợ thính lại lên tai.

Lâm nhìn Khôi, rồi nhìn những vệt nắng cuối ngày đang nhảy múa trên sân gạch. Cậu mở cuốn sổ vẽ đã bị ướt mép, lấy cây bút chì màu đỏ, vẽ một nét thật đậm, thật mạnh. Cậu không vẽ bông hoa phượng nằm im nữa. Cậu vẽ một cậu bé đang chạy trong mưa, đôi tay giơ cao chiếc lọ thủy tinh, và xung quanh là những tia chớp được cách điệu thành những nốt nhạc đỏ rực.

- Ngày Khôi, ánh nắng không bay đi đâu cả - Lâm chìa tay đưa bức tranh cho bạn - Nó ở trong này này!

Khôi nhìn bức tranh, rồi nhìn Lâm. Lần đầu tiên, Lâm thấy Khôi đỏ mặt. Cậu bé của nắng gió lại theo thói quen gãi đầu cười hi hi: "Cậu vẽ tốt trông... oai phết nhỉ?"

Buổi tối hôm đó, nội nấu canh chua cá lóc và chè hạt sen thơm lừng. Lâm nhận ra rằng thì ra mùa hè lại tuyệt vời đến thế. Mùa hè có vị ngọt của chè, có vị mặn của mồ hôi, và có cả vị cay của sự trưởng thành.

Ngày cuối cùng của kỳ nghỉ hè, xe của bố đã chờ sẵn ở cổng. Lâm chậm chậm kéo theo chiếc vali, nhưng lần này nó chứa thêm một báu vật: chiếc lọ thủy tinh đựng những hạt sen khô và những cánh hoa phượng ép.

Khôi đứng bên gốc đa, tay cầm một chiếc lọ mới. Bên trong không có gì cả, ngoại trừ một mảnh giấy nhỏ cuộn tròn: "Tặng Lâm! Đừng mở ra cho đến khi cậu về đến thành phố nhé!"

Khi chiếc xe lăn bánh, Lâm nhìn qua kính chiếu hậu, thấy bóng dáng Khôi nhỏ dần, nhỏ dần rồi tan vào màu xanh mướt của đầm sen. Không tìm được tò mò, cậu mở chiếc lọ ra. Mảnh giấy là những dòng chữ viết nguệch ngoạc: "Mùa hè không kết thúc đâu Lâm ạ. Nó nằm yên trong chiếc lọ của cậu, và chờ cậu mang nắng về lại vào năm sau. Cảm ơn vì đã nghe tiếng mùa hè cùng tớ!"

Lâm áp chiếc lọ vào tai. Cậu như nghe thấy tiếng gió lướt trên mặt đầm, tiếng cười của Khôi trên mỏm đá, và tiếng trái tim mình đang đập rộn ràng lời hứa sẽ quay trở lại.

Mùa hạ năm ấy, trong chiếc lọ thủy tinh của Lâm, có một bản giao hưởng đẹp nhất thế gian - bản giao hưởng của nắng, của gió, của tiếng cười và những điều chưa kịp gọi thành tên của một tình bạn đẹp.

Và trên môi Lâm, một nụ cười nở rộ như đoá sen vừa đón lấy ánh nắng đầu tiên của ngày mới. Cậu đang mang theo cả một mùa hạ trong tim để rồi một ngày không xa, khi nắng gọi tên, cậu sẽ quay về, mở chiếc lọ ấy ra và tiếp tục bản giao hưởng còn dang dở của tuổi thơ...

P.L.C

Chớm hạ

TRẦN VĂN LAN

Lập lờ bông hoa gạo
Thấp lửa rực góc trời
Quả xoan xanh như ngọc
Đón những hạt mưa rơi

Chích chòe vui hót nhộn
Trong nắng mới vàng ươm
Trái bưởi non ngơ ngác
Chờ thu về tỏa thơm

Vườn cà đơm tím nụ
Cò trắng nhón nhơ bay
Vòm trời cao trong vắt
tiếng tu hú đâu đây

Đất trời thơm ngào ngạt
Ong bướm bay vẽ vòng
Vườn nhà xanh mát lá
Say ngây ngất hương nồng.

Quê ngoại

CAO TIẾN KỲ

Nghỉ hè theo mẹ về quê
Nhà ngoại ở phía con đê cuối làng

Ngô xanh, xanh đến ngõ ngang
Cánh diều ru giữa mênh mang khoáng trời

Vườn sau cu gáy bồi hồi
Bên hiên nhà vắng, ông ngồi đọc thơ

Bờ ao, bói cá ngủ mơ
Giật mình lao xuống đớp hờ bóng mây

Vải thiếu khoác áo hây hây
Tiếng con tu hú gọi bầy râm ran

Vườn trưa ve dậy cung đàn
Đung đưa chùm nhãn, chùm cam trĩu cành

Cùng bà đi dưới vòm xanh
Hồn quê riu rít trong lành tiếng chim.

Địa danh Cầu Đôi trong thư tịch và tâm thức dân gian

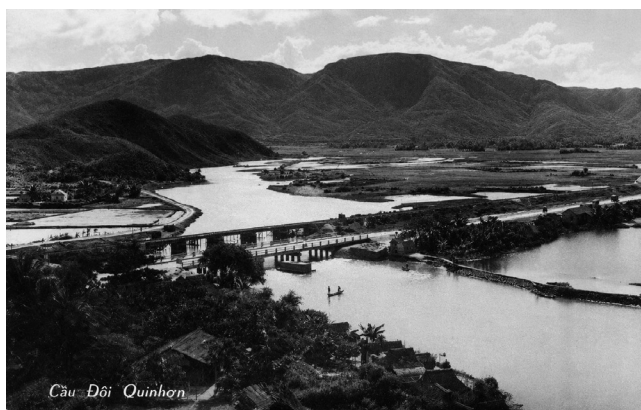
TS. VÕ MINH HẢI

Giữa không gian đô thị hiện đại của Quy Nhơn, Cầu Đôi vẫn hiện diện như một biểu tượng quen thuộc gắn với ký ức văn hóa địa phương. Không chỉ là một địa điểm giao thông nằm cạnh Tháp Đôi, địa danh này còn lưu giữ nhiều lớp trầm tích lịch sử từ thời Tây Sơn đến triều Nguyễn. Qua các thư tịch cổ như *Đại Nam thực lục*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, có thể thấy tên gọi “Cầu Đôi” đã tồn tại trong dân gian từ rất sớm, trước cả khi người Pháp xây dựng tuyến đường sắt Quy Nhơn - Diêu Trì vào đầu thế kỷ XX.

Từ phòng tuyến Tây Sơn đến địa danh trong sử sách

Ngày nay, nhắc đến Cầu Đôi, nhiều người thường nghĩ đến cây cầu đường bộ nằm song song với cầu đường sắt nối từ ga Diêu Trì xuống cảng Quy Nhơn. Hai cây cầu nằm cạnh nhau, lại kề bên Tháp Đôi cổ kính của người Chăm, tạo nên hình ảnh “đủ cặp đủ đôi” rất đặc biệt trong không gian đô thị Quy Nhơn. Chính điều đó đã đi vào ca dao dân gian: “*Cầu Đôi nằm cạnh Tháp Đôi/ Vật còn đèo bòng duyên lứa, hướng chi tôi với nàng*”.

Lâu nay vẫn có quan niệm cho rằng địa danh Cầu Đôi chỉ xuất hiện từ khi người Pháp xây dựng đường sắt vào khoảng thập niên 1920 - 1930. Tuy nhiên, đối chiếu các thư tịch triều Nguyễn cho thấy địa danh này đã xuất hiện từ cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Trong các cuộc chiến giữa nhà Tây Sơn và lực lượng Nguyễn Ánh, khu vực này được ghi nhận với tên gọi Tân Hội kiều (Cầu Tân Hội). Sách *Đại Nam thực lục* nhiều lần nhắc đến phòng tuyến cầu Tân Hội như một vị trí quân sự trọng yếu trong cuộc chiến giữa quân Nguyễn và quân Tây Sơn. Năm 1793, sau khi phá vỡ phòng tuyến cầu Tân Hội, Võ Tánh tiến quân đánh Nguyễn Văn Bảo tại cánh đồng Bình Thạnh. Địa



Cầu Đồi trong những năm tháng trước đây. Ảnh nguồn: Qui Nhơn xưa



Cầu Đồi hiện nay. Ảnh M.N

điểm Bình Thạnh ngày nay tương ứng khu vực từ ngã ba Ông Thọ đến Chợ Dinh, cho thấy cầu Tân Hội nằm về phía hạ lưu, tức khu vực Cầu Đồi hiện nay.

Trong giai đoạn chiến sự ác liệt từ năm 1800 đến năm 1801, khu vực cầu Tân Hội tiếp tục giữ vai trò là vị trí quân sự trọng yếu bảo vệ thành Bình Định. Tháng 4 năm 1800, Nguyễn Ánh đưa đại quân ra cứu viện cho Võ Tánh và Ngô Tùng Châu đang cố thủ trong thành nhưng vấp phải sự chống trả quyết liệt của lực lượng Tây Sơn do Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng chỉ huy. Sau trận thủy chiến lớn ở Thị Nại đầu

năm 1801, quân Nguyễn đổ bộ lên Chợ Giã (Quy Nhơn) rồi mở nhiều đợt tiến công vào hệ thống phòng tuyến của Tây Sơn ở khu vực phía Bắc thành. Đến tháng Ba năm ấy, cánh quân của Lê Văn Duyệt trực tiếp giao chiến tại cầu Tân Hội. *Đại Nam thực lục*, tập 1 có chép: “*Tướng giặc Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng sai đồ đảng đặt đồn bảo liên tiếp ở Phú Hòa, cầu Đông Giang, cầu Tân Hội để chống cự quân ta. Vua sai Lê Văn Duyệt và Nguyễn Văn Khiêm đem quân đánh... quân giặc tán loạn, bắt được Đô đốc Nguyễn Bá Phong. Vệ úy Vệ Ban Trực tả là Võ Văn Tài trúng đạn chết ở đồng Bình Thạnh, sau tặng Chuông cơ*”. Đặc biệt, tài liệu còn mô tả việc Nguyễn Ánh cho lập hệ thống tín hiệu quân sự trên núi Hưng Thạnh - tức khu vực núi Tháp Đồi ngày nay - để quan sát và phối hợp tác chiến: “*Ban ngày treo cờ hiệu ở trên núi, ban đêm đốt đài lửa hiệu để biết mà tiếp ứng nhau*”. Chi tiết ấy cho thấy toàn bộ khu vực quanh Cầu Đồi - Tháp Đồi từng là không gian quân sự chiến lược trong giai đoạn cuối của cuộc chiến Tây Sơn - Nguyễn.

Cầu Đồi - dấu vết trong thư tịch triều Nguyễn

Một điểm đáng chú ý là các địa chí triều Nguyễn không chỉ ghi tên hành chính cầu Tân Hội, mà còn xác nhận tên gọi dân gian “Cầu Đồi”. *Đại Nam nhất thống chí* (Bản Tự Đức) viết: “*Cầu Tân Hội: ở chỗ hết nước của đầm Biển Cạn thuộc huyện Tuy Phước, tục gọi là Cầu Đồi*”. Đây là một ghi chép rất quan trọng, bởi nó chứng minh rằng tên gọi Cầu Đồi đã phổ biến trong dân gian ít nhất từ đầu triều Nguyễn.

Trước đó, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* do Lê Quang Định biên soạn đầu thế kỷ XIX cũng ghi nhận: “Đến cầu Tân Hội, cầu dài 23 tầm, tục gọi là Cầu Đồi, đây là chỗ cuối của đầm Biển Cạn”.

Đầm Biển Cạn chính là tên gọi xưa của đầm Thị Nại. Còn Phú Hòa Đông là tên cũ của làng Phú Hòa. Những dữ kiện này cho phép xác định khá rõ vị trí của cầu Tân Hội trong hệ thống địa lý cổ Quy Nhơn. Như vậy, trước khi trở thành một địa danh đô thị hiện đại, địa danh Cầu Đồi đã tồn tại trong ký ức cộng đồng như một tên gọi dân gian quen thuộc, song hành cùng tên hành chính trong thư tịch nhà Nguyễn.

Biểu tượng văn hóa trong tâm thức người Bình Định

Không chỉ hiện diện trong sử sách, Cầu Đồi còn sống rất sâu trong tâm thức dân gian Bình Định. Hình ảnh cây cầu nằm cạnh Tháp Đồi dần vượt ra ngoài ý nghĩa địa lý đơn thuần để trở thành biểu tượng của sự gắn bó, thủy chung và nhân nghĩa. Trong cảm thức dân gian, “đồi” không chỉ là hình ảnh vật thể mà còn gợi sự đồng hành, bền chặt: “*Cầu Đồi mà Tháp cũng Đồi/ Dễ chi nhân nghĩa mà đời được sao*”. Có lẽ chính vì vậy mà qua hàng trăm năm biến động lịch sử, địa danh Cầu Đồi vẫn được lưu giữ bền vững trong đời sống ngôn ngữ của cư dân địa phương. Từ một phòng tuyến quân sự thời Tây Sơn, nơi đây dần trở thành không gian ký ức văn hóa của đô thị Quy Nhơn.

Ngày nay, giữa nhịp sống hiện đại, Cầu Đồi không chỉ là nơi kết nối giao thông mà còn là một địa danh ký ức, nơi giao thoa giữa lịch sử, thư tịch cổ và tâm thức dân gian Gia Lai. Qua những trang sử cũ và những câu ca còn lưu truyền, địa danh ấy tiếp tục kể câu chuyện về chiều sâu văn hóa của vùng đất võ trời văn bên đầm Thị Nại.

V.M.H

Trở lại dòng sông tuổi thơ

NGUYỄN TRẦN THANH TRÚC

Có một dòng sông xanh ngắt chảy tràn qua những năm tháng niên thiếu đời tôi. Dòng sông ấy chẳng nổi tiếng đến mức xuất hiện trên bản đồ du lịch hay trong mấy cuốn sách địa lý. Nó chỉ lặng lẽ nằm đó ôm lấy xóm làng như một vòng tay hiền từ của đất mẹ. Nhưng đối với những đứa trẻ lớn lên bên bờ sông như tôi, đó là cả một thế giới.

Tuổi thơ của tôi bắt đầu từ những buổi sáng còn ẩm hơi sương, khi mặt trời chưa kịp ló lên khỏi rặng tre cuối xóm. Dòng sông khi ấy xanh như một dải lụa mềm, phẳng lặng đến mức có thể soi rõ từng cụm mây trắng đang trôi trên đầu. Bên mép nước, vài đám lục bình tím biếc chầm chậm xuôi dòng. Những con chuồn chuồn kim đậu trên ngọn cỏ non. Xa xa là tiếng xe đạp của những người đi chợ sớm vọng lại giữa không gian còn ngái ngủ.

Ngày đó, bọn trẻ chúng tôi chẳng có nhiều đồ chơi. Thứ quý giá nhất là những buổi trưa hè được chạy chân đất trên con đường cát nóng bỏng, rồi ào xuống sông như những chú cá nhỏ vừa tìm được vùng nước mát. Dòng sông trở thành hồ bơi của tuổi thơ, thành sân vận động của những nhà thể thao nhí, thành nơi diễn ra đủ mọi trò nghịch ngợm mà người lớn nhiều lần phải lắc đầu ngao ngán.

Có những hôm nước cạn, cả đám kéo nhau đi bắt cá lòng tong, mò hến, cua ốc. Có những ngày nước lớn, bọn tôi kết bè bằng thân chuối rồi hí hửng chèo ra giữa dòng như những nhà thám hiểm tí hon. Dòng sông ấy đã giữ hộ

những bí mật ngây ngô của chúng tôi bằng một cách rất riêng. Nó chôn sâu dưới lớp phù sa những lời thề trẻ con rằng sau này lớn lên sẽ cùng nhau làm bác sĩ, kỹ sư, nhà thiết kế... Nó biết lắng nghe những giấc mơ còn vụng dại của một lũ trẻ chưa từng bước ra khỏi lũy tre làng. Và, nó cũng biết giấu đi những giọt nước mắt đầu tiên của tuổi thơ, những lần bị điểm kém, bị la rầy hay cùng bạn bè giận dỗi.

Tôi nhớ một buổi chiều đầu hạ, thằng Tín trong xóm bị ba đánh vì làm mất con bò trong lúc chăn thả ngoài bãi. Nó chẳng dám về nhà, ngồi một mình bên bờ sông nhìn nước chảy. Khi bọn tôi tìm thấy nó là lúc nó đang ngồi khóc nức nở. Dòng sông hôm đó lặng lẽ chảy qua đôi mắt đỏ hoe của một đứa trẻ mười tuổi. Chẳng có một lời an ủi nào, cả đám chỉ ngồi bên nhau, ném từng viên sỏi xuống mặt nước rồi nhìn những vòng tròn loang ra. Vậy mà kỳ lạ thay, đến lúc mặt trời lặn, nỗi buồn của thằng Tín dường như cũng trôi theo con nước đi mất.

Những năm tháng ấy trôi qua chậm rãi. Mùa hè nối tiếp mùa hè. Những cây bần ven bờ lớn dần lên. Những cánh đồng thay màu theo từng vụ lúa. Còn bọn tôi thì vô tư trưởng thành bằng những tiếng cười.

Ngày nhận giấy báo đậu đại học, tôi một mình ra bờ sông ngồi rất lâu. Mặt nước hôm ấy cũng trong veo như những năm còn nhỏ. Những đám mây vẫn trôi. Những cánh chim vẫn bay về phía cánh đồng xa. Mọi thứ dường như chẳng thay đổi, chỉ có lòng người đã khác. Tôi biết mình sắp xa quê, biết phía trước là một cuộc sống hoàn toàn mới. Và lần đầu tiên trong đời, tôi hiểu thế nào là cảm giác lưu luyến. Có lẽ suốt nhiều năm qua, dòng sông đã chứng kiến biết bao cuộc chia tay như thế. Những đứa trẻ lớn lên rồi rời đi. Những người già lần lượt khuất bóng. Những mái nhà thay màu ngói mới. Những con đường đất thành đường bê tông... Mọi thứ đều đổi thay, chỉ có dòng sông vẫn âm thầm ở lại.

Bây giờ, mỗi lần trở về quê, tôi vẫn có thói quen đứng bên bờ sông cũ. Những người bạn năm nào đã có cuộc sống riêng. Chúng tôi không còn nhảy ùm xuống nước như ngày còn thơ, không còn chạy chân trần trên bãi cát nóng, không còn những buổi trưa nằm dài dưới bóng cây rồi cười vang vì những câu chuyện cười nhạt nhẽo. Nhưng mỗi khi nhìn mặt nước xanh ngắt, tôi vẫn thấy một phần tuổi thơ mình còn đâu đó trong từng gợn sóng nhẹ. Vẫn có những đứa trẻ đang bơi lội giữa dòng, vẫn có tiếng cười vọng từ bến sông, vẫn có những giấc mơ nhỏ bé đang được gửi theo dòng nước. Và trong dòng chảy bất tận ấy, có một phần đời của tôi vẫn còn nằm lại, xanh ngắt như màu nước năm nào, rực rỡ như những mùa hè chưa từng già đi trong trí nhớ.

N.T.T.T

Đón các anh về với đất mẹ

Âu yếm- Thiết tha

Nhạc: Lê Khắc Hùng
Thơ: Trần Thế Tuyền

Mẹ vẫn ngồi bậu cửa đợi con. Hoa cau rụng kín
bờ ao nhỏ. Các anh chưa về, phượng cháy đỏ.
Mấy chục năm vời vợi nhớ thương. Thân ngã xuống nơi chiến
trường gần xa. Thành đất đai Tổ quốc. Hồn bay
lên như hện ước, hóa linh thiêng. Đón các anh về với quê
huang, xứ sở. Để mẹ không còn ngồi bậu cửa ngóng trông. Các anh ở
đâu? Các anh ở đâu? Tân Sơn Nhất hay Lê Thị Riêng. Rừng miền Đông hay Tháp Mười bát
ngát. Hay miền Trung nắng cháy, Trường Sơn âm u, biển Đông sóng vỗ mênh mông.
Đón các anh về với dòng sông, cánh đồng. Lời hện ước năm xưa vẫn còn
đó. Lời thề người chiến sĩ năm xưa mãi đi vào trang sử.
Nén nhang cong thay lời bài hát. Chúng tôi đưa các
anh về với đất mẹ thân yêu.

Về lại nơi em nằm

Xao động - tình cảm

Nhạc và lời: Nguyễn Thế Tuyên

Im tiếng súng tôi tìm về bến cũ Chỉ gặp dòng sông và
đám lục bình trôi Gặp mảnh khăn rằn trên đám lá bời bời
em ơi em đâu rồi ơi em gái nhỏ Đau xé lòng tôi chợt
nghe câu hát Giấc giết em rồi quăng mất xác Em hóa thân
vào sông nước mệnh mông Về bến sông xưa giờ
vắng bóng em Cầu nối đôi bờ phố xá mọc lên
Không biết hồn em giờ ở nơi nào Một nén hương lòng gửi
theo cùng gió Tạ ơn nỗi đau theo tôi ngày tháng
Đáy sông em nằm thuyền ghe vẫn ngược xuôi

Fine

Màu xanh biên giới

Nhạc và lời: Trần Kim Vân

$\text{♩} = 65$

The musical score is written in treble clef with a key signature of two sharps (F# and C#) and a 2/4 time signature. It consists of nine staves of music. The lyrics are written in Vietnamese and are aligned with the notes. There are several musical notations including triplets, first and second endings, and a repeat sign. The lyrics are: Xanh màu xanh trải dài theo sườn núi Gió đại ngàn ...giới trăng mờ in dòng suối Sương lạnh đây hòa theo tiếng suối reo Nơi biên cương dáng hình người lính tràn vai chiếc áo xanh Anh hiền ngang giữa trời nắng cháy Canh đất trời gìn giữ quê hương Đêm biên ..đèo. chẳng ngại gian nan Nơi biên giới ngân vang lời hát Chạm vào tim đất mẹ thiêng liêng Dẫu giây phút tâm hồn xao động Vẫn không quên nhiệm vụ tuần tra Màu xanh áo hòa màu biên giới Một niềm tin bền bỉ sắt son Cho em thơ vui đùa đến lớp Giữ bình yên trên đất mẹ hiền Dẫu gian khó nơi tuyến đầu biên giới Vẫn hướng về Tổ quốc thiêng liêng

Xanh màu xanh trải dài theo sườn núi Gió đại ngàn
...giới trăng mờ in dòng suối Sương lạnh đây
hòa theo tiếng suối reo Nơi biên cương dáng hình người lính
tràn vai chiếc áo xanh Anh hiền ngang giữa trời nắng cháy
Canh đất trời gìn giữ quê hương Đêm biên ..đèo. chẳng ngại gian
nan Nơi biên giới ngân vang lời hát Chạm vào tim đất mẹ thiêng
liêng Dẫu giây phút tâm hồn xao động Vẫn không quên nhiệm vụ tuần tra
Màu xanh áo hòa màu biên giới Một niềm tin bền bỉ sắt son Cho em
thơ vui đùa đến lớp Giữ bình yên trên đất mẹ hiền Dẫu gian
khó nơi tuyến đầu biên giới Vẫn hướng về Tổ quốc thiêng liêng

Tiếng đàn goong thương nhớ

Nhạc và lời: NSUT Trương Đức Hà

Sôi nổi - yêu thương

Tây Nguyên tháng Mười cơn mưa tạnh Đêm Ha Ra trăng vàng con suối
Tiếng đàn goong như cười như nói Giai điệu
Tây Nguyên mời gọi vòng xoang Tây Nguyên tháng Mười mưa đã
tạnh Bầu trời xanh lạnh sương sương tan
Tiếng đàn goong cùng với già làng Lắng sâu vang vọng
Tây Nguyên nồng nàn Tây Nguyên đêm Ha Ra Tiếng đàn
goong thao thức tiếng đàn goong rạo rức Ngân nga náo
nức gọi ta về Hồi thần sông mây núi
Người Tây Nguyên vẫn thế Một lòng theo Đảng nhớ Bác Hồ Muốn đời quý
độc lập và tự do

Fine

Lối xưa

Xao xuyến ♩ = 60 Nhạc: Vũ Thành
Thơ: Thanh Vân

Lối xưa trở lại mình em Tìm trong ánh nắng mượt mềm vườn
thơ Rêu phong tháp cổ đợi chờ Giọt thương giọt đợi mộng mơ tuổi
nào Lối xưa nổi nhớ ngọt ngào Mây giăng ngập lối chốn nao ta
về Mùa thương tìm nhật câu thề Chạnh lòng một thuở vẫn về nỗi
buồn Lối xưa mây trắng còn vương Chiều nao sánh
bước khắp phương cuối trời Tay mềm đan siết bên đời Mênh mông sóng
vỗ nụ cười yêu thương

Pleiku và em

Nhạc và lời: Hồ Hoàng Vinh

Slow ♩ = 59

Em đi, về phố núi. Đáng mến, tóc xòa bồng trong
(Thương em...) bờ mắt biếc. Nắng hồng, nhớ mãi rừng hồng

sương, ngược đôi thông, đàn chim tung cánh, tìm về phố, đậu mái tình
reo. Biển Hồ xanh, màu xanh biếc. Hàm Rồng...

nhân (thương...) nghiêng, đầu quán quanh mây Plei ku

ôi! sao mà thương, đến thế. Phố không

về, ta viết đã vẫn thơ. Ai ru

ta, chút nông nản, nhẹ nhẹ, con dốc hờn đứng nủ sương

tan, (Plei ku...) tan. Giọt cà phê, chậm

chậm lẫn vào nhớ, nắng thẹn thùng, nắng gọi gió trong mây.

Plei ku ơi! Thôi tạm xa em nhé. Khuất trong

em, vật nắng vất bên đồi. Fine